

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../ND-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo ngày
21/11/2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

2. Nghị định này không điều chỉnh việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng tại thị trường trong nước theo quy định của Luật Chứng khoán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 3. Áp dụng quy định pháp luật liên quan

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này còn phải thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, kinh doanh bất động sản, bảo hiểm và xổ số còn phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
2. Doanh nghiệp dự án PPP chào bán trái phiếu ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này, phải thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư.
3. Đối với doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh và các văn bản hướng dẫn. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.
4. Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài việc tuân thủ theo quy định của Nghị định này, phải tuân thủ quy định về nguyên tắc huy động vốn, thẩm quyền huy động vốn, mục đích huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trái phiếu doanh nghiệp* là loại chứng khoán có kỳ hạn từ 01 năm trở lên do doanh nghiệp phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần nợ của doanh nghiệp phát hành.

2. *Trái phiếu doanh nghiệp xanh* là trái phiếu doanh nghiệp được phát hành để huy động vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

3. *Trái phiếu chuyển đổi* là loại hình trái phiếu do công ty cổ phần phát hành, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của chính doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.

4. *Trái phiếu có bảo đảm* là loại hình trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần lãi, gốc bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật.

5. *Trái phiếu kèm chứng quyền* là loại hình trái phiếu được công ty cổ phần phát hành kèm theo chứng quyền, cho phép người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông của doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.

6. *Tổ chức kiểm toán đủ điều kiện* là tổ chức được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập đối với doanh nghiệp phát hành là công ty không phải là công ty đại chúng; là tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Chứng khoán đối với doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

7. *Hoán đổi trái phiếu* là việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu để hoán đổi cho trái phiếu đang lưu hành của chính doanh nghiệp đó tại cùng một thời điểm để cơ cấu lại danh mục nợ.

8. *Mua lại trái phiếu trước hạn* là việc doanh nghiệp mua lại trái phiếu đã phát hành của chính doanh nghiệp trước ngày đáo hạn.

9. *Ngày bắt đầu đợt chào bán* là ngày bắt đầu việc thu tiền mua trái phiếu được chào bán từ các nhà đầu tư.

10. *Ngày kết thúc đợt chào bán* là ngày doanh nghiệp phát hành hoàn thành việc phân phối trái phiếu và kết thúc việc thu tiền mua trái phiếu được chào bán từ các nhà đầu tư. Ngày kết thúc đợt chào bán là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp phát hành đối với trái phiếu được chào bán.

11. *Hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ* là hệ thống giao dịch cho trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ do Sở giao dịch chứng khoán tổ chức, vận hành.

Điều 5. Nguyên tắc phát hành và sử dụng vốn trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự

chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ, chịu trách nhiệm đối với mọi tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc phát hành, sử dụng vốn, trả nợ gốc, lãi trái phiếu.

2. Mục đích phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước là để thực hiện các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, cơ cấu lại nợ của chính doanh nghiệp hoặc mục đích phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Doanh nghiệp phải nêu cụ thể mục đích phát hành tại phương án phát hành theo quy định tại Điều 11 Nghị định này và công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu. Nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được doanh nghiệp theo dõi riêng, đảm bảo sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng vốn đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận và nội dung công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư.

3. Đối với phát hành trái phiếu xanh, ngoài các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được theo dõi, sử dụng cho các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và phương án phát hành đã được phê duyệt.

4. Đối với trái phiếu phát hành tại thị trường trong nước, doanh nghiệp chỉ được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu, thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán khi đáp ứng các quy định sau:

a) Được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành trái phiếu quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này thông qua;

b) Được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

5. Đối với người sở hữu trái phiếu không chấp thuận thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đàm phán để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Trường hợp có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận phương án đàm phán thì doanh nghiệp phát hành phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư (kể cả trường hợp việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu trở lên chấp thuận).

Điều 6. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu

1. Kỳ hạn trái phiếu: Do doanh nghiệp phát hành quyết định đối với từng đợt chào bán căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp.

2. Giá trị phát hành: Do doanh nghiệp phát hành quyết định đối với từng đợt chào bán căn cứ vào mục đích, nhu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp, tuân thủ quy định của Nghị định này và pháp luật liên quan.

3. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu

a) Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, đồng tiền phát hành, thanh toán lãi, gốc trái phiếu là đồng Việt Nam;

b) Đối với trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, đồng tiền phát hành, thanh toán lãi, gốc trái phiếu là ngoại tệ theo quy định tại thị trường phát hành và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

4. Mệnh giá trái phiếu

a) Trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, mệnh giá là một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam hoặc bội số của một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam;

b) Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, mệnh giá thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành.

5. Hình thức trái phiếu

a) Trái phiếu được chào bán dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử;

b) Doanh nghiệp phát hành quyết định cụ thể hình thức trái phiếu đối với mỗi đợt chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.

6. Lãi suất danh nghĩa trái phiếu

a) Lãi suất danh nghĩa trái phiếu có thể xác định theo một trong các phương thức: lãi suất cố định cho cả kỳ hạn trái phiếu; lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi;

b) Trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi, doanh nghiệp phát hành phải nêu cụ thể cơ sở tham chiếu để xác định lãi suất danh nghĩa tại phương án phát hành và công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu;

c) Doanh nghiệp phát hành quyết định lãi suất danh nghĩa cho từng đợt chào bán phù hợp với tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ. Lãi suất trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành ngoài việc tuân thủ quy định tại Nghị định này phải phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

7. Loại hình trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định theo quy định của pháp luật.

8. Phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn và thông lệ thị trường phát hành để công bố cho nhà đầu tư trước khi chào bán trái phiếu.

Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có trách nhiệm:

a) Tuân thủ quy định của Nghị định này về việc chào bán trái phiếu;

b) Sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn từ chào bán trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, nội dung công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư và theo quy định của pháp luật;

c) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước nhà đầu tư về tính chính xác, trung thực, đầy đủ, hợp lệ của thông tin kê khai trong hồ sơ chào bán/đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, tài liệu công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và về việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán; có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến phương án phát hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp phát hành và của nhà đầu tư;

đ) Doanh nghiệp phát hành phải mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này;

e) Thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật;

g) Tuân thủ các nghĩa vụ khác quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, chủ sở hữu doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm:

a) Phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều lệ của công ty, quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật doanh nghiệp;

b) Theo dõi, quản lý, giám sát việc huy động, sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, nội dung công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư; quản lý, giám sát việc thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này và Điều lệ công ty.

3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước, quản lý, giám sát việc huy động và sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo

1. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu báo cáo. Tổ chức, cá nhân tham gia xác nhận hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo đó. Hồ sơ, tài liệu báo cáo phải bảo đảm thông tin rõ ràng, không gây hiểu nhầm và có đầy đủ những nội dung quan trọng ảnh hưởng đến quyết định của cơ quan, tổ chức và nhà đầu tư.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyên đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hồ sơ đăng ký trái phiếu, đăng ký giao dịch trái phiếu xem xét tính hợp lệ của hồ sơ trên cơ sở hồ sơ được cung cấp; không chịu trách nhiệm về những vi phạm của tổ chức, cá nhân xảy ra trước và sau khi nộp hồ sơ hợp lệ. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ, tài liệu báo cáo có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức tư vấn hồ sơ thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành và có trách nhiệm sau:

a) Trung thực, cân trọng và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động tư vấn hồ sơ;

b) Có trách nhiệm rà soát, kiểm tra các thông tin trong hồ sơ, bảo đảm việc phân tích, đánh giá được thực hiện hợp lý và cân trọng trên cơ sở các thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi tư vấn liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo.

4. Tổ chức đại lý phát hành thực hiện phân phối theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành và có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động phân phối trái phiếu.

5. Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đủ điều kiện, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập; tuân thủ chuẩn mực kiểm toán khi kiểm toán báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm đối với ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các báo cáo, số liệu được kiểm toán; tuân thủ chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ đảm bảo.

6. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm, doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm, doanh nghiệp thẩm định giá, người ký báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm, người lý chứng thư thẩm định giá có trách nhiệm:

a) Bảo đảm độc lập, khách quan, trung thực, minh bạch khi cung cấp dịch vụ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi cung cấp dịch vụ;

b) Bảo đảm việc phân tích, nhận định, đưa ra đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm, kết quả thẩm định giá được thực hiện hợp lý và cân trọng trên cơ sở

thu thập thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp và trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật về xếp hạng tín nhiệm, thẩm định giá, pháp luật có liên quan và quy định tại Nghị định này.

7. Việc nộp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này được thực hiện thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định này thì thông tin về danh tính điện tử, thông tin tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử có giá trị chứng minh tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính.

Chương II

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Mục 1

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 9. Nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ:

a) Đối với trái phiếu không chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu không kèm chứng quyền riêng lẻ: đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;

b) Đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ: đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược;

c) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại điểm a và điểm b khoản này;

d) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong trường hợp trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm và có tài sản đảm bảo hoặc trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm và có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1b Điều 11 Luật Chứng khoán được bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15. Tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán phải bảo đảm thanh toán toàn bộ lãi, gốc của trái phiếu. Tài sản bảo đảm không bao gồm cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, phần vốn góp của chính doanh nghiệp phát hành;

đ) Nhà đầu tư chiến lược tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại điểm b khoản này là nhà đầu tư do Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm. Số lượng nhà đầu tư chiến lược tham gia một đợt chào bán không quá 100 nhà đầu tư chiến lược.

2. Việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, ngoại trừ quy định tại điểm b khoản này;

b) Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán để mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải đảm bảo danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch do nhà đầu tư nắm giữ có giá trị tối thiểu 02 tỷ đồng được xác định bằng giá trị thị trường bình quân theo ngày của danh mục chứng khoán trong thời gian tối thiểu 180 ngày liền kề trước ngày xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, không bao gồm giá trị vay giao dịch ký quỹ và giá trị chứng khoán thực hiện giao dịch mua bán lại. Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại điểm này có giá trị trong vòng 03 tháng kể từ ngày được xác nhận.

3. Tổ chức có trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu:

a) Tổ chức có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và tài liệu xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

b) Doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chiến lược căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của doanh nghiệp phát hành về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định của pháp luật chứng khoán;

c) Tổ chức xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu có trách nhiệm ký xác nhận vào văn bản xác nhận của nhà đầu tư trước khi mua trái phiếu theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu.

4. Trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu:

a) Tiếp cận đầy đủ hồ sơ chào bán trái phiếu, nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành; hiểu rõ điều kiện, điều khoản trái phiếu và các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành trước khi quyết định mua và giao dịch trái phiếu;

b) Hiểu rõ về các rủi ro phát sinh trong việc mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu; hiểu rõ và tuân thủ quy định về đối tượng nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quy định tại Nghị định này;

c) Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch trái phiếu. Nhà nước không bảo đảm việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và các quyền khác cho nhà đầu tư mua trái phiếu;

d) Trước khi mua trái phiếu (cả trên thị trường sơ cấp và thứ cấp), nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b, c khoản này và tự chịu trách nhiệm về quyết định mua trái phiếu của mình sau khi ký văn bản xác nhận. Văn bản xác nhận theo mẫu quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này phải được lưu trữ tại hồ sơ chào bán trái phiếu hoặc tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định tại Điều 22 Nghị định này; không được bán hoặc cùng góp vốn đầu tư trái phiếu dưới mọi hình thức với nhà đầu tư không thuộc đối tượng được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quy định tại Nghị định này. Việc mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của

pháp luật chuyên ngành;

e) Trường hợp bán trái phiếu trên thị trường thứ cấp, người bán trái phiếu phải cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu;

g) Sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt khi thực hiện mua, bán, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

5. Quyền lợi của nhà đầu tư mua trái phiếu

a) Được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin đầy đủ, cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định này;

b) Được doanh nghiệp phát hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn, thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu và các thỏa thuận với doanh nghiệp phát hành;

c) Được yêu cầu doanh nghiệp phát hành mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này;

d) Được yêu cầu người bán trái phiếu cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị định này khi mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp.

Điều 10. Việc mở và sử dụng tài khoản phong tỏa

1. Doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải mở 01 tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trường hợp doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng phải lựa chọn một ngân hàng khác hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài để mở tài khoản phong tỏa.

Doanh nghiệp phát hành không được sử dụng tiền trong tài khoản phong tỏa dưới bất cứ hình thức nào cho đến khi kết thúc đợt chào bán, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi tài khoản phong tỏa được mở không phải là người có liên quan của doanh nghiệp phát hành. Tài khoản phong tỏa không được trùng với tài khoản thanh toán của doanh nghiệp phát hành.

Điều 11. Phương án phát hành trái phiếu và thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu xây dựng phương án phát hành bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Mục đích phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này;

b) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm các thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, tình trạng pháp lý của dự án, tổng mức đầu tư của dự án, các rủi ro đầu tư của dự án, tình hình triển khai dự án (dự án đã hoàn thành hoặc chưa hoàn thành thủ tục đầu tư, thời gian thực hiện dự án, dự kiến tiến độ giải ngân) và/hoặc khoản nợ được cơ cấu (trong đó nêu cụ thể về chủ nợ, giá trị, kỳ hạn, mục đích vay nợ, tiến độ dự kiến thanh toán các khoản nợ); đối với tổ chức tín dụng, phương án sử dụng vốn phải nêu rõ là để thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các mục đích: tăng vốn cấp 2, cho vay, đầu tư hoặc sử dụng cho mục đích theo quy định pháp luật tổ chức tín dụng.

Trường hợp chưa đến thời điểm giải ngân theo tiến độ, doanh nghiệp được sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu vào các mục đích phù hợp với ngành nghề kinh doanh theo đăng ký doanh nghiệp và phải nêu rõ kế hoạch sử dụng vốn tạm thời nhàn rỗi tại phương án phát hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thông qua;

c) Thuyết minh việc đáp ứng từng điều kiện chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan;

d) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu dự kiến chào bán. Đối với chào bán trái phiếu thành nhiều đợt, tổ chức tín dụng phải dự kiến số lượng đợt chào bán, giá trị chào bán của từng đợt và thời điểm chào bán của từng đợt. Đối với trái phiếu có tài sản bảo đảm, doanh nghiệp phát hành phải nêu cụ thể loại tài sản bảo đảm và giá trị của tài sản bảo đảm được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá, tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, việc đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và thứ tự thanh toán cho nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ;

đ) Phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đối với trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ hoặc phương pháp tính giá chuyển đổi, việc đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật, việc trả nợ vốn trong trường hợp không chuyển đổi trái phiếu, thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các điều khoản khác);

e) Phương án thực hiện quyền của chứng quyền đối với trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ thực hiện quyền; giá hoặc phương pháp tính giá phát hành; việc trả nợ vốn; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài; các điều khoản khác). Trường hợp giá chuyển đổi, giá phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền thấp hơn mệnh giá, việc chuyển đổi, thực hiện quyền chỉ được thực hiện khi tổ

chức phát hành có đủ thặng dư vốn cổ phần để bù đắp phần thặng dư âm phát sinh do phát hành cổ phiếu dưới mệnh giá;

g) Phương án dự kiến sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền;

h) Các trường hợp, điều kiện, điều khoản và cam kết của doanh nghiệp phát hành về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu;

i) Một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong 03 năm liền kề trước năm phát hành và sự thay đổi sau khi phát hành (nếu có), bao gồm:

- Vốn chủ sở hữu (nêu cụ thể vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, chênh lệch đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá...);

- Tổng số nợ phải trả gồm nợ vay ngân hàng, nợ vay từ phát hành trái phiếu và nợ phải trả khác (nêu cụ thể các khoản nợ phải trả);

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn gồm: hệ số nợ phải trả/tổng tài sản, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu;

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán gồm: hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn), hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn);

- Tổng dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu)/vốn chủ sở hữu;

- Lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế (trường hợp lỗ, nêu cụ thể lỗ trong năm tài chính và lỗ lũy kế);

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời gồm: hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản, hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu;

- Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

k) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu đã phát hành và các khoản nợ đến hạn (không bao gồm nợ trái phiếu) trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu;

l) Đánh giá về tình hình tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp, khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành;

m) Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính hoặc ý kiến soát xét của kiểm toán đối với báo cáo tài chính;

n) Phương thức phát hành trái phiếu;

o) Đối tượng mua trái phiếu; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và danh sách nhà đầu tư chiến lược đối với phát hành trái phiếu chuyển đổi và phát hành trái phiếu kèm chứng quyền; tiêu chí của nhà đầu tư đối với chào bán trái

phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

p) Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải nêu chi tiết kế hoạch trả nợ lãi, gốc trái phiếu (bao gồm chi tiết kế hoạch bố trí nguồn cho từng kỳ thanh toán lãi, gốc trái phiếu cho đến khi đáo hạn, phương thức thanh toán, số tiền thanh toán, thời gian dự kiến thanh toán, dòng tiền dự kiến thanh toán tương ứng với từng mục đích sử dụng vốn); phương án chi tiết xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp không bố trí được nguồn thanh toán lãi, gốc (trong trường hợp trái phiếu có tài sản đảm bảo);

q) Biện pháp doanh nghiệp phát hành thực hiện để theo dõi, quản lý, giám sát việc sử dụng vốn thu được từ chào bán trái phiếu đúng mục đích;

r) Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu, trong đó nêu cụ thể tỷ lệ biểu quyết chấp thuận các vấn đề phải được người sở hữu trái phiếu thông qua nhưng không thấp hơn tỷ lệ biểu quyết tương ứng từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên;

s) Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành.

2. Thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành trái phiếu:

a) Đối với công ty cổ phần:

Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Phương án chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Điều lệ của công ty. Trường hợp Điều lệ của công ty không quy định khác, Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất; báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu;

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu là Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc chủ sở hữu công ty theo Điều lệ của công ty;

c) Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, phải tuân thủ quy định về thẩm quyền quyết định huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp;

d) Đối với doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, ngoài thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này, thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Điều 12. Phương thức phát hành trái phiếu và các tổ chức cung cấp dịch vụ

1. Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành theo các phương thức sau:

a) Đấu thầu phát hành: Là phương thức lựa chọn nhà đầu tư đủ điều kiện trúng thầu mua trái phiếu đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp phát hành;

b) Bảo lãnh phát hành: Là phương thức bán trái phiếu doanh nghiệp cho nhà đầu tư mua trái phiếu thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành;

c) Đại lý phát hành: Là phương thức doanh nghiệp phát hành ủy quyền cho một tổ chức khác thực hiện phân phối trái phiếu cho nhà đầu tư mua trái phiếu;

d) Bán trực tiếp cho nhà đầu tư trái phiếu đối với doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng.

2. Doanh nghiệp phát hành quyết định phương thức phát hành và công bố cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

3. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp bao gồm:

a) Công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành theo quy định của Luật Chứng khoán và quy định tại Nghị định này;

b) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán.

4. Trách nhiệm của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp khi cung cấp dịch vụ:

a) Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi bên;

b) Trách nhiệm chính của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành khi phân phối trái phiếu hoặc trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng bán trực tiếp trái phiếu cho nhà đầu tư:

- Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cho nhà đầu tư theo phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt, đảm bảo không có nội dung để nhà đầu tư nhầm lẫn giữa việc mua trái phiếu doanh nghiệp và gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo hồ sơ, thông tin do doanh nghiệp phát hành cung cấp; cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cho nhà đầu tư về trách nhiệm và nghĩa vụ của tổ chức

đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành khi phân phối trái phiếu; không cung cấp thông tin sai sự thật, không cung cấp thông tin để gây hiểu lầm về trái phiếu cho nhà đầu tư;

- Chỉ phân phối trái phiếu cho nhà đầu tư đã được doanh nghiệp phát hành hoặc công ty chứng khoán được ủy quyền xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sau khi đảm bảo nhà đầu tư đã được tiếp cận, hiểu rõ đầy đủ thông tin và ký văn bản xác nhận theo quy định tại Điều 8 Nghị định này; không được chào mời, hỗ trợ nhà đầu tư không thuộc đối tượng nhà đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ;

- Trường hợp cam kết với nhà đầu tư về việc mua lại trái phiếu doanh nghiệp thì phải ký hợp đồng với nhà đầu tư (trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản về việc mua lại trái phiếu) và phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành khi thực hiện các cam kết này;

- Trường hợp thực hiện bảo lãnh phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán thì phải cung cấp đầy đủ thông tin cho nhà đầu tư về phạm vi bảo lãnh phát hành, không có nội dung để nhà đầu tư nhầm lẫn giữa bảo lãnh phát hành và bảo lãnh thanh toán trái phiếu.

c) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

5. Tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu là công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán theo quy định của pháp luật:

- a) Phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên;

- b) Khi cung cấp dịch vụ, có trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này;

- c) Không được tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp phát hành cung cấp thông tin sai sự thật hoặc để gây hiểu lầm về trái phiếu tại hồ sơ chào bán;

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

6. Đại diện người sở hữu trái phiếu là tổ chức được chỉ định hoặc được lựa chọn đại diện cho quyền lợi của người sở hữu trái phiếu bao gồm công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

- a) Phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên;

- b) Khi cung cấp dịch vụ, có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

c) Được thay đổi khi được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. Trường hợp thay đổi các điều khoản khác tại hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu, việc thay đổi phải đồng thời được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phát hành thông qua theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này;

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

7. Tổ chức kiểm toán đủ điều kiện, doanh nghiệp thẩm định giá, người ký báo cáo kiểm toán, chứng thư thẩm định giá và bất kỳ tổ chức, cá nhân nào xác nhận hồ sơ chào bán trái phiếu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ chào bán trái phiếu.

8. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này không phải là người có liên quan đối với doanh nghiệp phát hành theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Các tổ chức này chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ của mình.

Điều 13. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành được mua lại trước hạn theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Trái phiếu bị hủy bỏ sau khi được mua lại.

2. Cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu là cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án mua lại trái phiếu trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu, ngoại trừ trường hợp bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

3. Các trường hợp mua lại trái phiếu trước hạn bao gồm:

a) Mua lại trước hạn theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp phát hành và người sở hữu trái phiếu hoặc các trường hợp khác được nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu quy định tại Điều 11 Nghị định này (nếu có);

b) Bắt buộc mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư khi:

- Doanh nghiệp phát hành vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận;

- Doanh nghiệp phát hành vi phạm phương án phát hành trái phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận;

- Các trường hợp khác được nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu (nếu có).

4. Quy định tại điểm b khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp trái phiếu bị thu hồi theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 2

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CỦA CÔNG TY KHÔNG PHẢI LÀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Điều 14. Điều kiện chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền:

a) Doanh nghiệp là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

b) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành và đến hạn thanh toán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có); trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn;

c) Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

d) Có nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành theo báo cáo tài chính năm quy định tại điểm e khoản này, ngoại trừ tổ chức phát hành là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, chỉ tiêu nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành), vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát;

đ) Có phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 11 Nghị định này;

e) Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này;

g) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

2. Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền:

a) Doanh nghiệp là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

b) Đáp ứng điều kiện chào bán quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này;

c) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định này (đối với trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định này (đối với trái phiếu kèm chứng quyền).

3. Đối với chào bán trái phiếu thành nhiều đợt, tổ chức tín dụng còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có nhu cầu huy động vốn thành nhiều đợt phù hợp với mục đích phát hành trái phiếu được phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này;

b) Có phương án phát hành trái phiếu trong đó dự kiến cụ thể về giá trị, thời điểm và kế hoạch sử dụng vốn của từng đợt chào bán;

c) Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.

Điều 15. Hồ sơ chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này và Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu.

2. Tài liệu chứng minh, cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán trái phiếu quy định tại Điều 14 Nghị định này.

3. Báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán; doanh nghiệp phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty mẹ, báo cáo tài chính trong hồ sơ chào bán trái phiếu gồm báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm phát hành và báo cáo tài chính được kiểm toán của công ty mẹ năm trước liền kề năm phát hành.

4. Bản cung cấp tin trước đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định này và theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành với các tổ chức cung cấp vụ liên quan đến đợt chào bán trái phiếu, bao gồm:

- a) Hợp đồng ký kết với tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu;
- b) Hợp đồng ký kết với tổ chức đấu thầu, đại lý phát hành trái phiếu (nếu có);
- c) Hợp đồng ký kết với Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định của pháp luật chứng khoán trong trường hợp trái phiếu có bảo đảm hoặc trái phiếu chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân;
- d) Hợp đồng ký kết với đại lý quản lý tài sản bảo đảm đối với trái phiếu có bảo đảm (nếu có);
- đ) Hợp đồng ký kết với các tổ chức khác liên quan đến đợt chào bán trái phiếu (nếu có).

6. Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong trường hợp chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân.

7. Đối với trái phiếu có bảo đảm, hồ sơ chào bán trái phiếu còn phải bao gồm:

- a) Đối với trường hợp bảo đảm theo phương thức bảo lãnh thanh toán: Văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định pháp luật;
- b) Đối với trường hợp bảo đảm bằng tài sản: tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với tài sản được dùng để bảo đảm thanh toán trái phiếu; cam kết của bên thứ ba sở hữu tài sản bảo đảm về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu (trường hợp bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba); hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm giữa bên sở hữu tài sản bảo đảm, Đại diện người sở hữu trái phiếu, bên nhận tài sản bảo đảm khác (trường hợp Đại diện người sở hữu trái phiếu không được nhận tài sản bảo đảm) và tổ chức phát hành; hợp đồng bảo hiểm tài sản (nếu có) đối với các tài sản này; chứng thư thẩm định giá tài sản bảo đảm còn hiệu lực; văn bản xác nhận đã đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản được dùng để bảo đảm (nếu có).

8. Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

9. Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua hồ sơ chào bán đã đáp ứng đủ điều kiện và các thông tin, tài liệu trong hồ sơ chào bán đã đầy đủ, hợp lệ, chính xác, trung thực.

10. Trường hợp chào bán trái phiếu thành nhiều đợt, hồ sơ chào bán còn bao gồm các tài liệu sau:

- a) Tài liệu về dự án hoặc kế hoạch sử dụng vốn làm nhiều đợt;
- b) Tài liệu cập nhật tình hình chào bán và sử dụng vốn thu được từ các đợt chào bán trước theo phương án phát hành trái phiếu;
- c) Tài liệu cập nhật về tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành trong trường hợp đợt chào bán sau cách đợt chào bán trước từ 03 tháng trở lên và trường hợp đợt chào bán sau khác năm tài chính với đợt chào bán trước.

Điều 16. Trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 14 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp phát hành phải gửi thông báo bằng văn bản về việc chào bán trái phiếu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đến Sở Tài chính (nơi đăng ký doanh nghiệp) theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong phạm vi địa phương. Việc Sở Tài chính tiếp nhận thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không hàm ý xác nhận và đảm bảo cho đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp.

3. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu (ngày bắt đầu đợt chào bán), doanh nghiệp phát hành phải gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và cho Sở giao dịch chứng khoán để tổng hợp, báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này. Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

4. Doanh nghiệp phát hành phải cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này.

5. Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo phương thức phát hành được nêu trong Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán. Doanh nghiệp phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu đợt chào bán.

6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho các nhà đầu tư đã mua trái phiếu và gửi thông báo kết quả của đợt chào bán cho Sở Tài chính (nơi đăng ký doanh nghiệp), Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo kết quả đợt chào bán phải đồng

thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

Mục 3

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Điều 17. Điều kiện chào bán trái phiếu của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Điều kiện chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán.

2. Điều kiện chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật Chứng khoán.

3. Điều kiện chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán;

b) Đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phải cách ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành riêng lẻ gần nhất, bao gồm: chào bán cổ phiếu riêng lẻ; chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ; chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ; chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng; phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ.

Điều 18. Hồ sơ chào bán, trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Hồ sơ chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Tài liệu chứng minh, cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán trái phiếu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định này;

b) Các tài liệu theo quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và khoản 10 Điều 15 Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này;

b) Doanh nghiệp phát hành phải gửi thông báo bằng văn bản về việc chào bán trái phiếu đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo mẫu tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, đề theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Việc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không hàm ý xác nhận và đảm bảo cho đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp;

c) Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu (ngày bắt đầu đợt chào bán), doanh nghiệp phát hành phải gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và cho Sở giao dịch chứng khoán để tổng hợp, báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này. Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm);

d) Doanh nghiệp phát hành phải cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này;

đ) Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo phương thức phát hành được nêu trong Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán. Doanh nghiệp phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu đợt chào bán;

e) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán theo mẫu tại Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho các nhà đầu tư đã mua trái phiếu và gửi thông báo kết quả của đợt chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo kết quả đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

Điều 19. Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Giấy đăng ký chào bán theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành quy định tại Điều 11 Nghị định này. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.

3. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua đối tượng được chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.

4. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán. Đối với việc chào bán của tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về đề nghị tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc chào bán của tổ chức kinh doanh bảo hiểm, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính về việc tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

6. Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền.

7. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ.

8. Tài liệu quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định này đối với trái phiếu có bảo đảm.

9. Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ kèm chứng quyền trong trường hợp chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân.

10. Tài liệu khác cung cấp thông tin về đợt chào bán cho nhà đầu tư (nếu có).

11. Tài liệu sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (nếu có).

Điều 20. Trình tự, thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ đăng ký chào bán theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ đăng ký chào bán tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo cho doanh nghiệp phát hành về việc nhận được đầy đủ hồ sơ; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán.

4. Doanh nghiệp phát hành phải cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 19 Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này. Văn bản xác nhận thực hiện theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và phải được doanh nghiệp phát hành lưu trữ cùng hồ sơ chào bán trái phiếu.

5. Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo phương án phát hành và phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ. Số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp phát hành, Sở giao dịch chứng khoán về kết quả đợt chào bán. Báo cáo kết quả đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cho tổ chức phát hành, đồng thời gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán. Sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, doanh nghiệp phát hành được yêu cầu

ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán.

Mục 4

ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ VÀ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU

Điều 21. Đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền và chuyển quyền sở hữu trái phiếu

1. Sau khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp trái phiếu riêng lẻ phải đăng ký trái phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong thời hạn sau:

a) 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

b) 05 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp phát hành công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này;

c) Khi đăng ký trái phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, doanh nghiệp phát hành phải gửi kèm theo danh sách người sở hữu trái phiếu và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc danh sách người sở hữu trái phiếu đáp ứng đúng đối tượng mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

2. Trái phiếu phải được lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông qua thành viên lưu ký trước khi giao dịch, chuyển quyền sở hữu trừ trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Việc trái phiếu doanh nghiệp được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chứng khoán, không hàm ý Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận và đảm bảo cho tính hợp pháp của đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp và việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc, tiền mua lại trước hạn và các nghĩa vụ liên quan của trái phiếu.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký trong trường hợp doanh nghiệp phát hành mua lại trước hạn, hoán đổi, chuyển đổi một phần hoặc doanh nghiệp phát hành thay đổi kỳ hạn của trái phiếu nhưng có trường hợp người sở hữu trái phiếu không chấp thuận việc thay đổi dẫn đến doanh nghiệp phát hành phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu này theo phương án phát hành đã công bố.

5. Việc hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam không làm thay đổi quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu trái phiếu. Doanh nghiệp phát hành chịu trách nhiệm quản lý thông tin về trái phiếu, người sở hữu trái phiếu sau khi trái phiếu hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và tiếp tục thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của người sở hữu trái phiếu (nếu có) theo quy định của pháp luật.

6. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp phát hành. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không chịu trách nhiệm về việc không thực hiện quyền theo đề nghị của doanh nghiệp phát hành nếu đề nghị gửi đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không kịp thời hoặc không đầy đủ, chính xác.

7. Chuyển quyền sở hữu trái phiếu đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện như sau:

a) Chuyển quyền sở hữu thông qua giao dịch mua bán trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều 22 Nghị định này;

b) Chuyển quyền sở hữu không thực hiện qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán đối với các giao dịch không mang tính chất mua bán hoặc không thể thực hiện được qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở giao dịch chứng khoán;

c) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu trên cơ sở thông tin về kết quả giao dịch do Sở giao dịch chứng khoán cung cấp hoặc hồ sơ, tài liệu đề nghị chuyển quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân.

8. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký, hủy đăng ký trái phiếu, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các trường hợp chuyển quyền sở hữu trái phiếu không thực hiện qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc thanh toán giao dịch trái phiếu không áp dụng theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm.

Điều 22. Giao dịch trái phiếu

1. Doanh nghiệp phải đăng ký giao dịch trái phiếu đã phát hành trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc đăng ký giao dịch trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều này không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo

cho tính hợp pháp của đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp và việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc của trái phiếu.

2. Trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm:

a) Doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký giao dịch trái phiếu cho Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; đối với các loại trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ còn lại, doanh nghiệp thực hiện đăng ký giao dịch trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại Điều 32 Nghị định này;

b) Hồ sơ đăng ký giao dịch bao gồm:

- Đơn đề nghị đăng ký giao dịch trái phiếu theo mẫu quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

- Giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu;

- Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

- Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoặc loại trái phiếu phát hành (nếu có).

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc trái phiếu đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo về ngày giao dịch đầu tiên của trái phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu, đồng thời thực hiện công bố thông tin trên Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ hoặc không đúng thời hạn, Sở giao dịch chứng khoán gửi thông báo cho doanh nghiệp phát hành yêu cầu hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 03 ngày qua chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

3. Đăng ký giao dịch trái phiếu của doanh nghiệp sau quá trình tổ chức lại và việc hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu:

a) Trái phiếu đã đăng ký giao dịch của công ty bị hợp nhất, bị sáp nhập được tiếp tục đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán;

b) Các trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu:

- Trái phiếu đến thời gian đáo hạn hoặc doanh nghiệp phát hành chuyển đổi, mua lại hoặc hoán đổi toàn bộ trái phiếu trước thời gian đáo hạn;

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;

- Sở giao dịch chứng khoán phát hiện doanh nghiệp phát hành giả mạo hồ sơ đăng ký giao dịch,

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu chấm dứt sự tồn tại do giải thể hoặc phá sản hoặc thực hiện chia, tách doanh nghiệp;

4. Thành viên giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm thành viên giao dịch và thành viên giao dịch đặc biệt được Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận theo quy định của pháp luật chứng khoán:

a) Thành viên giao dịch là công ty chứng khoán;

b) Thành viên giao dịch đặc biệt là các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành viên, hủy bỏ tư cách thành viên, đình chỉ hoạt động đối với thành viên giao dịch đặc biệt tham gia giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định đối với thành viên giao dịch đặc biệt tham gia giao dịch công cụ nợ của Chính phủ quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

5. Việc giao dịch trái phiếu phải được thực hiện thông qua thành viên giao dịch và đảm bảo tuân thủ các quy định:

a) Trái phiếu chỉ được phép giao dịch giữa các đối tượng nhà đầu tư nêu tại phương án phát hành trái phiếu quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật;

b) Tuân thủ quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán. Sau thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, việc giao dịch trái phiếu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước và giao dịch không mang tính chất mua bán, giao dịch khác không thực hiện được trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Mục 5

THANH TOÁN LÃI, GỐC TRÁI PHIẾU

Điều 23. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành bố trí nguồn trả nợ lãi, gốc trái phiếu từ các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu.

2. Đối với trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản, khi doanh nghiệp phát hành không trả được nợ lãi, gốc trái phiếu thì tài sản bảo đảm sẽ được xử lý để thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm của trái phiếu theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

3. Đối với trái phiếu được bảo lãnh thanh toán, khi doanh nghiệp phát hành không trả được nợ lãi, gốc thì tổ chức bảo lãnh thanh toán có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho doanh nghiệp phát hành theo cam kết bảo lãnh giữa tổ chức bảo lãnh thanh toán và doanh nghiệp phát hành nêu tại phương án phát hành trái phiếu và đã được công bố thông tin cho nhà đầu tư.

4. Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, trường hợp doanh nghiệp phát hành không thể thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi trái phiếu bằng đồng Việt Nam theo phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều 11 Nghị định này, doanh nghiệp có thể đàm phán với người sở hữu trái phiếu để thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác theo các nguyên tắc sau:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đó;

b) Phải được người sở hữu trái phiếu chấp thuận;

c) Doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin bất thường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình trạng pháp lý của tài sản sử dụng để thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp doanh nghiệp phát hành thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn cho người sở hữu trái phiếu bằng tài sản khác theo quy định tại khoản 4 Điều này:

a) Đối với tài sản dùng để thanh toán là chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán được thực hiện qua hệ thống của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Đối với tài sản dùng để thanh toán không phải là chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc thanh toán được thực hiện theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp phát hành và người sở hữu

trái phiếu. Doanh nghiệp phát hành phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thanh toán cho người sở hữu trái phiếu theo đúng quy định pháp luật.

6. Trường hợp doanh nghiệp phát hành thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu hoặc thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn cho người sở hữu trái phiếu bằng tài sản khác dẫn đến đợt thanh toán gốc, lãi trái phiếu bằng tiền không thể thực hiện được cho toàn bộ người sở hữu trái phiếu theo đúng thông tin về điều kiện, điều khoản trái phiếu đã đăng ký với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước đó, doanh nghiệp phát hành tự thực hiện đợt thanh toán đó cho toàn bộ người sở hữu trái phiếu. Doanh nghiệp phát hành phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thanh toán cho người sở hữu trái phiếu theo đúng quy định pháp luật.

7. Doanh nghiệp phát hành phải thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc dùng tài sản khác để thanh toán gốc, lãi trái phiếu cho người sở hữu trái phiếu và việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày thanh toán gốc, lãi trái phiếu và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo chậm cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

8. Trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu thì nhà đầu tư có quyền yêu cầu doanh nghiệp phát hành thực hiện nghĩa vụ thanh toán, mua lại trái phiếu trước hạn; có quyền đàm phán với doanh nghiệp về phương án thanh toán gốc, lãi. Việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm hoặc giải quyết tranh chấp trong trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu cho người sở hữu trái phiếu thực hiện theo Điều 49 Nghị định này.

Chương III

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Điều 24. Nguyên tắc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế

1. Doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế phải tuân thủ quy định tại Nghị định này và đáp ứng điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.

2. Việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra thị trường quốc tế thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành.

3. Việc thực hiện mua lại trước hạn, hoán đổi, chuyển đổi trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế phải tuân thủ quy định tại thị trường phát hành và quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 25. Điều kiện chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế

1. Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty phê duyệt.

2. Được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Đáp ứng tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Đáp ứng quy định về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh và pháp luật về quản lý ngoại hối.

5. Đáp ứng các điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.

Điều 26. Hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu, trong đó:

a) Phương án phát hành phải nêu rõ: loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu chào bán, lãi suất trái phiếu hoặc nguyên tắc tính lãi suất trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu, thời điểm chào bán. Trường hợp Hội đồng quản trị phê duyệt phương án phát hành trái phiếu, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu;

b) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm các thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý, tình hình triển khai dự án) và/hoặc mua tài sản (nêu thông tin về tài sản, chi phí mua dự kiến) và/hoặc góp vốn/mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp tại doanh nghiệp khác và/hoặc sử dụng để thanh toán các khoản nợ (nêu thông tin về chủ nợ, giá trị hợp đồng, mục đích vay nợ) và/hoặc bổ sung vốn lưu động;

c) Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải nêu rõ kế hoạch trả nợ gốc, lãi trái phiếu (trong đó nêu thời gian, nguồn trả nợ).

2. Văn bản xác nhận tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép theo quy định của pháp luật quản lý ngoại hối.

3. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận hạn mức phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia.

4. Văn bản phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của cấp có thẩm quyền đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán quốc tế trong trường hợp thị trường phát hành yêu cầu.

6. Tài liệu chứng minh bảo đảm điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

7. Hồ sơ đăng ký chào bán với cơ quan có thẩm quyền tại thị trường phát hành hoặc ý kiến pháp lý của công ty tư vấn luật quốc tế về việc doanh nghiệp không phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nước sở tại khi phát hành trái phiếu.

8. Giấy đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty thông qua hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 27. Điều kiện chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế

1. Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền kèm theo chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phải cách ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành riêng lẻ gần nhất, bao gồm: chào bán cổ phiếu riêng lẻ; chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ; chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ; chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng; phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ.

4. Đáp ứng các điều kiện chào bán quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 25 Nghị định này.

Điều 28. Hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu, trong đó:

a) Phương án phát hành nêu rõ: loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu chào bán, lãi suất hoặc nguyên tắc tính lãi suất trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu, thời điểm

chào bán, phương án chuyển đổi trái phiếu (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ hoặc phương pháp tính giá chuyển đổi, việc trả nợ vốn trong trường hợp không chuyển đổi trái phiếu, thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các điều khoản khác), phương án thực hiện quyền của chứng quyền (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ thực hiện quyền; giá hoặc phương pháp tính giá phát hành; việc trả nợ vốn; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài; các điều khoản khác). Trường hợp giá chuyển đổi, giá phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền thấp hơn mệnh giá, việc chuyển đổi, thực hiện quyền chỉ được thực hiện khi doanh nghiệp phát hành có đủ thặng dư vốn cổ phần để bù đắp phần thặng dư âm phát sinh do phát hành cổ phiếu dưới mệnh giá. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết;

b) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm các thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý, tình hình triển khai dự án) và/hoặc mua tài sản (nêu thông tin về tài sản, chi phí mua dự kiến) và/hoặc góp vốn/mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp tại doanh nghiệp khác và/hoặc sử dụng để thanh toán các khoản nợ (nêu thông tin về chủ nợ, giá trị hợp đồng, mục đích vay nợ) và/hoặc bổ sung vốn lưu động;

c) Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải nêu rõ kế hoạch trả nợ gốc, lãi trái phiếu (trong đó nêu thời gian, nguồn trả nợ).

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền kèm theo chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

3. Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền.

4. Giấy đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

5. Tài liệu quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 26 Nghị định này.

Điều 29. Trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế

1. Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 26 Nghị định này; hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

2. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo nhận được hồ sơ và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được hồ sơ của doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được hồ sơ, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán theo Điều 37 Nghị định này và thực hiện chào bán trái phiếu theo quy định của thị trường phát hành;

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành báo cáo kết quả chào bán theo mẫu tại Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

d) Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại Điều 38 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành.

3. Trường hợp doanh nghiệp phát hành không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán theo Điều 37 Nghị định này, tổ chức chào bán trái phiếu theo quy định tại thị trường phát hành, thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 38 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành.

Chương IV CÔNG BỐ, CUNG CẤP THÔNG TIN

Mục 1 CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Điều 30. Nguyên tắc công bố, cung cấp thông tin

1. Doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm thực hiện công bố, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho nhà đầu tư; các thông tin phải rõ ràng theo quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Doanh nghiệp phát hành phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác, trung thực của thông tin công bố, cung cấp.

2. Việc cung cấp thông tin trước khi chào bán trái phiếu không được chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo, mời chào và không thông qua các phương

tiện thông tin đại chúng, trừ trường hợp công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 31. Cung cấp thông tin trước đợt chào bán

1. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày tổ chức đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và Sở giao dịch chứng khoán:

a) Nội dung Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Riêng đối với chào bán trái phiếu xanh, ngoài nội dung cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp phát hành phải cung cấp thông tin về quy trình theo dõi, quản lý, giải ngân vốn từ chào bán trái phiếu xanh theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này;

c) Việc doanh nghiệp gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho Sở giao dịch chứng khoán chỉ có mục đích để Sở giao dịch chứng khoán thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 42 Nghị định này.

2. Đối với tổ chức tín dụng chào bán trái phiếu thành nhiều đợt:

a) Đối với đợt chào bán đầu tiên, việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đối với các đợt chào bán tiếp theo, ngoài việc cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, tối thiểu 01 ngày làm việc trước mỗi đợt chào bán trái phiếu, tổ chức tín dụng cung cấp thông tin bổ sung cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu, đồng thời gửi Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung cung cấp thông tin bổ sung theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 11 Điều 15 Nghị định này.

3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung cung cấp thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này. Việc Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung cung cấp thông tin trước đợt chào bán của tổ chức tín dụng không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.

Điều 32. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu

1. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.

3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

4. Trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định đình chỉ, hủy đình chỉ, hoặc hủy bỏ đợt chào bán trái phiếu, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán trái phiếu bị đình chỉ, hủy đình chỉ, hoặc hủy bỏ, doanh nghiệp phát hành phải công bố việc đình chỉ, hủy đình chỉ, hoặc hủy bỏ đợt chào bán trái phiếu theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Chứng khoán.

Điều 33. Công bố thông tin định kỳ

1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu không còn dư nợ, doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin định kỳ đến Sở giao dịch chứng khoán:

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng;

b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu không còn dư nợ, doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán về việc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà đầu tư, bao gồm việc thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu.

2. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và bao gồm các tài liệu sau:

a) Báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, báo cáo tài chính công bố thông tin gồm báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ được soát xét, kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện;

b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu;

c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu cho đến khi giải ngân hết số tiền thu được hoặc

cho đến khi doanh nghiệp phát hành không còn dư nợ trái phiếu tùy theo thời điểm nào đến trước. Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện;

d) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu;

đ) Đối với trái phiếu xanh, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản này, hàng năm doanh nghiệp phát hành phải lập báo cáo về việc theo dõi, sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu có ý kiến soát xét của tổ chức kiểm toán đủ điều kiện; báo cáo tiến độ giải ngân, tiến độ thực hiện dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trường hợp trái phiếu có lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi, doanh nghiệp phát hành công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở giao dịch chứng khoán lãi suất thực tế áp dụng cho các kỳ tính lãi trước thời điểm thực hiện trả lãi cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu.

4. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp phát hành trái phiếu để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

Điều 34. Công bố thông tin bất thường

1. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây, doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường theo hướng dẫn của Bộ Tài chính cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán:

a) Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp;

b) Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu;

c) Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành, thay đổi đại diện người sở hữu trái phiếu, thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu;

d) Chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố thông tin;

đ) Kết quả đàm phán với nhà đầu tư trong trường hợp chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu; việc thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu sau thời gian bị chậm thanh toán;

e) Phải thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc;

g) Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc bị xử lý vi phạm pháp luật theo quy định;

h) Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người đại diện theo pháp luật;

i) Các sự kiện bất thường khác ảnh hưởng đến khả năng thanh toán gốc, lãi trái phiếu của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này đến khi trái phiếu không còn dư nợ.

3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này để công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và thực hiện chế độ báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

Điều 35. Công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.

2. Đối với mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu:

a) Chậm nhất 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu bao gồm: phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi; điều kiện, điều khoản của việc mua lại, hoán đổi; giá trị trái phiếu mua lại, hoán đổi theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu đồng thời gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.

3. Nội dung công bố thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40

Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

Mục 2

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Điều 36. Nguyên tắc công bố, cung cấp thông tin

1. Doanh nghiệp thực hiện công bố, cung cấp thông tin theo quy định tại thị trường phát hành và quy định tại Nghị định này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác, trung thực của thông tin công bố.

2. Việc Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố, cung cấp thông tin của doanh nghiệp phát hành, không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp.

Điều 37. Cung cấp thông tin trước đợt chào bán

1. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày tổ chức đợt chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung cung cấp thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 37 Nghị định này.

Điều 38. Công bố thông tin về kết quả chào bán

1. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.

3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

Điều 39. Công bố thông tin định kỳ, bất thường

1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi doanh nghiệp phát hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu và không còn dư nợ, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ đến Sở Giao dịch Chứng khoán:

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng;

b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm;

c) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày trái phiếu đã không còn dư nợ, doanh nghiệp công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán về việc đã thực hiện thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu. Doanh nghiệp không phải thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng và hàng năm theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này sau khi trái phiếu đã không còn dư nợ.

2. Nội dung công bố thông tin định kỳ bao gồm các tài liệu sau:

a) Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán và báo cáo tài chính 06 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét phải được Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xác nhận số liệu. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm bao gồm cả báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ;

b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu;

c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ;

d) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.

4. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện sau:

a) Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp;

b) Chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố thông tin;

c) Về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền (nếu có);

d) Thông tin bất thường của doanh nghiệp phát hành (nếu có).

5. Nội dung công bố thông tin thực hiện quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

Chương V

CHUYÊN TRANG THÔNG TIN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VỀ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Điều 40. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Sở Giao dịch Chứng khoán có trách nhiệm:

a) Tổng hợp thông tin trên cơ sở nội dung thông tin cung cấp, công bố của doanh nghiệp phát hành trái phiếu tổ chức phát hành trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp để thực hiện chế độ báo cáo của Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định này;

b) Xây dựng, ban hành Quy chế tiếp nhận, giám sát chế độ công bố thông tin và báo cáo đối với tổ chức phát hành, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành và quản lý vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp gồm các nội dung sau:

a) Tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại thị trường trong nước, bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành, một số chỉ tiêu tài chính (dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu), hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu, hệ số tổng dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu)/vốn chủ sở hữu, hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)), mã trái phiếu, đối tượng chào bán của từng mã trái phiếu, lãi suất phát hành, ngày phát hành, giá trị, mệnh giá, ngày đáo hạn, báo cáo thanh toán gốc lãi trái phiếu, công bố thông tin bất thường, kết quả xếp hạng tín nhiệm đối

với doanh nghiệp phát hành trái phiếu thuộc các trường hợp phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định;

b) Tình hình phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành, ngày phát hành, giá trị, mệnh giá, ngày đáo hạn, thị trường phát hành; tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nếu có);

c) Tình hình chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, việc thực hiện quyền của chứng quyền, việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nếu có);

d) Thông tin khác theo thỏa thuận giữa Sở giao dịch chứng khoán và doanh nghiệp phát hành để cung cấp cho đối tượng được tiếp nhận thông tin theo Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của Sở giao dịch chứng khoán;

đ) Thông tin về các trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu, sử dụng vốn trái phiếu không đúng mục đích hoặc không thực hiện được các cam kết với nhà đầu tư và các trường hợp doanh nghiệp phát hành bắt buộc phải mua lại trái phiếu trước hạn theo báo cáo của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, đại diện người sở hữu trái phiếu và công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành (nếu có).

3. Nhà đầu tư và doanh nghiệp phát hành trái phiếu được truy cập chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp để tìm hiểu thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp do Sở giao dịch chứng khoán ban hành.

Điều 41. Báo cáo của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, đại diện người sở hữu trái phiếu, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Đại diện người sở hữu trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán định kỳ hàng quý, hàng năm và báo cáo trong trường hợp phát hiện tổ chức phát hành có hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến quyền lợi của người sở hữu trái phiếu.

3. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Sở giao dịch chứng khoán. Riêng đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành, ngoài chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này, phải thực hiện chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Chế độ báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán:

a) Sở giao dịch chứng khoán thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp gồm chào bán tại thị trường trong nước và chào bán ra thị trường quốc tế;

b) Ngoài chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a khoản này, Sở giao dịch chứng khoán báo cáo đột xuất cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

5. Chế độ báo cáo của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

a) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, cơ cấu nhà đầu tư trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước;

b) Ngoài chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a khoản này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam báo cáo đột xuất cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

6. Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo của doanh nghiệp phát hành, tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, đại diện người sở hữu trái phiếu, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Chương VI

QUẢN LÝ, GIÁM SÁT VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 42. Trách nhiệm của Sở giao dịch chứng khoán

1. Tổng hợp thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp để công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Tổ chức và giám sát việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Quản lý, giám sát việc thực hiện chế độ công bố thông tin và báo cáo đối với doanh nghiệp phát hành, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán, có văn bản yêu cầu doanh nghiệp phát hành và cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin, xử lý vi phạm theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét, xử lý tùy theo mức độ vi phạm.

5. Cung cấp thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và quy định của Nghị định này.

6. Ban hành Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp; Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sau khi có ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 43. Trách nhiệm của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Tuân thủ quy định về việc đăng ký, lưu ký trái phiếu, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chứng khoán.

2. Giám sát doanh nghiệp phát hành, thành viên lưu ký trong việc tuân thủ quy định về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật chứng khoán, Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

4. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, có văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin, xử lý theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý theo mức độ vi phạm.

5. Ban hành các Quy chế về đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sau khi có ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 44. Trách nhiệm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tiếp nhận thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng

lẻ; Có ý kiến về việc chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại thị trường trong nước; có ý kiến về việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán.

2. Có ý kiến đối với Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán theo quy định tại khoản 6 Điều 37 và khoản 5 Điều 38 Nghị định này.

3. Quản lý, giám sát việc thực hiện đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; việc thực hiện công bố thông tin, chế độ báo cáo và tổ chức giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Nghị định này; Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm thì thực hiện thanh tra, kiểm tra Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Trên cơ sở quản lý, giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty chứng khoán, báo cáo giám sát của Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận và xử lý các vi phạm trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này; kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty chứng khoán.

Điều 45. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Hướng dẫn việc chào bán trái phiếu của tổ chức tín dụng, hoạt động mua bán trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng.

2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức tín dụng huy động vốn từ phát hành trái phiếu; cấp phép cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của Nghị định này và pháp luật về tổ chức tín dụng; giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và việc các tổ chức này cam kết mua lại trái phiếu của doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn; xử lý các hành vi vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc kiểm tra, giám sát tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy

định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn.

4. Thực hiện quản lý nhà nước về ngoại hối và vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Hướng dẫn việc công bố, cung cấp thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; việc đăng ký, lưu ký, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước.

2. Quản lý, giám sát tổ chức kiểm toán, doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức xếp hạng tín nhiệm khi cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về kiểm toán, pháp luật về giá, pháp luật về xếp hạng tín nhiệm.

3. Tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này, đề xuất, kiến nghị Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi cơ chế chính sách đảm bảo thị trường trái phiếu doanh nghiệp hoạt động minh bạch và ổn định.

Điều 47. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, và bộ ngành liên quan

1. Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tiếp nhận thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong phạm vi địa phương, báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính, cập nhật vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; kiểm tra hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn theo phân công, phân cấp của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, xử lý các hành vi vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này.

Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định tại Nghị định này có yêu cầu.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước

đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ trong phạm vi địa phương theo quy định tại Nghị định này và pháp luật doanh nghiệp; có trách nhiệm thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong phạm vi địa phương; thanh tra, kiểm tra hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn, xử lý các vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này.

Kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm được thông báo cho Bộ Tài chính theo định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 3 năm liền kề để Bộ Tài chính tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này. Mẫu biểu, hình thức, phương thức gửi báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp kiểm tra, giám sát việc chào bán, giao dịch và cung cấp dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VII

XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

Điều 48. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 49. Giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại

1. Trường hợp quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ bị xâm phạm hoặc có tranh chấp phát sinh trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước thì việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp hoặc giải quyết tranh chấp được thực hiện thông qua thương lượng, hòa giải hoặc yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Chủ thể xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, thực hiện các trách nhiệm dân sự khác theo thỏa thuận, theo quy định của Bộ luật Dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Thẩm quyền, thủ tục để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trừ nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định này có hiệu lực thi hành từ 01 tháng 07 năm 2025.

3. Các Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (sau đây gọi là Nghị định số 153/2020/NĐ-CP), Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (sau đây gọi là Nghị định số 65/2022/NĐ-CP) và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 5 tháng 3 năm 2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 51. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành và còn dư nợ đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước ngày Nghị định số 153/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu có

trách nhiệm tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP cho đến khi không còn thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu theo các trường hợp quy định tại khoản điểm b khoản 3 Điều này.

2. Việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu phát hành trước ngày Nghị định số 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 16 tháng 9 năm 2022) phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- a) Tuân thủ quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định này;
- b) Trường hợp kéo dài kỳ hạn của trái phiếu thì thời gian kéo dài tối đa không quá 02 năm so với kỳ hạn tại phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư;
- c) Trường hợp người sở hữu trái phiếu không chấp thuận thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu thì doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đàm phán để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Trường hợp có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận phương án đàm phán thì doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư (kể cả trường hợp việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu trở lên chấp thuận).

3. Về đăng ký, lưu ký, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu

a) Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và còn dư nợ đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành: tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn cho đến khi tổ chức phát hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi của trái phiếu;

b) Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 và còn dư nợ đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành:

- Chỉ được giao dịch, chuyển nhượng cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán;

- Đối với trái phiếu có kỳ hạn còn lại từ 6 tháng trở lên tính từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực phải thực hiện đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch theo quy định tại Nghị định này trong vòng 3 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành;

- Đối với trái phiếu đang trong thời gian thực hiện đăng ký giao dịch và trái phiếu có kỳ hạn còn lại dưới 6 tháng tính từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực: việc giao dịch, chuyển nhượng được thực hiện tại tổ chức lưu ký trái phiếu. Tổ chức lưu ký trái phiếu chịu trách nhiệm trong việc xác định trái phiếu được giao dịch, chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 52. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp phát hành trái phiếu và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

MẪU SỐ 01

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI/ TRÁI
PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG
NƯỚC CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG
TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
(Kèm theo Nghị định số: .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng... năm 20...

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI/ TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trái phiếu.....(mã trái phiếu)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Tên tổ chức đăng ký chào bán (đầy đủ):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax:
4. Vốn điều lệ:
5. Mã cổ phiếu (nếu có):
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Số hiệu tài khoản:
.....
7. Loại hình doanh nghiệp
8. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) mã số ... do cơ quan quản lý tại Bộ () ... cấp lần đầu ngày ... , cấp thay đổi lần ... ngày .. (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)
 - Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mã

ngành:

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

- Vốn điều lệ:

9. Doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành(có/không).

10. Mã số thuế:

II. HÌNH THỨC PHÁT HÀNH: CHÀO BÁN RIÊNG LẺ

III. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

.....

IV. THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Tên trái phiếu:

2. Loại trái phiếu:

3. Kết quả xếp hạng tín nhiệm trong trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định của pháp luật; hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm (nếu có) trong trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm.

Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm

Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm

Không có xếp hạng tín nhiệm

(Nếu có xếp hạng tín nhiệm thì nêu cụ thể kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành hoặc trái phiếu phát hành tại thời điểm công bố thông tin, ngày công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm và tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm)

4. Mệnh giá trái phiếu đồng/trái phiếu.

5. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán trái phiếu.

6. Tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán (theo mệnh giá): đồng.

6. Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu tính theo mệnh giá trên tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá:%

7. Giá chào bán đồng/trái phiếu.

8. Lãi suất danh nghĩa dự kiến: (trường hợp lãi suất thả nổi, lãi suất kết hợp thì nêu cách thức xác định lãi suất).

9. Kỳ hạn trái phiếu:

10. Kỳ trả lãi:

11. Điều khoản mua lại trái phiếu, mua lại trái phiếu trước hạn (nếu có):
.....

12. Các điều khoản liên quan đến chuyển đổi trái phiếu (trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi):

- Thời hạn chuyển đổi:

- Tỷ lệ chuyển đổi hoặc phương pháp xác định tỷ lệ chuyển đổi:
.....

- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

- Các điều khoản khác (nếu có):

13. Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu (trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền):

- Thời hạn thực hiện quyền:

- Tỷ lệ thực hiện quyền:

- Giá cổ phiếu thực hiện chứng quyền và nguyên tắc tính thực hiện chứng quyền:

- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

- Các điều khoản khác (nếu có):

14. Các thông tin khác liên quan trái phiếu có bảo đảm (trường hợp chào bán trái phiếu có bảo đảm):

- Hình thức bảo đảm:

- Giá trị trái phiếu được bảo đảm:

- Bảo đảm bằng bảo lãnh thanh toán (trường hợp bảo đảm thanh toán bằng bảo lãnh):

+ Tên tổ chức bảo lãnh thanh toán:

+ Giá trị bảo lãnh:

- Bảo đảm bằng tài sản (trường hợp bảo đảm thanh toán bằng tài sản):

+ Tài sản bảo đảm:

+ Giá trị tài sản bảo đảm:

+ Chủ sở hữu tài sản bảo đảm:

+ Tổ chức nhận tài sản bảo đảm:

- Đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có):

15. Thứ tự ưu tiên thanh toán trái phiếu:

16. Thông tin về trái phiếu đã phát hành hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành

- Tổng giá trị trái phiếu hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành:đồng, trong đó:

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng.....đồng.

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: đồng.

- Tổng giá trị trái phiếu huy động trong 12 tháng gần nhất tính đến thời điểm đăng ký chào bán: đồng, trong đó:

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng.....đồng.

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: đồng.

17. Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng giá trị trái phiếu hiện có.....%.

18. Thời gian dự kiến chào bán:

19. Phương thức phân phối:

V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

(Nêu phương án sử dụng, tiến độ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có))

VI. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán:

2. Danh sách dự kiến (đính kèm):

STT	Tên nhà đầu tư	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng		Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán	Số lượng chứng khoán dự kiến được phân phối (cổ phiếu/ trái phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt chào bán (%) (đối với chào bán cổ phiếu)
			Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/Nhà đầu tư trong nước			

1							
2							
...							

3. Quan hệ của các đối tượng được chào bán với tổ chức phát hành, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc (nếu có):

VII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. Tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý chào bán:
2. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán:
3. Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu:
4. Tổ chức kiểm toán:
5. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm (nếu có) :
6. Tổ chức cung cấp dịch vụ khác (nếu có):.....

VIII. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư mua trái phiếu chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nhà đầu tư tham gia đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán và/hoặc quy định tại Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn nhà đầu tư tham gia đợt chào bán.

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản phong tỏa không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.

- Sử dụng số tiền huy động đúng mục đích.

- Việc phát hành không dẫn đến vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

IX. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán;
3. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa;
4. Tài liệu cung cấp thông tin về đợt chào bán cho nhà đầu tư (nếu có);
5. Tài liệu sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (nếu có);
6. Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu đăng ký chào bán (nếu có).
7.

....., ngày.... tháng.... năm 20..

**TÊN DOANH NGHIỆP PHÁT
HÀNH**

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
(Kèm theo Nghị định số: .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày ... tháng... năm 20...

GIẤY ĐỀ NGHỊ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Tên doanh nghiệp phát hành (đầy đủ):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại: Fax: Website:

4. Vốn điều lệ..... đồng

5. Mã cổ phiếu (nếu có):

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Số hiệu tài khoản:

.....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp ... do Sở Kế hoạch và Đầu tư ... cấp lần đầu ngày ..., cấp thay đổi lần thứ ... ngày(nếu thông tin thay đổi lần gần nhất)

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mã ngành:

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):

9. Doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà

nước có thẩm quyền về việc phát hành..... (có/không).

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

.....

III. THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Tên trái phiếu:
2. Loại trái phiếu:
3. Mệnh giá trái phiếu..... đồng/trái phiếu.
4. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán trái phiếu.
5. Tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán (theo mệnh giá):
.....đồng.
6. Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu tính theo mệnh giá trên tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá:%
7. Giá chào bánđồng/trái phiếu.
8. Lãi suất..... %/năm.
9. Kỳ hạn trái phiếu:
10. Kỳ trả lãi:
11. Điều khoản mua lại trái phiếu, mua lại trái phiếu trước hạn (nếu có):
.....
12. Các điều khoản liên quan đến chuyển đổi trái phiếu (trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi):
 - Thời hạn chuyển đổi:
 - Tỷ lệ chuyển đổi hoặc phương pháp xác định tỷ lệ chuyển đổi:
.....
 - Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài:
 - Các điều khoản khác (nếu có):
13. Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu (trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền):
 - Thời hạn thực hiện quyền:
 - Tỷ lệ thực hiện quyền:
 - Giá phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền và nguyên tắc tính giá cổ phiếu thực hiện chứng quyền:

- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài:
- Các điều khoản khác (nếu có):

14. Các thông tin khác liên quan trái phiếu có bảo đảm (trường hợp chào bán trái phiếu có bảo đảm):

- Hình thức bảo đảm:
- Giá trị trái phiếu được bảo đảm:
- Bảo đảm bằng bảo lãnh thanh toán (trường hợp bảo đảm thanh toán bằng bảo lãnh):

+ Tên tổ chức bảo lãnh thanh toán:

+ Giá trị bảo lãnh:

- Bảo đảm bằng tài sản (trường hợp bảo đảm thanh toán bằng tài sản):

+ Tài sản bảo đảm:

+ Giá trị tài sản bảo đảm:

+ Chủ sở hữu tài sản bảo đảm:

+ Tổ chức nhận tài sản bảo đảm:

15. Thứ tự ưu tiên thanh toán trái phiếu:

16. Thông tin về trái phiếu đã phát hành hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành

- Tổng giá trị trái phiếu hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành:đồng, trong đó:

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng..... đồng.

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: đồng.

- Tổng giá trị trái phiếu huy động trong 12 tháng gần nhất tính đến thời điểm đăng ký chào bán: đồng, trong đó:

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng..... đồng.

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: đồng.

17. Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng giá trị trái phiếu hiện có..... %.

18. Thời gian dự kiến chào bán:

19. Phương thức phân phối:

20. Thị trường phát hành:

IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN

(Nêu phương án sử dụng, tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có))

V. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức bảo lãnh phát hành *(nếu có)*:
2. Tổ chức tư vấn:
3. Tổ chức kiểm toán:
4. Bên liên quan khác *(nếu có)*:

VI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin không chính xác hoặc thiếu có thể làm cho người mua chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc chào bán chứng khoán trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

- Sử dụng vốn huy động đúng mục đích.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua phương án chào bán;
2. Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa;
3.

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**TÊN DOANH NGHIỆP PHÁT
HÀNH**

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI/TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
(Kèm theo Nghị định số: .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày ... tháng... năm 20...

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI/ TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ

Trái phiếu (mã trái phiếu)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Tên doanh nghiệp phát hành (đầy đủ):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax: Website:
4. Vốn điều lệ..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có):
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Số hiệu tài khoản:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày, cấp thay đổi lần thứ.....ngày(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Mã ngành:
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật

1. Tên trái phiếu:

2. Loại trái phiếu:

3. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán trái phiếu

4. Mệnh giá trái phiếu.....đồng

5. Giá bán dự kiến.....đồng/trái phiếu

6. Thời hạn trái phiếu.....năm

7. Lãi suất...../năm.

8. Kỳ trả lãi:

9. Thời gian hạn chế chuyển nhượng:

10. Các điều khoản liên quan đến chuyển đổi trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi*):

- Điều kiện:

- Thời hạn chuyển đổi:

- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá chuyển đổi:

- Các điều khoản khác (nếu có):

11. Các điều khoản của chứng quyền kèm theo trái phiếu (trường hợp phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền):

- Thời gian thực hiện quyền:

- Tỷ lệ thực hiện quyền:

- Giá cổ phiếu phát hành:

12. Ngày phát hành:

13. Ngày bắt đầu đợt chào bán:

14. Ngày kết thúc đợt chào bán:

15. Thời hạn đăng ký mua: từ ngày đến ngày

16. Ngày thanh toán tiền mua trái phiếu:

17. Ngày kết thúc chuyển giao trái phiếu:

III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI/TRÁI

PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ

- 1. Tổng số trái phiếu đã phân phối:, chiếm....% tổng số trái phiếu được phép chào bán.
- 2. Tổng số tiền thu từ việc bán trái phiếu:đồng *(có xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu đính kèm).*
- 3. Tổng chi phí.....đồng.
 - Chi phí bảo lãnh phát hành:
 - Chi phí phân phối trái phiếu:
 - Chi phí kiểm toán:
 - Chi phí khác *(nếu có)*
- 4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán..... đồng

IV. DANH SÁCH NHÀ ĐẦU TƯ THAM GIA MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI/TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ

STT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số lượng trái phiếu dự kiến phân phối	Giá trị trái phiếu đã phân phối	Ghi chú
1	...				
2					
...					

(Nêu rõ lý do thay đổi nhà đầu tư tham gia mua trái phiếu trong trường hợp danh sách các nhà đầu tư tham gia mua trái phiếu có thay đổi so với danh sách đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

V. CƠ CẤU VỐN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH SAU ĐỢT CHÀO BÁN

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Trước đợt chào bán	Sau đợt chào bán
Tổng nợ:		
Nợ ngắn hạn:		
Nợ dài hạn:		

Trong đó trái phiếu:		
Tổng vốn cổ phần:		
Tỷ lệ nợ/vốn cổ phần:		

Trong đó tổng giá trị trái phiếu người nước ngoài nắm giữ sau đợt chào bán: nghìn đồng, chiếm.....% tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành.

VI. TÀI LIỆU GỬI KÈM

1. Xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán;
2. Quyết định của Hội đồng quản trị về việc phân phối trái phiếu (nếu có);
3.

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**TÊN DOANH NGHIỆP PHÁT
HÀNH**

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
(Kèm theo Nghị định số: .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày ... tháng... năm 20...

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Tên doanh nghiệp phát hành (*đầy đủ*):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax: Website:
4. Vốn điều lệ..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (*nếu có*):
6. Nơi mở tài khoản thanh toán:Số hiệu tài khoản:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày, cấp thay đổi lần thứ.....ngày(*nếu thông tin thay đổi lần gần nhất*).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Mã ngành:
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (*nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành*):

II. TRÁI PHIẾU DỰ KIẾN CHÀO BÁN

1. Tên trái phiếu:

2. Loại trái phiếu:
3. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán trái phiếu
4. Mệnh giá trái phiếu đồng
5. Giá bán dự kiến đồng/trái phiếu
6. Thời hạn trái phiếu năm
7. Lãi suất /năm.
8. Kỳ trả lãi:
9. Thị trường phát hành:
10. Mục đích phát hành:
11. Ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu:
12. Ngày giao dịch dự kiến:

III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Số trái phiếu đã phân phối:
2. Giá phát hành:

IV. TÀI LIỆU GỬI KÈM (nếu có)

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**TÊN DOANH NGHIỆP PHÁT
HÀNH**

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05**MẪU BẢN XÁC NHẬN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ TRƯỚC KHI MUA TRÁI
PHIẾU***(Kèm theo Nghị định số: .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi:

- Tên doanh nghiệp phát hành trái phiếu/ Tên tổ chức cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu *(đối với mua trái phiếu trên thị trường sơ cấp)*

- Tên công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch *(đối với mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp)*

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:..... Giới tính.....

Số CCCD/ Hộ chiếu:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Nơi ở hiện tại:

Điện thoại liên hệ:.....

Trên cơ sở nội dung thỏa thuận về việc mua/ bán trái phiếu (**mã trái phiếu**) của (**tên doanh nghiệp phát hành**) phát hành ngày....., tôi xác nhận các nội dung sau đây:

1. Tôi là nhà đầu tư được mua, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ thuộc một hoặc một số trường hợp sau:

☐ Cá nhân là nhà đầu tư chiến lược đáp ứng tiêu chí và nằm trong danh sách nhà đầu tư chiến lược được Đại hội đồng cổ đông doanh nghiệp phát hành thông qua *(kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số...ngày.... của (tên doanh nghiệp phát hành))*;

☐ Cá nhân có chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (nêu rõ loại chứng chỉ, số, ngày cấp, hiệu lực);

☐ Cá nhân nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị là tỷ..... đồng, đáp ứng giá trị tối thiểu là 02 tỷ đồng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 *(kèm theo văn*

bản xác nhận theo quy định tại khoản d Điều 9 Nghị định số .../2025/NĐ-CP);

□ Cá nhân có thu nhập chịu thuế năm (năm liền trước năm mua trái phiếu) là..... tỷ đồng theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả, đáp ứng mức thu nhập chịu thuế tối thiểu là 01 tỷ đồng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (kèm theo hồ sơ xác nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Chứng khoán).

2. Tôi đã tiếp cận và đọc đầy đủ nội dung công bố thông tin về:

(i) Đợt chào bán trái phiếu (**mã trái phiếu**) do (**Tên doanh nghiệp phát hành trái phiếu/ Tên tổ chức cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu**) (*đối với mua trái phiếu trên thị trường sơ cấp*) cung cấp (nêu cụ thể tên người đại diện tổ chức, địa chỉ, thông tin liên lạc, chức danh)

Hoặc

(ii) Trái phiếu (**mã trái phiếu**) do (**Tên tổ chức sở hữu trái phiếu/ công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch**) (*đối với mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp*) (nêu cụ thể tên người đại diện tổ chức sở hữu trái phiếu, địa chỉ, thông tin liên lạc, chức danh người đại diện cho tổ chức).

Các hồ sơ tiếp cận bao gồm:

- Bản công bố thông tin về đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 19 Nghị định số .../.../ND-CP, gồm
- Phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số .../.../ND-CP, gồm
- Các hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 12 Nghị định số .../.../ND-CP, gồm
- Các nội dung công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số/.../ND-CP, gồm.....;

...

(Liệt kê đầy đủ các tài liệu, hồ sơ đã đọc)

3. Sau khi tiếp cận thông tin và các tài liệu, hồ sơ về trái phiếu (**mã trái phiếu**), tôi xác nhận:

3.1. Tôi đã hiểu thông tin về trái phiếu dự kiến mua theo các thông tin, hồ sơ tiếp cận, bao gồm:

a) Doanh nghiệp phát hành là..... , đang hoạt động trong lĩnh vực

b) Về tình hình tài chính của doanh nghiệp: Nêu rõ thông tin tìm hiểu về vốn, tài sản, hệ số dư nợ vay của doanh nghiệp là ..., tỷ lệ đảm bảo an toàn tài chính, an toàn hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành

c) Về mục đích phát hành trái phiếu:

- Mục đích phát hành trái phiếu của doanh nghiệp là

- Trường hợp mục đích phát hành trái phiếu là cho dự án đầu tư thì nêu rõ tình trạng pháp lý và các rủi ro đầu tư của dự án. Trường hợp mục đích phát hành trái phiếu để cơ cấu lại các khoản nợ thì các khoản nợ được cơ cấu gồm , (cụ thể giá trị, kỳ hạn của khoản nợ được cơ cấu).

d) Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp là..... ; Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhận rồi (trong trường hợp giải ngân theo tiến độ) là...

;

đ) Phương án bố trí nguồn và phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu của doanh nghiệp là

e) Trái phiếu có/ không có tài sản đảm bảo. Tài sản đảm bảo có giá trị Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại..... Số ký hiệu là.....;

g) Về điều kiện, điều khoản khác của trái phiếu: Lãi suất, kỳ hạn của trái phiếu là

h) Các cam kết của doanh nghiệp phát hành là

i) Đối tượng chào bán trái phiếu (**mã trái phiếu**) là theo phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định số .../.../ND-CP. (**Tên tổ chức mua trái phiếu**) là đối tượng nhà đầu tư nên được mua và giao dịch trái phiếu (**mã trái phiếu**) theo quy định.

k) Đại diện người sở hữu trái phiếu là.....(nếu có)

l) Các thông tin khác về trái phiếu bao gồm

Trên cơ sở tìm hiểu kỹ các các thông tin về trái phiếu dự kiến mua theo các thông tin, hồ sơ tiếp cận nêu trên, tôi đánh giá doanh nghiệp phát hành..... (*nêu cụ thể đánh giá của nhà đầu tư về khả năng trả*

được đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu của doanh nghiệp).

3.2. Tôi hiểu rõ việc đầu tư vào trái phiếu mã (**mã trái phiếu**) có thể phát sinh các rủi ro sau: (***nêu rõ các rủi ro liên quan đến việc đầu tư trái phiếu***).

3.3. Tôi đã hiểu rõ rằng:

a) Trái phiếu (**mã trái phiếu**) là trái phiếu doanh nghiệp phát hành theo phương thức riêng lẻ.

b) Trái phiếu (**mã trái phiếu**) do doanh nghiệp phát hành theo nguyên tắc tự vay, tự trả và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ. Nhà nước **KHÔNG** đảm bảo việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và các quyền khác cho nhà đầu tư.

4. Trên cơ sở hiểu rõ và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về đối tượng nhà đầu tư, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, trên cơ sở tìm hiểu kỹ thông tin và đánh giá lợi ích, rủi ro của việc mua trái phiếu nêu trên, tôi quyết định mua trái phiếu cho chính mình và sử dụng nguồn tiền hợp pháp để mua trái phiếu. Tôi tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư, giao dịch trái phiếu./.

... , ngày... tháng.... năm

Nhà đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của tổ chức/ cá nhân cung cấp thông tin về trái phiếu theo điểm 2 nêu trên về việc đã cung cấp đủ hồ sơ, thông tin cho nhà đầu tư

1. (Tên doanh nghiệp phát hành trái phiếu/ Tên tổ chức cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu) (*đối với mua trái phiếu trên thị trường sơ cấp*) cung cấp (nêu cụ thể tên doanh nghiệp, địa chỉ doanh nghiệp, điện thoại liên hệ và tên người đại diện tổ chức, căn cước công dân, chức danh thông tin liên lạc)

(Ngày/ tháng, năm; ký, đóng dấu)

Hoặc

2. (Tên tổ chức sở hữu trái phiếu/ công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch) (*đối với mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp*) (nêu cụ

thể tên tổ chức sở hữu trái phiếu, địa chỉ tổ chức, điện thoại liên hệ và tên người đại diện tổ chức, căn cước công dân, chức danh thông tin liên lạc).

(Ngày/ tháng, năm; ký, đóng dấu)

Xác nhận của tổ chức đã xác nhận tư cách nhà đầu tư tại điểm 1 nêu trên:

1. (Tên doanh nghiệp phát hành trái phiếu/Tên công ty chứng khoán được ủy quyền) *(đối với mua trái phiếu trên thị trường sơ cấp)* xác nhận (nêu cụ thể tên doanh nghiệp, địa chỉ doanh nghiệp, điện thoại liên hệ và tên người đại diện doanh nghiệp, căn cước công dân, chức danh thông tin liên lạc).

Hoặc

2. (Tên công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch) *(đối với mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp)* xác nhận (nêu cụ thể tên doanh nghiệp, địa chỉ doanh nghiệp, điện thoại liên hệ và tên người đại diện doanh nghiệp, căn cước công dân, chức danh thông tin liên lạc).

(Ngày/tháng, năm; ký, đóng dấu)

Mẫu số 06

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU TRÊN HỆ
THỐNG GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI SỞ
GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

(Kèm theo Nghị định số.../.../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Mã trái phiếu:

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán.

**I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU**

1. Tên doanh nghiệp (đầy đủ):
2. Tên tiếng Anh (nếu có):
3. Tên viết tắt (nếu có):
4. Vốn điều lệ đăng ký:
5. Vốn điều lệ thực góp:
6. Địa chỉ trụ sở chính:
7. Điện thoại:..... Fax:
8. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:..... do..... cấp
ngày

hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do..... cấp
ngày.....

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:..... Mã số:
- Sản phẩm/dịch vụ chính:

II. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tên trái phiếu:
2. Loại trái phiếu:

3. Mã trái phiếu:
4. Mệnh giá trái phiếuđồng
5. Số lượng trái phiếu đăng ký giao dịchtrái phiếu
6. Thời gian dự kiến giao dịch:
7. Kỳ hạn trái phiếu
..... nă
m
8. Lãi suất...../năm.
9. Kỳ trả lãi:

III. TÀI LIỆU GỬI KÈM

1. Hợp đồng ký kết với Đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có);
2. Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoặc loại trái phiếu phát hành (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của cấp có thẩm quyền; Quyết định phê duyệt việc đăng ký giao dịch trái phiếu của cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu;
4. Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);
5. Giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

.... , ngày...tháng....năm...

DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp
luật) (Ký, ghi rõ họ tên và
đóng dấu)

Mẫu số 07

**MẪU GIẤY THÔNG BÁO CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH
NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**
(Kèm theo Nghị định số: .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính
phủ)

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày ... tháng... năm 20...

**GIẤY THÔNG BÁO VỀ VIỆC CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU
DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG
NƯỚC**

Trái phiếu (mã trái phiếu)

Kính gửi:(1)¹

**I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CHÀO BÁN TRÁI
PHIẾU**

1. Tên tổ chức chào bán (đầy đủ):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax:
4. Vốn điều lệ:
.....
5. Mã cổ phiếu (nếu có):
6. Loại hình doanh nghiệp
7. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) mã số ... do cơ quan quản lý tại Bộ () ... cấp lần đầu ngày , cấp thay đổi lần ... ngày .. (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)

¹ Trường hợp doanh nghiệp không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: Gửi Sở Tài chính.

Trường hợp doanh nghiệp là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: Gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu:.....Mã ngành:.....
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
- Vốn điều lệ:

8. Doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành. (có/không).

9. Mã số thuế:

II. HÌNH THỨC PHÁT HÀNH: CHÀO BÁN RIÊNG LẺ

III. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH, PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

.....

IV. THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN

1. Tên trái phiếu:

2. Loại trái phiếu:

3. Kết quả xếp hạng tín nhiệm trong trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định của pháp luật; hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm (nếu có) trong trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm.

Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm

Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm

Không có xếp hạng tín nhiệm

(Nếu có xếp hạng tín nhiệm thì nêu cụ thể kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành hoặc trái phiếu phát hành tại thời điểm công bố thông tin, ngày công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm và tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm)

4. Mệnh giá trái phiếuđồng/trái phiếu.

5. Số lượng trái phiếu chào bán trái phiếu.

6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán (theo mệnh giá):..... đồng.

7. Giá chào bán..... đồng/trái phiếu.

8. Lãi suất danh nghĩa dự kiến: (trường hợp lãi suất thả nổi, lãi suất kết hợp thì nêu cách thức xác định lãi suất).

9. Kỳ hạn trái phiếu:

10. Kỳ trả lãi:.....

11. Điều khoản mua lại trái phiếu, mua lại trái phiếu trước hạn:....

12. Các điều khoản liên quan đến chuyển đổi trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi*):

- Thời hạn chuyển đổi:
 - Tỷ lệ chuyển đổi hoặc phương pháp xác định tỷ lệ chuyển đổi:.....

- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

- Các điều khoản khác (*nếu có*):

13. Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền*):

- a. Thời hạn thực hiện quyền:
- b. Tỷ lệ thực hiện quyền:
- c. Giá cổ phiếu thực hiện chứng quyền và nguyên tắc tính thực hiện chứng quyền:.....
- d. Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài:
- e. Các điều khoản khác (*nếu có*):

14. Các thông tin khác liên quan trái phiếu có bảo đảm (*trường hợp chào bán trái phiếu có bảo đảm*):

- a. Hình thức bảo đảm:
- b. Giá trị trái phiếu được bảo đảm:
- c. Bảo đảm bằng bảo lãnh thanh toán (*trường hợp bảo đảm thanh toán bằng bảo lãnh*):

+ Tên tổ chức bảo lãnh thanh toán:

+ Giá trị bảo lãnh:

d. Bảo đảm bằng tài sản (*trường hợp bảo đảm thanh toán bằng tài sản*):

+ Tài sản bảo đảm:

+ Giá trị tài sản bảo đảm:

+ Chủ sở hữu tài sản bảo đảm:

+ Tổ chức nhận tài sản bảo đảm:

e. Đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có):

15. Thứ tự ưu tiên thanh toán trái phiếu:

16. Thông tin về trái phiếu đã phát hành hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành

a. Tổng giá trị trái phiếu hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành:đồng, trong đó:

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng.....đồng.

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: đồng.

b. Tổng giá trị trái phiếu huy động trong 12 tháng gần nhất tính đến thời điểm đăng ký chào bán:..... đồng, trong đó:

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng.....đồng.

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: đồng.

17. Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng giá trị trái phiếu hiện có %.

18. Thời gian dự kiến chào bán:

19. Phương thức phân phối:

V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN (Nêu phương án sử dụng, tiến độ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có))

VI. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán:

2. Danh sách dự kiến (đính kèm):

Stt	Tên nhà đầu tư	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng		Số lượng trái khoán dự kiến chào bán cho từng nhà đầu tư
			Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư chiến lược (nêu tên từng NĐT)	
1					
2					
...					

VII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý chào bán:
2. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán:
3. Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu:
4. Tổ chức kiểm toán:
5. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm (nếu có) :
6. Tổ chức cung cấp dịch vụ khác (nếu có):.....

VIII. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư mua trái phiếu chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Đáp ứng điều kiện chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị định số/..../ND-CP và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn nhà đầu tư tham gia đợt chào bán.

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật quy định về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

- Sử dụng số tiền huy động đúng mục đích.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

IX. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Quyết định của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp thông qua phương án chào bán và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán;
3. Tài liệu cung cấp thông tin về đợt chào bán cho nhà đầu tư (nếu có);
4. Tài liệu sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (nếu có);
5. Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu đăng ký chào bán (nếu có).
6.

....., ngày.... tháng.... năm 20..

TÊN DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 08

**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP
RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**
(Kèm theo Nghị định số: .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày ... tháng... năm 20...

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU
DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**

Trái phiếu (mã trái phiếu)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Tên doanh nghiệp phát hành (đầy đủ):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax: Website:
4. Vốn điều lệ..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có):
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày, cấp thay đổi lần thứ.....ngày(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Mã ngành:
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
7. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật

chuyên ngành):

II. TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN RIÊNG LẺ

1. Tên trái phiếu:
2. Loại trái phiếu:
3. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán trái phiếu
4. Mệnh giá trái phiếu đồng
5. Giá bán dự kiến đồng/trái phiếu
6. Thời hạn trái phiếu năm
7. Lãi suất /năm.
8. Kỳ trả lãi:
9. Thời gian hạn chế chuyển nhượng:
10. Các điều khoản liên quan đến chuyển đổi trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi*):
 - Điều kiện:
 - Thời hạn chuyển đổi:
 - Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá chuyển đổi:
 - Các điều khoản khác (*nếu có*):
11. Các điều khoản của chứng quyền kèm theo trái phiếu (*trường hợp phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền*):
 - Thời gian thực hiện quyền:
 - Tỷ lệ thực hiện quyền:
 - Giá cổ phiếu phát hành:
12. Ngày phát hành:
13. Ngày bắt đầu đợt chào bán:
14. Ngày kết thúc đợt chào bán:
15. Thời hạn đăng ký mua: từ ngày đến ngày
16. Ngày thanh toán tiền mua trái phiếu:
17. Ngày kết thúc chuyển giao trái phiếu:

III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Tổng số trái phiếu đã phân phối:, chiếm....% tổng số trái phiếu được phép chào bán.
2. Tổng số tiền thu từ việc bán trái phiếu: đồng (*có xác nhận*)

của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu đính kèm).

3. Tổng chi phí đồng.

- Chi phí bảo lãnh phát hành:

- Chi phí phân phối trái phiếu:

- Chi phí kiểm toán:

- Chi phí khác (nếu có)

4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán..... đồng

IV. DANH SÁCH NHÀ ĐẦU TƯ THAM GIA MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI/TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ

STT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số lượng trái phiếu dự kiến phân phối	Giá trị trái phiếu đã phân phối	Ghi chú
1	...				
2					
...					

V. CƠ CẤU VỐN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH SAU ĐỢT CHÀO BÁN

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Trước đợt chào bán	Sau đợt chào bán
Tổng nợ:		
Nợ ngắn hạn:		
Nợ dài hạn:		

Trong đó trái phiếu:		
Tổng vốn cổ phần:		
Tỷ lệ nợ/vốn cổ phần:		

Trong đó tổng giá trị trái phiếu người nước ngoài nắm giữ sau đợt chào bán: nghìn đồng, chiếm.....% tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành.

VI. TÀI LIỆU GỬI KÈM

1. Xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán;
2. Quyết định của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp về việc phân phối trái phiếu *(nếu có)*;
3.

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**TÊN DOANH NGHIỆP PHÁT
HÀNH**

*(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH**

Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp (Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15); căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15; triển khai nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng các văn bản quy định chi tiết các luật, pháp lệnh được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024), Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định), thay thế Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý**

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, đường lối, định hướng lớn và văn bản pháp lý quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển thị trường tài chính, thị trường chứng khoán và thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) theo hướng an toàn, hiệu quả và bền vững.

- Tại Văn kiện Đại hội XIII của Đảng¹, giai đoạn 2021–2030 xác định nhiệm vụ tiếp tục rà soát, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thị trường tài chính, chứng khoán và trái phiếu; bảo đảm tính thanh khoản và an toàn hệ thống.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát

¹ Khoản 4 Phần V. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội - Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030

triển kinh tế tư nhân đề ra nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện quy định về TPDN nhằm nâng cao chất lượng thị trường và mở rộng kênh huy động vốn ổn định, chi phí hợp lý cho khu vực kinh tế tư nhân.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật nhấn mạnh yêu cầu xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng minh bạch, thông thoáng, an toàn; tạo cơ sở pháp lý để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các nguồn lực về vốn.

- Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, giao Bộ Tài chính nhiệm vụ rà soát, hoàn thiện các quy định về TPDN tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế nhằm nâng cao chất lượng và mở rộng kênh huy động vốn ổn định cho kinh tế tư nhân.

- Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030, được phê duyệt tại Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ, đặt mục tiêu quy mô dư nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 47% GDP vào năm 2025 (trong đó TPDN tối thiểu 20% GDP) và tối thiểu 58% GDP vào năm 2030 (trong đó TPDN tối thiểu 25% GDP), qua đó xác định rõ yêu cầu phát triển thị trường TPDN trở thành một cấu phần chủ lực của thị trường vốn và của nền kinh tế.

- Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội cũng đặt ra yêu cầu rà soát, hoàn thiện pháp luật về tài chính, chứng khoán, trái phiếu và doanh nghiệp để xác định quy định có khó khăn, vướng mắc, đề sửa đổi, bổ sung các văn bản dưới luật theo thẩm quyền, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung các quy định tại Luật Chứng khoán liên quan đến đối tượng mua, giao dịch, chuyên nhượng TPDN riêng lẻ. Luật số 76/2025/QH15 đã sửa đổi, bổ sung các quy định tại Luật Doanh nghiệp quy định về tỷ lệ vốn vay của doanh nghiệp phát hành; bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu trong phạm vi quản lý địa phương.

- Tại Luật Doanh nghiệp (khoản 5 Điều 129) giao Chính phủ quy định chi tiết về loại trái phiếu, hồ sơ, trình tự, thủ tục phát hành và giao dịch trái phiếu riêng lẻ; công bố thông tin; phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế. Luật Chứng khoán (khoản 6 Điều 31) cũng giao Chính phủ quy định chi tiết việc chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

- Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng các văn bản hướng dẫn chi tiết các luật, pháp lệnh được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) giao Bộ Tài chính

trình Chính phủ ban hành Nghị định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp.

Căn cứ vào các cơ sở chính trị, pháp lý nêu trên, việc xây dựng Nghị định quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (thay thế Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP) là cần thiết và có căn cứ pháp lý, phù hợp với chủ trương, đường lối, định hướng của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong thời gian qua, việc triển khai Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP cho thấy khung pháp lý cho hoạt động thị trường TPDN riêng lẻ đã từng bước được đổi mới, hoàn thiện, đáp ứng cơ bản công tác điều hành, tổ chức, quản lý, giám sát các hoạt động trên thị trường; góp phần tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn trung và dài hạn, giảm áp lực cho tín dụng ngân hàng; nâng cao một bước yêu cầu về công bố, cung cấp thông tin, tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành và các tổ chức cung cấp dịch vụ trên thị trường. Việc ban hành Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP trong giai đoạn thị trường có biến động mạnh cũng đã giúp ổn định tâm lý nhà đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp tái cơ cấu nghĩa vụ nợ và từng bước khắc phục những bất cập của giai đoạn trước.

Từ thời điểm Nghị định số 153/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (01/01/2021) đến hết năm 2024, giá trị phát hành TPDN riêng lẻ đạt khoảng 1,68 triệu tỷ đồng². Tính đến hết tháng 06/2025, quy mô thị trường TPDN riêng lẻ đạt **9,8% GDP** năm 2024 (tương đương khoảng 1,13 triệu tỷ đồng). Trong 10 tháng đầu năm 2025, giá trị TPDN phát hành riêng lẻ đạt 441,7 nghìn tỷ đồng, gấp 1,39 lần so với cùng kỳ năm 2024, trong đó tổ chức tín dụng chiếm 66,3% khối lượng phát hành, doanh nghiệp bất động sản chiếm 26,1%, các doanh nghiệp trong lĩnh vực còn lại chiếm 7,6%. Kỳ hạn phát hành bình quân trong 10 tháng đầu năm là 3,7 năm; lãi suất phát hành bình quân 7,23%/năm (tương đương cùng kỳ năm trước). Có thể thấy, kênh phát hành TPDN phát triển đã góp phần giảm áp lực cung ứng vốn của kênh tín dụng ngân hàng theo đúng chủ trương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

Tuy nhiên, qua 05 năm triển khai thi hành, các quy định về phát hành TPDN riêng lẻ cần được sửa đổi, bổ sung vì các lý do sau:

Thứ nhất, một số quy định cần được điều chỉnh để đáp ứng các yêu cầu từ thực tiễn, bảo vệ tốt hơn nữa quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

² Khối lượng phát hành năm 2021 là 605,9 nghìn tỷ đồng, năm 2022 là 337,1 nghìn tỷ đồng, năm 2023 là 296,8 nghìn tỷ đồng, năm 2024 là 437,9 nghìn tỷ đồng.

Về quy mô của thị trường TPDN phát hành riêng lẻ, mặc dù tăng trưởng nhanh nhưng chưa phải kênh huy động vốn chủ yếu của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp phát hành, tính tuân thủ pháp luật của một bộ phận doanh nghiệp còn hạn chế, chưa thực hiện tốt trách nhiệm, nghĩa vụ về báo cáo, công bố, cung cấp thông tin cho NĐT về các thông tin như trái phiếu phát hành, doanh nghiệp phát hành, tình hình tài chính, phương án sử dụng vốn và kế hoạch trả nợ gốc và lãi trái phiếu. Đối với tổ chức cung cấp dịch vụ, cũng có trường hợp chưa thực sự phát huy tốt vai trò hỗ trợ, rà soát giúp doanh nghiệp phát hành TPDN riêng lẻ. Do đó, cần có quy định để chuẩn hóa, nâng cao hơn nữa trách nhiệm của tổ chức phát hành, làm rõ vai trò của các tổ chức cung cấp dịch vụ và tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập, ký xác nhận hồ sơ, tài liệu về phát hành TPDN riêng lẻ.

Thứ hai, cơ chế kiểm soát, quản lý đối với thị trường TPDN riêng lẻ cũng cần được điều chỉnh theo hướng vừa đảm bảo nguyên tắc tự phát hành, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành, vừa đảm bảo làm rõ hơn vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan phù hợp với tổ chức bộ máy chính quyền hiện nay theo hướng phân cấp, phân quyền quản lý, giám sát, kiểm soát, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm cho các cơ quan quản lý các tỉnh/thành để quản lý đối với doanh nghiệp ngay tại các địa phương.

Thứ ba, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 đã sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, trong đó định hướng NĐT chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân chuyển sang đầu tư các sản phẩm công khai, minh bạch và ít rủi ro hơn. Theo quy định mới, nhà NĐT chuyên nghiệp là cá nhân chỉ được mua, giao dịch, chuyển nhượng TPDN riêng lẻ trong trường hợp trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm và có tài sản bảo đảm hoặc có xếp hạng tín nhiệm và được tổ chức tín dụng bảo lãnh thanh toán. Trong khi đó, các Nghị định hiện hành về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được xây dựng trên cơ sở các quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp trước khi được sửa đổi, bổ sung. Do đó, một số nội dung tại các Nghị định này không còn phù hợp với quy định mới của Luật. Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung Nghị định là cần thiết nhằm bảo đảm sự thống nhất với các Luật đã được sửa đổi và phù hợp với định hướng quản lý mới đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển thị trường tài chính, chứng khoán và thị trường TPDN; hoàn thiện khung pháp luật, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách; tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong công

tác kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động phát hành TPDN; khơi thông và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế – xã hội.

- Khắc phục các hạn chế, bất cập phát sinh trong thực tiễn phát hành TPDN riêng lẻ; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; bảo đảm thị trường TPDN riêng lẻ phát triển ổn định, công khai, minh bạch, từng bước trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng của doanh nghiệp.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng; bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật; sửa đổi, bổ sung quy định còn chồng chéo, bất cập; kế thừa, tiếp tục phát huy quy định đã được thực tiễn chứng minh có hiệu quả. Tuân thủ đúng thẩm quyền, nội dung, hình thức và trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Bảo đảm việc thực hiện chủ trương phân quyền, phân cấp; giải quyết vấn đề bất cập, phát sinh từ thực tiễn; yêu cầu quản lý nhà nước và khuyến khích sáng tạo, khơi thông mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, khả thi, kịp thời của quy định pháp luật; tôn trọng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với thị trường TPDN riêng lẻ.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Căn cứ Văn bản số 11284/VPCP-KTTH ngày 17/11/2025 thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính đề xuất xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn, Bộ Tài chính đã thực hiện việc xây dựng Nghị định theo đúng quy trình xây dựng VBQPPL, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan. Theo đó:

(1) Bộ Tài chính đã thành lập Tổ soạn thảo với các thành viên là đại diện Bộ Tài chính và một số đại diện các Bộ, ngành liên quan như Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, VCCI... theo Quyết định số 3917/QĐ-BTC ngày 21/11/2025.

(2) Đăng tải toàn văn dự thảo Nghị định và Tờ trình trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động; gửi lấy ý kiến bằng văn bản đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Bộ, ngành liên quan; UBND các tỉnh, các hiệp hội và một số doanh nghiệp.

(3) Trên cơ sở tiếp thu ý kiến các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã chỉnh lý dự thảo Nghị định và đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định (Công văn số .../BTC-UBCK ngày ...). Ngày, Bộ Tài chính nhận được Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp số .../BCTĐ-BTP về dự thảo Nghị định và đã tiếp

thu, giải trình đầy đủ các ý kiến thẩm định và hoàn thiện dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành việc chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ trong nước và việc chào bán TPDN ra thị trường quốc tế theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

- Đối tượng áp dụng Nghị định là doanh nghiệp phát hành trái phiếu, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chào bán và giao dịch TPDN riêng lẻ.

2. Bố cục dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở rà soát, sửa đổi một số điểm về kết cấu của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2022/NĐ-CP, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP, trong đó làm rõ cơ chế quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, theo dõi hoạt động chào bán trái phiếu theo đối tượng quản lý để quy định và phân tách rõ trách nhiệm của các cơ quan; sửa đổi, bổ sung các nội dung còn chưa rõ theo kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Kết luận số 276/KL-TTCT ngày 05/8/2025 về việc chấp hành chính sách pháp luật về phát hành TPDN riêng lẻ và sử dụng nguồn tiền từ TPDN riêng lẻ.

Dự thảo Nghị định gồm 8 chương, 52 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I: Quy định chung
- Chương II: Chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước.
- Chương III: Chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế
- Chương IV: Công bố, cung cấp thông tin.
- Chương V: Chuyên trang thông tin và chế độ báo cáo về TPDN
- Chương VI: Quản lý, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan
- Chương VII: Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại
- Chương VIII: Điều khoản thi hành.

3. Một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Chương I - Quy định chung

Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2022/NĐ-CP, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP (sau đây gọi chung là Nghị định số 153/2020/NĐ-CP) quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; áp dụng quy định pháp luật có liên quan; giải thích từ ngữ; nguyên tắc phát hành; điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu; mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái

Dự thảo Nghị định về cơ bản tiếp tục kế thừa các quy định này, đồng thời chuyển quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu (bao gồm cả trách nhiệm của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Chủ sở hữu doanh nghiệp, Cơ quan đại diện chủ sở hữu) từ Chương VI - Quản lý, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP đưa lên quy định tại Điều 7 Chương I (Quy định chung) do đây là các đối tượng chịu trách nhiệm chính trong hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ.

Chương I dự thảo Nghị định cũng bổ sung 01 điều mới (Điều 8) quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu, báo cáo, phù hợp với các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15) để phân định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia lập, xác nhận hồ sơ, báo cáo liên quan đến hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ; trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (tổ chức tư vấn hồ sơ, đại lý phát hành, tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đủ điều kiện, người ký báo cáo kiểm toán, soát xét, tổ chức xếp hạng tín nhiệm, doanh nghiệp thẩm định giá), theo đó xác định rõ: (i) Tổ chức phát hành, tổ chức cá nhân tham gia xác nhận trên hồ sơ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ; (ii) Cơ quan nhà nước (UBCKNN) chịu trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên cơ sở hồ sơ được cung cấp, không chịu trách nhiệm về vi phạm của doanh nghiệp xảy ra trước và sau khi nộp hồ sơ, tài liệu; (iii) Tổ chức tư vấn hồ sơ có trách nhiệm trong phạm vi tư vấn, rà soát, kiểm tra các thông tin trong hồ sơ đảm bảo việc phân tích, đánh giá được thực hiện hợp lý, cân trọng trên cơ sở thông tin được cung cấp.

3.2. Chương II Chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước

3.2.1. Về kết cấu của Chương 2

Nghị định số 153/2020/NĐ-CP quy định theo thứ tự: Nhà đầu tư mua TPDN riêng lẻ; điều kiện chào bán; quy trình chào bán; hồ sơ, thủ tục chào bán; phương án phát hành và thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành; phương thức phát hành và tổ chức cung cấp dịch vụ; đăng ký, lưu ký và giao dịch trái phiếu; thanh toán lãi, gốc trái phiếu; công bố thông tin.

Cách kết cấu này chưa phân tách các đối tượng phát hành TPDN riêng lẻ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Chứng khoán (công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán) và các doanh nghiệp phát hành khác thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Do đó, cần quy định tách biệt theo nhóm đối tượng này tại các Mục của Chương II để bảo đảm rõ ràng trong quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật; đồng thời thuận lợi cho công tác quản lý, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức; phù hợp với quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, Chương II của Nghị định được kết cấu lại theo hướng tách

bạch nội dung về điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chào bán TPDN riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng và đối tượng là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Theo đó, Chương II của dự thảo Nghị định gồm 05 Mục: Mục 1 – Nguyên tắc chung; Mục 2 – Chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; Mục 3 – Chào bán trái phiếu của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; Mục 4 – Đăng ký, lưu ký và giao dịch trái phiếu; Mục 5 – Thanh toán lãi, gốc trái phiếu.

3.2.2. Quy định về nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng TPDN riêng lẻ (Điều 9)

Thứ nhất, về phân luồng NĐT chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng TPDN riêng lẻ:

Tại Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 đã sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng NĐT chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng TPDN riêng lẻ. Theo đó: Luật Doanh nghiệp³ quy định *NĐT chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng TPDN riêng lẻ theo pháp luật chứng khoán*. Luật Chứng khoán⁴ quy định NĐT chuyên nghiệp là tổ chức được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng các loại TPDN riêng lẻ; NĐT chuyên nghiệp là cá nhân chỉ được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng TPDN riêng lẻ đối với trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm (XHTN) và tài sản đảm bảo hoặc có XHTN và bảo lãnh thanh toán đối với trái phiếu đó. Riêng đối với đối tượng là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán⁵, khi thực chào bán *trái phiếu chuyển đổi* riêng lẻ thì đối tượng tham gia áp dụng như đối với chào bán cổ phiếu riêng lẻ bao gồm NĐT chiến lược, NĐT chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức và cá nhân.

Để bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp về đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với từng loại trái phiếu, tại dự thảo Nghị định đã quy định:

- Đối với công ty chưa đại chúng (theo Luật doanh nghiệp) không phân biệt loại TPDN phát hành riêng lẻ là trái phiếu thường, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, khi chào bán riêng lẻ cho NĐT chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân thì phải có XHTN và có tài sản đảm bảo/có bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc, lãi đối với trái phiếu đó theo đúng quy định tại khoản 1a, 1b Điều 11 Luật Chứng khoán được bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15.

- Đối với công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (theo Luật Chứng khoán), NĐT chuyên nghiệp là cá nhân tham gia, giao dịch, chuyển nhượng TPDN chuyển đổi riêng lẻ áp dụng như đối với

³ Khoản 2 Điều 128 Luật Doanh nghiệp, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a Khoản 19 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15

⁴ Khoản 1a, 1b Điều 11 Luật Chứng khoán, được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật theo Luật số 56/2024/QH15

⁵ Điều 31 Luật Chứng khoán về chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15

chào bán cổ phiếu riêng lẻ (không bắt buộc phải có XHTN và có tài sản đảm bảo/có bảo lãnh thanh toán đối với trái phiếu) theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15; khi phát hành trái phiếu thường, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ cho NĐT cá nhân thì phải có XHTN và có tài sản đảm bảo/bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc, lãi đối với trái phiếu đó theo quy định tại khoản 1a, 1b Điều 11 Luật Chứng khoán được bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15.

Thứ hai, về NĐT ký văn bản cam kết về việc được tiếp cận thông tin, hiểu rõ rủi ro và hoàn toàn chịu trách nhiệm khi đầu tư:

Quy định hiện nay (Điều 8) yêu cầu NĐT chuyên nghiệp trước khi mua trái phiếu trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp phải ký cam kết về việc đã được tiếp cận đầy đủ thông tin, hiểu rõ điều kiện, điều khoản trái phiếu, tự đánh giá, chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch trái phiếu.

Trên cơ sở thực tiễn triển khai và kiến nghị của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA), Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định chỉ yêu cầu NĐT chuyên nghiệp cá nhân ký văn bản cam kết; không yêu cầu đối với NĐT chuyên nghiệp là tổ chức để giảm thiểu thủ tục cho các tổ chức đầu tư.

3.2.3. Về nguyên tắc phát hành, mục đích, phương án phát hành và mục đích sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu và thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành (Điều 5, Điều 11)

- *Về phương án phát hành trái phiếu:* Dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa cấu trúc và các nội dung cơ bản của phương án phát hành theo Điều 13 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, bao gồm: thông tin về doanh nghiệp phát hành; mục đích phát hành; điều kiện, điều khoản của trái phiếu; các chỉ tiêu tài chính trong ba năm liên kế; ý kiến kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính. Trên cơ sở kế thừa quy định hiện hành, dự thảo Nghị định chỉnh lý cách thể hiện nội dung phương án phát hành theo hướng rõ ràng hơn, bảo đảm phương án phát hành tập trung vào các điều kiện và đặc điểm của đợt chào bán, đồng thời tách bạch các thông tin nội tại của doanh nghiệp (như thông tin về tên doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tình hình phát hành và sử dụng vốn đối với các trái phiếu còn dư nợ, các vi phạm pháp luật về phát hành trái phiếu;...) để quy định tại Bản cung cấp thông tin gửi cho nhà đầu tư trước đợt chào bán nhằm bảo đảm tính minh bạch và tránh cách hiểu sai về việc khi có thay đổi các thông tin này được coi là thay đổi phương án phát hành.

- *Về mục đích, phương án sử dụng vốn:*

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định rõ nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được doanh nghiệp theo dõi riêng, đảm bảo sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng vốn đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận và nội dung công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư. Quy định này giúp minh bạch nguồn tiền thu được từ đợt chào bán với các nguồn tiền khác của doanh nghiệp, vừa tăng

cường kỷ luật tài chính, giúp doanh nghiệp thuận tiện hơn trong việc theo dõi, quản lý nguồn tiền và việc sử dụng vốn đúng mục đích phát hành, vừa củng cố niềm tin của nhà đầu tư doanh nghiệp phát hành, góp phần nâng cao tính minh bạch và an toàn của thị trường.

Ngoài ra, Nghị định số 153/2020/NĐ-CP chưa quy định việc doanh nghiệp được thay đổi phương án sử dụng vốn, dẫn đến vướng mắc trong thực tiễn khi doanh nghiệp có nhu cầu điều chỉnh nhằm tối ưu dòng tiền, bảo đảm quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư và phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Để tối ưu hóa dòng vốn cho doanh nghiệp, dự thảo Nghị định bổ sung quy định doanh nghiệp được *thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán* trong trường hợp được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phát hành thông qua và được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận và doanh nghiệp phải công bố thông tin bất thường về việc này.

- Về *phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán*, tiếp thu kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Kết luận số 276/KL-TTCP ngày 05/8/2025 về việc chấp hành chính sách pháp luật về phát hành TPDN riêng lẻ và sử dụng nguồn tiền từ TPDN riêng lẻ, dự thảo Nghị định quy định doanh nghiệp phải nêu rõ, chi tiết kế hoạch trả nợ lãi, gốc trái phiếu (bao gồm chi tiết kế hoạch bố trí nguồn cho từng kỳ thanh toán lãi, gốc trái phiếu cho đến khi đáo hạn, phương thức thanh toán, số tiền thanh toán, thời gian dự kiến thanh toán, dòng tiền dự kiến thanh toán tương ứng với từng mục đích sử dụng vốn); phương án chi tiết xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp không bố trí được nguồn thanh toán lãi, gốc (trong trường hợp trái phiếu có tài sản đảm bảo).

Đồng thời, để đảm bảo minh bạch thông tin về đợt chào bán, dự thảo Nghị định quy định cụ thể hơn các thông tin tại *phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán* phải được cấp có thẩm quyền thông qua như: thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý của dự án, các rủi ro đầu tư của dự án, tình hình triển khai dự án (dự án đã hoàn thành hoặc chưa hoàn thành thủ tục đầu tư, thời gian thực hiện dự án, dự kiến tiến độ giải ngân); khoản nợ được cơ cấu (nêu cụ thể về chủ nợ, giá trị, kỳ hạn, mục đích vay nợ), việc sử dụng vốn để cơ cấu các khoản nợ (nêu thông tin về chủ nợ, giá trị, kỳ hạn, mục đích vay nợ, tiến độ dự kiến thanh toán các khoản nợ). Đồng thời, trường hợp nguồn vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu được giải ngân theo tiến độ, phương án phải nêu rõ kế hoạch sử dụng vốn tạm thời nhàn rỗi.

3.2.4. Về phương thức phát hành trái phiếu và tổ chức cung cấp dịch vụ (Điều 12)

Dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP về các phương thức phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Theo đó, trái phiếu doanh nghiệp được phát hành theo bốn phương thức: (i) đấu thầu phát hành; (ii) bảo lãnh phát hành; (iii) đại lý phát hành; (iv) bán trực tiếp cho nhà đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng. Dự thảo Nghị định đồng thời quy định doanh nghiệp phát hành có quyền lựa chọn phương thức phát hành phù hợp với nhu cầu, điều kiện cụ thể của mình và có trách

nhiệm công bố rõ cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa, chuẩn hóa hoạt động tư vấn hồ sơ phát hành của tổ chức cung cấp dịch vụ để hỗ trợ doanh nghiệp, nâng cao chất lượng hồ sơ phát hành, nhằm bảo đảm hồ sơ phát hành được lập đầy đủ, chính xác, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý nhà nước đối với phát hành TPDN riêng lẻ; đồng thời quy định rõ hơn trách nhiệm của doanh nghiệp và tổ chức tư vấn trong hoạt động phát hành TPDN riêng lẻ.

3.2.5. Về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chào bán TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước (mục 2 và mục 3 Chương II)

a) Quy định về điều kiện hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu

- *Đối với doanh nghiệp không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ:* Luật số 76/2025/QH15 đã bổ sung điều kiện chào bán TPDN riêng lẻ là doanh nghiệp có nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành, ngoại trừ tổ chức phát hành là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Do đó, dự thảo Nghị định đã bổ sung điều kiện này áp dụng đối với doanh nghiệp không phải là đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, chỉ tiêu nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành), vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

- *Đối với công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ:* căn cứ theo Điều 31 Luật Chứng khoán, các đối tượng này không phải đáp ứng điều kiện về nợ phải trả không quá 5 lần vốn chủ sở hữu. Trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền: Điều kiện chào bán theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán, doanh nghiệp phải tuân thủ điều kiện về khoảng cách giữa các đợt chào bán riêng lẻ phải cách nhau ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành riêng lẻ gần nhất⁶. Hồ sơ chào bán trái phiếu được dự thảo phù hợp với điều kiện chào bán (*tuong tự như hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng*), theo đó doanh nghiệp không phải nộp các tài liệu như Báo cáo tài chính; Hợp đồng ký kết với tổ chức tư vấn; tài liệu thuyết minh, đánh giá và cam kết về việc đáp ứng điều kiện thanh toán đủ gốc, lãi đến hạn thanh toán, hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán... như các doanh nghiệp thông thường khác.

b) Quy định về chào bán TPDN riêng lẻ thành nhiều đợt

⁶ bao gồm: chào bán cổ phiếu riêng lẻ; chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ; chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ; chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng; phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ.

Điều 10 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP hiện cho phép doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ thành nhiều đợt khi có nhu cầu huy động vốn theo tiến độ sử dụng vốn. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai, việc chia nhỏ đợt phát hành dẫn đến tình trạng kéo dài thời gian phân phối, gây rủi ro trong minh bạch thông tin, theo dõi mục đích sử dụng vốn và giám sát tình trạng tài chính của doanh nghiệp. Việc phát hành nhiều đợt cũng làm tăng áp lực đối với doanh nghiệp trong công bố thông tin, quản lý dòng tiền và tuân thủ điều kiện phát hành.

Trong khi đó, tổ chức tín dụng là loại hình doanh nghiệp có cơ chế quản lý, giám sát đặc thù theo pháp luật chuyên ngành, bao gồm yêu cầu về giới hạn an toàn vốn, tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động và quản lý rủi ro, đồng thời chịu sự giám sát liên tục của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với hoạt động huy động và sử dụng vốn. Do vậy, tổ chức tín dụng có năng lực và điều kiện để thực hiện phát hành trái phiếu theo nhiều đợt, bảo đảm an toàn, có kiểm soát. Vì vậy, dự thảo Nghị định quy định chỉ cho phép tổ chức tín dụng phát hành TPDN theo nhiều đợt nhằm phù hợp với cơ chế quản lý, giám sát đặc thù của pháp luật về các tổ chức tín dụng; đồng thời hạn chế rủi ro khi áp dụng phương thức này đối với doanh nghiệp không có cơ chế giám sát tương đương. Quy định này góp phần bảo đảm an toàn thị trường và nâng cao trách nhiệm của tổ chức phát hành trong hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ.

c) Về Đại diện người sở hữu trái phiếu

Nghị định số 153/2020/NĐ-CP đã quy định nguyên tắc cung cấp dịch vụ đại diện người sở hữu trái phiếu, việc thay đổi đại diện và trách nhiệm của đại diện người sở hữu trái phiếu. Theo quy định, đại diện người sở hữu trái phiếu là thành viên lưu ký của VSDC (công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) hoặc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được chỉ định hoặc được lựa chọn để đại diện quyền lợi của người sở hữu trái phiếu. Tuy nhiên, Nghị định số 153/2020/NĐ-CP chưa quy định rõ các trường hợp bắt buộc phải có đại diện người sở hữu trái phiếu. Để giảm thiểu rủi ro cho NĐT cá nhân và tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trong việc thanh toán gốc, lãi trái phiếu, dự thảo Nghị định quy định bắt buộc phải có hợp đồng với đại diện người sở hữu trái phiếu đối với trường hợp chào bán trái phiếu cho NĐT cá nhân hoặc trái phiếu có tài sản bảo đảm (tương tự quy định đối với chào bán trái phiếu ra công chúng). Theo đó, doanh nghiệp phát hành phải ký kết hợp đồng với đại diện người sở hữu trái phiếu để giám sát việc tuân thủ các cam kết trong hồ sơ chào bán và thực hiện vai trò trung gian liên lạc giữa người sở hữu trái phiếu, tổ chức phát hành và các tổ chức liên quan.

d) Về báo cáo tài chính: dự thảo Nghị định giữ nguyên quy định hiện hành tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP về điều kiện có báo cáo tài chính năm liền kề trước năm chào bán phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện; tuy nhiên, bỏ quy định cho phép doanh nghiệp được sử dụng báo cáo tài chính quý IV có soát xét/kiểm toán khi chào bán trái phiếu trong 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính; đồng thời, làm rõ trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, hồ sơ chào bán phải có báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của năm

liên kê và báo cáo tài chính được kiểm toán của công ty mẹ cho phù hợp với điểm c1 khoản 3 Điều 129 Luật Doanh nghiệp, sửa đổi tại Luật số 76/2025/QH15;

đ) Về hồ sơ chào bán đối với trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

- Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định về yêu cầu doanh nghiệp phải có tài liệu thuyết minh, đánh giá và cam kết về việc đáp ứng điều kiện thanh toán đủ gốc, lãi đến hạn thanh toán, hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán thay vì chỉ yêu cầu tài liệu là bản cam kết của doanh nghiệp phát hành như hiện nay;

- Bổ sung tài liệu là Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua hồ sơ chào bán đã đáp ứng đủ điều kiện và các thông tin, tài liệu trong hồ sơ chào bán đã đầy đủ, hợp lệ, chính xác, trung thực;

- Bỏ một số thành phần trong hồ sơ chào bán trái phiếu như: bỏ các báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ và chuyển các nội dung này đưa vào bản công bố thông tin phát hành (do tài liệu này không liên quan trực tiếp đến hồ sơ chào bán); bỏ văn bản xác nhận của nhà đầu tư mua trái phiếu (do tài liệu này chỉ được NĐT gửi sau khi doanh nghiệp bắt đầu quá trình chào bán trái phiếu).

e) Về trình tự thủ tục chào bán TPDN riêng lẻ của doanh nghiệp phát hành không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo Điều 14, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ chào bán theo Điều 15 Nghị định; gửi thông báo bằng văn bản về việc chào bán trái phiếu đến Sở Tài chính nơi doanh nghiệp đăng ký theo mẫu tại Phụ lục của Nghị định. Quy định rõ Sở Tài chính tiếp nhận thông báo không hàm ý xác nhận hay bảo đảm cho đợt chào bán. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày bắt đầu đợt chào bán, doanh nghiệp công bố thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư theo Điều 31 và gửi bản công bố thông tin này cho SGDC để tổng hợp, báo cáo, đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm). Doanh nghiệp cung cấp hồ sơ chào bán theo Điều 15 cho NĐT; NĐT ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều 9 của Nghị định. Doanh nghiệp tổ chức chào bán theo phương thức đã công bố trong Bản công bố thông tin trước đợt chào bán và phải hoàn thành phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu đợt chào bán. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phải công bố thông tin về kết quả đợt chào bán theo mẫu quy định và gửi thông báo kết quả cho nhà đầu tư, Sở Tài chính nơi doanh nghiệp đăng ký và SGDC; đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

g) Về trình tự thủ tục chào bán TPDN riêng lẻ của doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

- Trường hợp phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền: điều kiện thực hiện theo Luật Chứng khoán; trình tự, thủ tục thực hiện tương tự như đối với chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng. Doanh nghiệp gửi thông báo về chào bán cho UBCKNN để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành của các đối tượng này; quy định rõ việc UBCKNN tiếp nhận thông báo về việc chào bán không hàm ý xác nhận và đảm bảo cho đợt chào bán của doanh nghiệp.

- Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền: doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 17, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ đăng ký chào bán gửi UBCKNN, khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, UBCKNN có văn bản thông báo cho doanh nghiệp phát hành; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.2.6. Về đăng ký, lưu ký, giao dịch, chuyển quyền sở hữu trái phiếu

Nghị định số 153/2020/NĐ-CP đã có quy định về đăng ký, lưu ký và chuyển quyền sở hữu trái phiếu. Tuy nhiên, chưa quy định về việc thay đổi đăng ký trái phiếu, hủy đăng ký trái phiếu, thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu.

Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định bổ sung một số quy định mang tính nguyên tắc liên quan đến thay đổi đăng ký trái phiếu (khi doanh nghiệp mua lại trước hạn một phần, chuyển đổi một phần trái phiếu...); hủy đăng ký trái phiếu (khi trái phiếu đáo hạn hoặc doanh nghiệp chấm dứt hoạt động...); thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

3.3. Chương III – Chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế

Sửa tương ứng như quy định về chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước về phương án phát hành, phương án sử dụng vốn, phương án trả nợ vốn. Về trình tự, thủ tục, dự thảo Nghị định chuyển cơ chế chấp thuận sang cơ chế đăng ký, theo đó UBCKNN xem xét hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán TPDN ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán tương tự như đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

3.4. Chương IV – Công bố thông tin

3.4.1. Về công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước

Quy định hiện nay yêu cầu doanh nghiệp phải kiểm toán và công bố báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ phát hành đối với trái phiếu còn dư nợ. Trong quá trình thực hiện, một số tổ chức phát hành và công ty kiểm toán cho rằng việc xây dựng riêng báo cáo sử dụng vốn và kiểm toán

báo cáo này sau khi đã giải ngân hết toàn bộ tiền huy động từ trái phiếu là không thực sự cần thiết, có thể yêu cầu thuyết minh trong báo cáo tài chính hàng năm để giảm thủ tục cho doanh nghiệp.

Do vậy, dự thảo Nghị định tại Điều 33 quy định theo hướng doanh nghiệp công bố báo cáo sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được để giảm bớt thủ tục và chi phí cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, để đảm bảo yêu cầu quản lý cũng như đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, dự thảo Nghị định bổ sung thêm một số trường hợp doanh nghiệp phải công bố thông tin bất thường như khi chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố thông tin và kết quả đàm phán với NĐT trong trường hợp này, việc thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu sau thời gian bị chậm thanh toán; hoặc khi thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người đại diện theo pháp luật; khi xảy ra các sự kiện bất thường khác ảnh hưởng đến khả năng thanh toán gốc, lãi trái phiếu của doanh nghiệp.

3.4.2. Về công bố thông tin của doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế

Trên cơ sở đánh giá triển khai thời gian qua, để phù hợp với nguyên tắc quản lý giám sát TPDN chào bán ra thị trường quốc tế, dự thảo Nghị định sửa đổi, chỉnh lý theo hướng yêu cầu doanh nghiệp báo cáo định kỳ, báo cáo bất thường đối với việc thanh toán gốc, lãi trái phiếu, báo cáo kết quả mua lại, hoán đổi, thực hiện chuyển đổi trái phiếu, thực hiện quyền của trái chủ thay vì phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu báo cáo, công bố thông tin như đối với TPDN riêng lẻ chào bán tại thị trường trong nước nhằm giảm bớt thủ tục cho doanh nghiệp.

3.4.3. Về chế độ báo cáo của các tổ chức cung cấp dịch vụ

Dự thảo tiếp tục kế thừa quy định về chế độ báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm của SGDCK và VSDC đối với tình hình phát hành, đăng ký, lưu ký, giao dịch TPDN; cũng như chế độ báo cáo của các tổ chức cung cấp dịch vụ (tư vấn hồ sơ chào bán, đấu thầu, bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành, tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu) về tình hình cung cấp dịch vụ. Đồng thời, dự thảo Nghị định bãi bỏ quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP về việc Bộ Tài chính hướng dẫn các hoạt động tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, bảo lãnh, đấu thầu, đại lý phát hành và đại diện người sở hữu trái phiếu, do các nội dung này đã được quy định đầy đủ, rõ ràng ngay trong dự thảo Nghị định và đã xác định cụ thể trách nhiệm của từng tổ chức cung cấp dịch vụ.

3.5. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và phù hợp với chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dự thảo Nghị định bổ sung các quy định nhằm chuẩn hóa phương thức nộp hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng điện tử, đồng bộ với pháp luật về thủ tục hành chính và định danh điện tử.

Dự thảo Nghị định kế thừa 02 thủ tục hành chính đang được quy định tại

Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, bao gồm: (i) thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ; (ii) thủ tục đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của các đối tượng trên. Hai thủ tục này được đánh giá là cần thiết để bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, không làm phát sinh thêm nguồn lực thi hành, do đó không thuộc diện cắt giảm, đơn giản hóa.

Để đồng bộ với pháp luật về cải cách thủ tục hành chính và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục thuận lợi hơn, dự thảo Nghị định bổ sung quy định: (i) việc nộp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua các phương thức theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia; (ii) cho phép sử dụng tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử để chứng minh thông tin tương đương với giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử. Quy định này nhằm giảm hồ sơ giấy, tiết kiệm chi phí tuân thủ, chuẩn hóa quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính và phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số quốc gia.

3.6. Quản lý, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan (Chương VI)

Chương này được thiết kế lại theo hướng đưa trách nhiệm của tổ chức phát hành và tổ chức cung cấp dịch vụ vào các chương quy định trực tiếp về hoạt động của các tổ chức đó; tại chương này chỉ quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý, cơ quan, tổ chức có liên quan, gồm: SGDCK, VSDC, UBCKNN, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Sở Tài chính, cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các bộ, ngành có liên quan. Theo đó, dự thảo Nghị định phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ theo đúng đối tượng quản lý; đồng thời tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính địa phương) trong công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trên địa bàn theo nguyên tắc: mỗi cơ quan thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, không chồng chéo, trùng lặp; bảo đảm cơ chế phối hợp, chia sẻ và cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý. Cơ chế này giúp Bộ Tài chính có đủ thông tin để theo dõi, đánh giá tình hình thị trường TPDN và đề xuất, kiến nghị hoàn thiện chính sách. Cụ thể, dự thảo quy định cụ thể cơ chế quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra như sau:

(i) Đối với việc kiểm tra, giám sát các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan: tiếp tục kế thừa các quy định về giám sát, kiểm tra, thanh tra của SGDCK, VSDC, UBCKNN, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính tại các Nghị định hiện nay.

(ii) Đối với việc kiểm tra, giám sát doanh nghiệp phát hành TPDN riêng lẻ:

- UBCKNN có trách nhiệm: (i) tiếp nhận thông báo về việc chào bán TPDN riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành TPDN riêng lẻ; (ii) kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến chào bán TPDN riêng lẻ của công ty chứng khoán. Các nội dung khác quy định như hiện hành.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm (i) thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ trong phạm vi địa phương theo quy định tại Nghị định này và pháp luật doanh nghiệp; (ii) có trách nhiệm thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về TPDN riêng lẻ trong phạm vi địa phương; (iii) thanh tra, kiểm tra hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn, (iv) xử lý các vi phạm về chào bán TPDN riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này. Quy định này phù hợp với trách nhiệm của UBND cấp tỉnh tại Luật Doanh nghiệp sửa đổi. Đồng thời, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP quy định UBND cấp tỉnh có trách nhiệm *“đôn đốc, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; tổng hợp tình hình quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trong phạm vi địa phương”*.

Để triển khai cơ chế này, Nghị định bổ sung quy định trách nhiệm của Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (i) tiếp nhận thông báo về việc chào bán TPDN riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành TPDN riêng lẻ trong phạm vi địa phương, (ii) báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính, (iii) cập nhật vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về TPDN riêng lẻ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; (iv) kiểm tra hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn theo phân công, phân cấp của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh; (v) xử lý các hành vi vi phạm về chào bán TPDN riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này.

Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định tại Nghị định này có yêu cầu.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm: (i) Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức tín dụng huy động vốn từ phát hành trái phiếu; (ii) cấp phép cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ liên quan đến TPDN riêng lẻ; (iii) giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến chào bán TPDN riêng lẻ và việc các tổ chức

này cam kết mua lại trái phiếu của doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn; (iv) xử lý các hành vi vi phạm về chào bán TPDN riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này; (v) thực hiện quản lý về ngoại hối và vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

- Bộ Tài chính có trách nhiệm: (i) Hướng dẫn việc công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế; việc đăng ký, lưu ký, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch TPDN chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước; (ii) Quản lý, giám sát tổ chức kiểm toán, doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức xếp hạng tín nhiệm khi cung cấp dịch vụ liên quan đến TPDN riêng lẻ theo quy định của pháp luật về kiểm toán, pháp luật về giá, pháp luật về xếp hạng tín nhiệm; (iii) Tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường TPDN theo quy định tại Nghị định này, đề xuất, kiến nghị Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi cơ chế chính sách thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

- SGDCK, VSDC: bổ sung thêm trách nhiệm xử lý vi phạm đối với đối tượng thuộc quản lý, giám sát theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, VSDC.

- Các bộ, ngành có liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp kiểm tra, giám sát việc chào bán, giao dịch và cung cấp dịch vụ trên thị trường TPDN theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

3.7. Về điều khoản chuyển tiếp

Luật số 56/2024/QH15 quy định trái phiếu phát hành trước ngày 01/01/2026 tiếp tục thực hiện theo Luật Chứng khoán năm 2019, căn cứ quy định này, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau:

- Đối với TPDN phát hành trước Luật Chứng khoán năm 2019 có hiệu lực thi hành, tổ chức lưu ký trái phiếu tiếp tục báo cáo cho SGDCK Hà Nội về tình hình lưu ký trái phiếu cho đến khi trái phiếu không còn dư nợ (trái phiếu đã lưu ký tại VSDC thì VSDC cung cấp cho SGDCK Hà Nội để tổng hợp chung).

- Đối với trái phiếu đã thay đổi điều kiện, điều khoản trước khi Nghị định số 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 16/09/2022): cho phép kéo dài kỳ hạn của trái phiếu tối đa không quá 02 năm theo phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư nếu nhà đầu tư đồng thuận việc thay đổi; trường hợp nhà đầu tư không đồng thuận thì doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu (trái phiếu phát hành sau ngày Nghị định số 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được thay đổi toàn bộ điều kiện, điều khoản nếu 65% đại diện người sở hữu trái phiếu chấp thuận). Điều khoản chuyển tiếp này thống nhất với điều khoản chuyển tiếp tại Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.

- Đối với TPDN đã đăng ký, lưu ký, giao dịch, chuyển nhượng trước khi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2021): (i) trái phiếu chỉ được chuyển nhượng cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; (ii) trái phiếu phải lưu ký tập trung tại VSDC nếu có kỳ hạn còn lại từ 6 tháng trở lên

tính từ thời điểm dự thảo Nghị định có hiệu lực thi hành; đối với trái phiếu có kỳ hạn còn lại dưới 6 tháng tính từ thời điểm dự thảo Nghị định có hiệu lực thi hành, việc giao dịch thực hiện tại tổ chức lưu ký, tổ chức lưu ký có trách nhiệm xác định đối tượng được giao dịch trái phiếu.

3.8. Về hiệu lực thi hành

Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định hiệu lực thi hành của Nghị định từ ngày 01/01/2026 theo thời điểm hiệu lực của Luật sửa đổi Luật Chứng khoán đối với nội dung về TPDN riêng lẻ (khoản 1 Điều 11 Luật sửa đổi Luật Chứng khoán). Riêng đối với quy định về nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu, doanh nghiệp phải thực hiện theo quy định của Luật số 76/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/07/2025.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

....

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Về nhân lực

Các chính sách nêu trên khi được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy, biên chế trong tổ chức thi hành Nghị định, không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

2. Về kinh phí

a) Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị định: Từ nguồn ngân sách nhà nước cấp theo quy định và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

b) Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị định: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục các nội dung Nghị định và quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến kịp thời các quy định của Nghị định đến các cơ quan, tổ chức, người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính, UBND các tỉnh có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị định.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị định, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm việc thực hiện Nghị định sau khi được Chính phủ thông qua.

- Theo dõi thi hành: Thực hiện công tác theo dõi thi hành Nghị định.

VI. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

.....

VII. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở nội dung báo cáo nêu trên, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (thay thế Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP).

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTg Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Công an;
- Ngân hàng Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Vụ PC; ĐCTC;
- Các Cục: KTKT, DNNN, DNTN;
- VSDC, VNX, HNX;
- Lưu: VT, UBCK (b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

DỰ THẢO 21.11.2025

Hà Nội, ngày tháng năm

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN, GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ VỚI QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2020/NĐ-CP NGÀY 31/12/2020 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN, GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 65/2022/NĐ-CP NGÀY 16/9/2022, NGHỊ ĐỊNH SỐ 08/2023/NĐ-CP NGÀY 05/3/2023)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)

S TT	Nghị định số 153/2020/NĐ-CP Nghị định 65/2022/NĐ-CP ¹ Nghị định 08/2023/NĐ-CP ²	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
1	Tên Nghị định: - Nghị định số 153/2020/NĐ-CP: Quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế. - Nghị định số 65/2022/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ	Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.	Tên Nghị định kế thừa tên Nghị định số 153/2020/NĐ-CP

¹ Sửa đổi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP

² Sửa đổi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, sửa đổi, ngưng thi hành một số điều tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

	tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế. - Nghị định số 08/2023/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.		
	Chương I. Quy định chung	Chương I. Quy định chung	
2	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị định này quy định về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế. 2. Nghị định này không điều chỉnh việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng tại thị trường trong nước theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị định này quy định về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế. 2. Nghị định này không điều chỉnh việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng tại thị trường trong nước theo quy định của Luật Chứng khoán.	Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và viện dẫn văn bản theo quy định tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.
3	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp.	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp.	Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

4	Điều 3. Áp dụng quy định pháp luật liên quan 1. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng và xổ số ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này, phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. 2. Doanh nghiệp dự án PPP chào bán trái phiếu ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này, phải thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. 3. Đối với doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý	Điều 3. Áp dụng quy định pháp luật liên quan 1. <i>Doanh nghiệp phát hành trái phiếu ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này còn phải thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.</i> Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, <i>kinh doanh bất động sản, bảo hiểm</i> và xổ số <i>còn</i> phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. 2. Doanh nghiệp dự án PPP chào bán trái phiếu ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này, phải thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. 3. Đối với doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ	- Bổ sung quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật liên quan đề quy định bao quát; - Bổ sung, làm rõ những lĩnh vực áp dụng quy định riêng của pháp luật chuyên ngành. Tại dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc chung tại khoản 1 “Điều 52. Tổ chức thực hiện” về việc “<i>Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo</i>
---	--	---	---

	vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, các văn bản hướng dẫn và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp. 4. Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài việc tuân thủ theo quy định của Nghị định này, phải tuân thủ quy định về giới hạn huy động vốn, thẩm quyền huy động vốn, mục đích huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp. 5. Các hành vi vi phạm về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này của các tổ chức, cá nhân có liên quan bị xử phạt theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán, thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.	nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh và các văn bản hướng dẫn. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp. 4. Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài việc tuân thủ theo quy định của Nghị định này, phải tuân thủ quy định về <i>nguyên tắc</i> huy động vốn, thẩm quyền huy động vốn, mục đích huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp.	<i>các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó</i>", không quy định nội dung này tại từng nội dung cụ thể. Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 (có hiệu lực từ 01/8/2025), theo đó Luật này quy định về nguyên tắc huy động vốn (Điều 19), không có quy định về giới hạn huy động vốn. Chuyển quy định tại khoản 1 Điều 48. Xử lý vi phạm - Chương VII về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp tại Nghị định
5	Điều 4. Giải thích từ ngữ Ngoài các từ ngữ quy định tại Luật	Điều 4. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây	Nghị định hướng dẫn Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp; sử dụng từ ngữ của

Chứng khoán số 54/2019/QH14, trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. “Trái phiếu doanh nghiệp” là loại chứng khoán có kỳ hạn từ 01 năm trở lên do doanh nghiệp phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần nợ của doanh nghiệp phát hành. 2. “Trái phiếu doanh nghiệp xanh” là trái phiếu doanh nghiệp được phát hành để đầu tư cho dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường. 3. “Trái phiếu chuyển đổi” là loại hình trái phiếu do công ty cổ phần phát hành, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của chính doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu. 4. “Trái phiếu có bảo đảm” là loại hình trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần lãi, gốc bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài	được hiểu như sau: 1. <i>Trái phiếu doanh nghiệp</i> là loại chứng khoán có kỳ hạn từ 01 năm trở lên do doanh nghiệp phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần nợ của doanh nghiệp phát hành. 2. <i>Trái phiếu doanh nghiệp xanh</i> là trái phiếu doanh nghiệp được phát hành để huy động vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường. 3. <i>Trái phiếu chuyển đổi</i> là loại hình trái phiếu do công ty cổ phần phát hành, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của chính doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu. 4. <i>Trái phiếu có bảo đảm</i> là loại hình trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần lãi, gốc bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật.	nhiều pháp luật liên quan (pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật tín dụng, pháp luật bảo vệ môi trường...) nên việc quy định “<i>ngoài các từ ngữ quy định tại Luật chứng khoán...</i>” không đảm bảo tính đầy đủ. Việc quy định giải thích các từ ngữ trong Nghị định này đã đảm bảo đầy đủ, phù hợp. Quy định để đảm bảo phù hợp với quy định về trái phiếu xanh tại khoản 1 Điều 150 Luật Bảo vệ môi trường 2020. Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.
---	--	---

chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật.³

5. “Trái phiếu kèm chứng quyền” là loại hình trái phiếu được công ty cổ phần phát hành kèm theo chứng quyền, cho phép người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông của doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.

6. “Tổ chức kiểm toán đủ điều kiện” là tổ chức được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập đối với doanh nghiệp phát hành là công ty không phải là công ty đại chúng; là tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đối với doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

~~7. “Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu” là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức là thành viên lưu ký của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện dịch vụ đăng ký,~~

5. *Trái phiếu kèm chứng quyền* là loại hình trái phiếu được công ty cổ phần phát hành kèm theo chứng quyền, cho phép người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông của doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.

6. *Tổ chức kiểm toán đủ điều kiện* là tổ chức được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập đối với doanh nghiệp phát hành là công ty không phải là công ty đại chúng; là tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Chứng khoán đối với doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

³ Khoản này được SĐ, BS tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP

⁴ Khoản này bị bãi bỏ theo Điều 2 Nghị định 65/2022/NĐ-CP

lưu ký trái phiếu doanh nghiệp.

8. “Hoán đổi trái phiếu” là việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu để hoán đổi cho trái phiếu đang lưu hành của chính doanh nghiệp đó tại cùng một thời điểm để cơ cấu lại danh mục nợ.

9. “Mua lại trái phiếu trước hạn” là việc doanh nghiệp mua lại trái phiếu đã phát hành của chính doanh nghiệp trước ngày đáo hạn.

10. “Ngày phát hành trái phiếu” là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp phát hành đối với trái phiếu. Trái phiếu trong một đợt chào bán có cùng ngày phát hành.

11. “Ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu” là ngày doanh nghiệp phát hành hoàn thành việc phân phối trái phiếu và thu tiền mua trái phiếu từ các nhà đầu tư.

7. *Hoán đổi trái phiếu* là việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu để hoán đổi cho trái phiếu đang lưu hành của chính doanh nghiệp đó tại cùng một thời điểm để cơ cấu lại danh mục nợ.

8. *Mua lại trái phiếu trước hạn* là việc doanh nghiệp mua lại trái phiếu đã phát hành của chính doanh nghiệp trước ngày đáo hạn.

9. *Ngày bắt đầu đợt chào bán* là ngày bắt đầu việc thu tiền mua trái phiếu được chào bán từ các nhà đầu tư.

10. *Ngày kết thúc đợt chào bán* là ngày doanh nghiệp phát hành hoàn thành việc phân phối trái phiếu và kết thúc việc thu tiền mua trái phiếu được chào bán từ các nhà đầu tư. Ngày kết thúc đợt chào bán là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp phát hành đối với trái phiếu được chào bán.

13. *Hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ* là hệ thống giao dịch cho trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ do Sở giao dịch chứng khoán tổ chức, vận hành.

Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

Quy định các khái niệm về “*ngày bắt đầu đợt chào bán*” và “*ngày kết thúc đợt chào bán*” để làm căn cứ xác định các quyền, nghĩa vụ phát sinh đối với các chủ thể tham gia vào hoạt động phát hành TPDN.

- Nội hàm của khái niệm “*ngày phát hành trái phiếu*” tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP được quy định tại khái niệm “*ngày bắt đầu đợt chào bán*”;

- Nội hàm của khái niệm “*ngày hoàn thành đợt chào bán*” tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP được quy định tại khái niệm “*ngày kết thúc đợt chào bán*”. Việc quy định bảo đảm rõ ràng và tương đồng với Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Nghị định quy định bổ sung một số nội dung về đăng ký, lưu ký và giao dịch trái phiếu, trong đó có các quy định liên quan đến hệ thống giao dịch trái phiếu

			doanh nghiệp riêng lẻ nên cần thiết phải bổ sung quy định về khái niệm này.
6	Điều 5. Nguyên tắc phát hành và sử dụng trái phiếu 1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ. “2. Mục đích phát hành trái phiếu là để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, cơ cấu lại nợ của chính doanh nghiệp hoặc mục đích phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Doanh nghiệp phải nêu cụ thể mục đích phát hành tại phương án phát hành theo quy định tại Điều 13 Nghị định này và công bố thông tin cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu. Việc sử dụng vốn huy động từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp phải đảm bảo đúng mục đích theo phương án phát hành và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư.”⁵	Điều 5. Nguyên tắc phát hành và sử dụng trái phiếu 1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ, <i>chịu trách nhiệm đối với mọi tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc phát hành, sử dụng vốn, trả nợ gốc, lãi trái phiếu.</i> 2. Mục đích phát hành trái phiếu <i>doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước</i> là để <i>thực hiện các dự án đầu tư</i> theo quy định của pháp luật đầu tư, cơ cấu lại nợ của chính doanh nghiệp hoặc mục đích phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Doanh nghiệp phải nêu cụ thể mục đích phát hành tại phương án phát hành theo quy định tại Điều 11 Nghị định này và công bố thông tin cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu. Doanh nghiệp phải sử dụng vốn huy động từ phát hành trái phiếu phải đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu được cấp có thẩm quyền thông qua và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư. Nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được doanh nghiệp theo dõi riêng, đảm bảo	Bổ sung quy định doanh nghiệp “<i>chịu trách nhiệm đối với mọi tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc phát hành, sử dụng vốn, trả nợ gốc, lãi trái phiếu</i>” để đảm bảo quy định nguyên tắc phát hành rõ ràng, đầy đủ về trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành để doanh nghiệp và nhà đầu tư nắm rõ. - Làm rõ nội dung quy định về mục đích phát hành chỉ áp dụng đối với việc phát hành tại thị trường trong nước. Việc phát hành trái phiếu ra quốc tế thì tuân thủ quy định tại thị trường phát hành. - Làm rõ mục đích phát hành để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, đảm bảo rõ ràng khi áp dụng. - Làm rõ chủ thể phải tuân thủ việc sử dụng vốn từ trái phiếu của doanh nghiệp phải đúng theo mục đích phát hành và phương án sử dụng vốn đã được cấp có thẩm quyền thông qua. - Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định rõ nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được doanh nghiệp theo dõi riêng, đảm bảo sử dụng vốn và quản lý

⁵ Khoản này được SĐ, BS theo Khoản 2 Điều 1 NĐ 65/2022/NĐ-CP

sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng vốn đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận và nội dung công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư.

việc sử dụng vốn đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận và nội dung công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư. Quy định này giúp minh bạch nguồn tiền thu được từ đợt chào bán với các nguồn tiền khác của doanh nghiệp, vừa tăng cường kỷ luật tài chính, giúp doanh nghiệp thuận tiện hơn trong việc theo dõi, quản lý nguồn tiền và việc sử dụng vốn đúng mục đích phát hành, vừa củng cố niềm tin của nhà đầu tư doanh nghiệp phát hành, góp phần nâng cao tính minh bạch và an toàn của thị trường.

Nội dung quy định trái phiếu xanh phải được “hạch toán riêng” là quy định liên quan đến hoạt động kế toán của doanh nghiệp; không phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Nghị định về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp.

Nghị định số 153/2020/NĐ-CP chưa quy định việc doanh nghiệp được thay đổi phương án sử dụng vốn, dẫn đến vướng mắc trong thực tiễn khi doanh nghiệp có nhu cầu điều chỉnh nhằm tối ưu dòng tiền, bảo đảm quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư và phục vụ hoạt động sản xuất,

3. Đối với phát hành trái phiếu xanh, ngoài các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được hạch toán, quản lý theo dõi riêng và giải ngân cho các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo phương án phát hành đã được phê duyệt.

“4. Đối với trái phiếu đã phát hành tại thị trường trong nước, doanh nghiệp chỉ được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu quy định tại Điều 6 Nghị định này khi đáp ứng các quy định sau:
a) Được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phát hành thông qua;

3. Đối với phát hành trái phiếu xanh, ngoài các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được theo dõi, sử dụng cho các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và phương án phát hành đã được phê duyệt.

4. Đối với trái phiếu phát hành tại thị trường trong nước, doanh nghiệp chỉ được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu, thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán khi đáp ứng các quy định sau:

a) Được cấp có thẩm quyền của doanh

	b) Được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận; 5. Thông tin về việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu phải được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.”⁶	ng nghiệp phát hành thông qua; b) Được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.	kinh doanh. Để tối ưu hóa dòng vốn cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động hơn trong việc sử dụng vốn, Nghị định bổ sung quy định doanh nghiệp được thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán khi cần thiết nhưng vẫn đảm bảo sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp và người sở hữu trái phiếu.
7.	Điều 6. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu 1. Kỳ hạn trái phiếu: do doanh nghiệp phát hành quyết định đối với từng đợt chào bán căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp.	5. Đối với người sở hữu trái phiếu không chấp thuận thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đàm phán để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Trường hợp có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận phương án đàm phán thì doanh nghiệp phát hành phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư (kể cả trường hợp việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu trở lên chấp thuận). Điều 6. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu 1. Kỳ hạn trái phiếu: do doanh nghiệp phát hành quyết định đối với từng đợt chào bán căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp.	Nội dung này được kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

⁶ Khoản 4, 5 được BS theo khoản 3 Điều 1 NĐ 65/2022/NĐ-CP

2. Khối lượng phát hành: do doanh nghiệp phát hành quyết định đối với từng đợt chào bán căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp.

3. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu

a) Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, đồng tiền phát hành, thanh toán lãi, gốc trái phiếu là đồng Việt Nam.

b) Đối với trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, đồng tiền phát hành, thanh toán lãi, gốc trái phiếu là ngoại tệ theo quy định tại thị trường phát hành và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

4. Mệnh giá trái phiếu

a) Trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, mệnh giá là một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam hoặc bội số của một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam.⁷

b) Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, mệnh giá thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành.

2. Giá trị phát hành: do doanh nghiệp phát hành quyết định đối với từng đợt chào bán căn cứ vào mục đích, nhu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp, tuân thủ quy định của Nghị định này và pháp luật liên quan.

3. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu

a) Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, đồng tiền phát hành, thanh toán lãi, gốc trái phiếu là đồng Việt Nam.

b) Đối với trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, đồng tiền phát hành, thanh toán lãi, gốc trái phiếu là ngoại tệ theo quy định tại thị trường phát hành và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

4. Mệnh giá trái phiếu

a) Trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, mệnh giá là một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam hoặc bội số của một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam.

b) Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, mệnh giá thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành.

5. Hình thức trái phiếu

- Bổ sung nội dung giá trị phát hành căn cứ vào mục đích phát hành theo kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Kết luận số 276/KL-TTCP ngày 05/8/2025;

- Bổ sung nội dung “*tuân thủ quy định...của pháp luật liên quan*” do Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 đã quy định về điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp. Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

⁷ Điểm này được SD, BS theo Khoản 4 Điều 1 NĐ 65/2022/NĐ-CP

5. Hình thức trái phiếu

a) Trái phiếu được chào bán dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.

b) Doanh nghiệp phát hành quyết định cụ thể hình thức trái phiếu đối với mỗi đợt chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.

6. Lãi suất danh nghĩa trái phiếu

a) Lãi suất danh nghĩa trái phiếu có thể xác định theo một trong các phương thức: lãi suất cố định cho cả kỳ hạn trái phiếu; lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi.

b) Trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi, doanh nghiệp phát hành phải nêu cụ thể cơ sở tham chiếu để xác định lãi suất danh nghĩa tại phương án phát hành và công bố thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu về cơ sở tham chiếu được sử dụng.

c) Doanh nghiệp phát hành quyết định lãi suất danh nghĩa cho từng đợt chào bán phù hợp với tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ. Lãi suất trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành ngoài việc tuân thủ quy định tại Nghị định này phải phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt

a) Trái phiếu được chào bán dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.

b) Doanh nghiệp phát hành quyết định cụ thể hình thức trái phiếu đối với mỗi đợt chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.

6. Lãi suất danh nghĩa trái phiếu

a) Lãi suất danh nghĩa trái phiếu có thể xác định theo một trong các phương thức: lãi suất cố định cho cả kỳ hạn trái phiếu; lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi.

b) Trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi, doanh nghiệp phát hành phải nêu cụ thể cơ sở tham chiếu để xác định lãi suất danh nghĩa tại phương án phát hành và công bố thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

c) Doanh nghiệp phát hành quyết định lãi suất danh nghĩa cho từng đợt chào bán phù hợp với tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ. Lãi suất trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành ngoài việc tuân thủ quy định tại Nghị định này phải phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Sửa để tránh lặp ý trong cùng một nội dung.

	Nam. 7. Loại hình trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định theo quy định của pháp luật. 8. Phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn và thông lệ thị trường phát hành để công bố cho nhà đầu tư trước khi chào bán trái phiếu.	7. Loại hình trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định theo quy định của pháp luật. 8. Phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn và thông lệ thị trường phát hành để công bố cho nhà đầu tư trước khi chào bán trái phiếu.	
8	Điều 7. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu⁸	Điều 13. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu	- Chuyển quy định tại Chương II - Chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước (Điều 13) để đảm bảo rõ ràng khi áp dụng. Các nội dung quy định cụ thể chỉ phù hợp áp dụng cho thị trường trong nước; việc mua lại trái phiếu khi phát hành ra quốc tế áp dụng theo quy định tại thị trường phát hành.
	1. Doanh nghiệp phát hành được mua lại trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu. Riêng đối với mua lại trước hạn trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, khi thực hiện phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trái phiếu bị hủy bỏ sau khi được mua lại.	1. Doanh nghiệp phát hành được mua lại trước hạn theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Trái phiếu bị hủy bỏ sau khi được mua lại.	- Chuyển nội dung về trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế tại Chương II
	2. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu là cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án mua lại	2. Cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu là cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án mua lại trái phiếu trước hạn	Sửa để thống nhất từ ngữ trong cùng một nội dung.

⁸ Điều này được SD, BS theo Khoản 5 Điều 1 NĐ 65

	trái phiếu trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu, ngoại trừ trường hợp bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.	hoặc hoán đổi trái phiếu, ngoại trừ trường hợp bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.	
	3. Các trường hợp mua lại trái phiếu trước hạn bao gồm: a) Mua lại trước hạn theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp phát hành và người sở hữu trái phiếu. b) Bắt buộc mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư khi: - Doanh nghiệp phát hành vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. - Doanh nghiệp phát hành vi phạm phương án phát hành trái phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. - Các trường hợp khác được nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu quy định tại Điều 13 Nghị định này (nếu	3. Các trường hợp mua lại trái phiếu trước hạn bao gồm: a) Mua lại trước hạn theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp phát hành và người sở hữu trái phiếu hoặc các trường hợp khác được nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu quy định tại Điều 11 Nghị định này (nếu có); b) Bắt buộc mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư khi: - Doanh nghiệp phát hành vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. - Doanh nghiệp phát hành vi phạm phương án phát hành trái phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. - Các trường hợp khác được nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu (nếu có).	Bổ sung quy định mua lại trong trường hợp được nêu cụ thể tại phương án phát hành để đảm bảo tính đầy đủ.

	có). 4. Quy định tại điểm b khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp trái phiếu bị thu hồi theo quyết định của cấp có thẩm quyền.	4. Quy định tại điểm b khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp trái phiếu bị thu hồi theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	
9	Không quy định	Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo 1. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu báo cáo. Tổ chức, cá nhân tham gia xác nhận hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo đó. Hồ sơ, tài liệu báo cáo phải bảo đảm thông tin rõ ràng, không gây hiểu nhầm và có đầy đủ những nội dung quan trọng ảnh hưởng đến quyết định của cơ quan, tổ chức và nhà đầu tư. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ trên cơ sở hồ	Bổ sung mới Điều 8 quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu, báo cáo, phù hợp với các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15) để phân định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia lập, xác nhận hồ sơ, báo cáo liên quan đến hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ; trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (tổ chức tư vấn hồ sơ, đại lý phát hành, tổ chức xếp hạng tín nhiệm, tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đủ điều kiện, người ký báo cáo kiểm toán, soát xét).

sơ được cung cấp; không chịu trách nhiệm về những vi phạm của tổ chức, cá nhân xảy ra trước và sau khi nộp hồ sơ hợp lệ. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ, tài liệu báo cáo có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức tư vấn hồ sơ thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành và có trách nhiệm sau:

a) Trung thực, cẩn trọng và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động tư vấn hồ sơ;

b) Có trách nhiệm rà soát, kiểm tra các thông tin trong hồ sơ, bảo đảm việc phân tích, đánh giá được thực hiện hợp lý và cẩn trọng trên cơ sở các thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi tư vấn liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo.

4. Tổ chức đại lý phát hành thực hiện phân phối theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành và có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động phân phối trái phiếu.

5. Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đủ điều kiện, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập; tuân thủ chuẩn mực kiểm toán khi kiểm toán báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm đối với ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các báo

	cáo, số liệu được kiểm toán; tuân thủ chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ đảm bảo. 6. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm, doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm, doanh nghiệp thẩm định giá, người ký báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm, người lý chứng thư thẩm định giá có trách nhiệm: a) Bảo đảm độc lập, khách quan, trung thực, minh bạch khi cung cấp dịch vụ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi cung cấp dịch vụ; b) Bảo đảm việc phân tích, nhận định, đưa ra đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm, kết quả thẩm định giá được thực hiện hợp lý và cân trọng trên cơ sở thu thập thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp và trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật về xếp hạng tín nhiệm, thẩm định giá, pháp luật có liên quan và quy định tại Nghị định này. 7. Việc nộp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này được thực hiện thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia. Khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định này thì	Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và phù hợp với chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dự thảo Nghị định bổ sung các quy định nhằm chuẩn hóa phương thức nộp hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng điện tử, đồng bộ với pháp luật về thủ tục hành chính và định danh điện tử. Dự thảo Nghị định kế thừa 02 thủ tục hành chính đang được quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, bao gồm: (i) thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ; (ii) thủ tục thông báo chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của các đối tượng trên. Hai thủ tục này được đánh giá là cần thiết, không phát sinh thêm nguồn lực thi hành, do đó không thuộc diện cắt giảm, đơn giản hóa. Để đồng bộ với pháp luật về cải cách thủ tục hành chính và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục thuận lợi hơn, dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại khoản 6 Điều 8.
--	--	--

		thông tin về danh tính điện tử, thông tin tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử có giá trị chứng minh tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính.	
	Chương II. Chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước	Chương II. Chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước	
	Mục 1. Chào bán trái phiếu	Mục 1. Nguyên tắc chung	
10	Điều 8. Nhà đầu tư mua trái phiếu⁹ 1. Đối tượng mua trái phiếu a) Đối với trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền: đối tượng mua trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán. b) Đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền: đối tượng mua trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược, trong đó số lượng nhà đầu tư chiến lược phải đảm bảo dưới 100 nhà đầu tư. c) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là nhà đầu tư có năng lực tài chính hoặc có trình độ chuyên môn về chứng khoán theo quy định tại Điều 11	Điều 9. Nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu 1. Đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu: a) Đối với trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền: đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; b) Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền: đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược; c) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số	Tại Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 đã sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng NĐT chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng TPDN riêng lẻ. Theo đó: Luật Doanh nghiệp ¹⁰ quy định <i>NĐT chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng TPDN riêng lẻ theo pháp luật chứng khoán</i> . Luật Chứng khoán ¹¹ quy định NĐT chuyên nghiệp là tổ chức được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng các loại TPDN riêng lẻ; NĐT chuyên nghiệp là cá nhân chỉ được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng TPDN riêng lẻ đối với trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm (XHTN) và tài sản đảm bảo hoặc có XHTN và bảo lãnh thanh toán đối với

⁹ Điều này được SD, BS theo Khoản 6 Điều 1 ND 65

¹⁰ Khoản 2 Điều 128 Luật Doanh nghiệp, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a Khoản 19 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15

¹¹ Khoản 1a, 1b Điều 11 Luật Chứng khoán, được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật theo Luật số 56/2024/QH15

Luật Chứng khoán. Tổ chức có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và tài liệu xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của <u>Luật Chứng khoán</u> và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP), ngoại trừ việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp quy định tại điểm d khoản này.	56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại điểm a và điểm b khoản này; d) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng	trái phiếu đó. Riêng đối với đối tượng là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán¹², khi thực chào bán <i>trái phiếu chuyển đổi</i> riêng lẻ thì đối tượng tham gia áp dụng như đối với chào bán cổ phiếu riêng lẻ bao gồm NĐT chiến lược, NĐT chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức và cá nhân. Đề bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp về đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với từng loại trái phiếu, tại dự thảo Nghị định đã quy định: - Đối với công ty chưa đại chúng (theo Luật doanh nghiệp) không phân biệt loại TPDN phát hành riêng lẻ là trái phiếu thường, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, khi chào bán riêng lẻ cho NĐT chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân thì phải có XHTN và có tài sản đảm bảo/có bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc, lãi đối với trái phiếu đó theo đúng quy định tại khoản 1a, 1b Điều 11 Luật Chứng khoán được bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15. - Đối với công ty đại chúng, công ty
---	--	--

¹² Điều 31 Luật Chứng khoán về chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15

9	d) Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán để mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải đảm bảo danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch do nhà đầu tư	khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong trường hợp trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm và có tài sản đảm bảo hoặc trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm và có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1b Điều 11 Luật Chứng khoán được bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15. Tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán phải bảo đảm thanh toán toàn bộ lãi, gốc của trái phiếu. Tài sản bảo đảm không bao gồm cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, phần vốn góp của chính doanh nghiệp phát hành; đ) Nhà đầu tư chiến lược tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại điểm b khoản này là nhà đầu tư do Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm. Số lượng nhà đầu tư chiến lược tham gia một đợt chào bán không quá 100 nhà đầu tư chiến lược. 2. Việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện như sau: a) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31	chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (theo Luật Chứng khoán), NĐT chuyên nghiệp là cá nhân tham gia, giao dịch, chuyển nhượng TPDN chuyển đổi riêng lẻ áp dụng như đối với chào bán cổ phiếu riêng lẻ (không bắt buộc phải có XHTN và có tài sản đảm bảo/có bảo lãnh thanh toán đối với trái phiếu) theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15; khi phát hành trái phiếu thường, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ cho NĐT cá nhân thì phải có XHTN và có tài sản đảm bảo/bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc, lãi đối với trái phiếu đó theo quy định tại khoản 1a, 1b Điều 11 Luật Chứng khoán được bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15. - Đối với việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân, kê thừa quy định sửa đổi tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi bởi Nghị định số 65/2022/NĐ-CP).
---	---	--	---

nắm giữ có giá trị tối thiểu 02 tỷ đồng được xác định bằng giá trị thị trường bình quân theo ngày của danh mục chứng khoán trong thời gian tối thiểu 180 ngày liền kề trước ngày xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, không bao gồm giá trị vay giao dịch ký quỹ và giá trị chứng khoán thực hiện giao dịch mua bán lại. Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại điểm này có giá trị trong vòng 03 tháng kể từ ngày được xác nhận.¹³

tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, ngoại trừ quy định tại điểm b khoản này;

b) Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán để mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải đảm bảo danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch do nhà đầu tư nắm giữ có giá trị tối thiểu 02 tỷ đồng được xác định bằng giá trị thị trường bình quân theo ngày của danh mục chứng khoán trong thời gian tối thiểu 180 ngày liền kề trước ngày xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, không bao gồm giá trị vay giao dịch ký quỹ và giá trị chứng khoán thực hiện giao dịch mua bán lại. Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại điểm này có giá trị trong vòng 03 tháng kể từ ngày được xác nhận.

3. Tổ chức có trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu.

a) Tổ chức có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và tài liệu xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số

¹³ Điểm này ngưng hiệu lực thi hành đến hết 31/12/2023 theo K1 Điều 3 NĐ 08/2023/NĐ-CP

155/2020/NĐ-CP;

b) Doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chiến lược căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của doanh nghiệp phát hành về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định của pháp luật chứng khoán;

c) Tổ chức xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu có trách nhiệm ký xác nhận vào văn bản xác nhận của nhà đầu tư trước khi mua trái phiếu theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu.

2. Trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu

a) Tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành; hiểu rõ điều kiện, điều khoản trái phiếu và các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành trước khi quyết định mua và giao dịch trái phiếu.

b) Hiểu rõ về các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư, giao dịch trái phiếu; hiểu rõ và đảm bảo tuân thủ quy định về đối tượng nhà đầu tư, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.

4. Trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu

a) Tiếp cận đầy đủ hồ sơ chào bán trái phiếu, nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành; hiểu rõ điều kiện, điều khoản trái phiếu và các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành trước khi quyết định mua và giao dịch trái phiếu;

b) Hiểu rõ về các rủi ro phát sinh trong việc mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu; hiểu rõ và tuân thủ quy định về đối tượng nhà đầu tư mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quy định tại

Nội dung này kế thừa quy định tại Điều 34 Chương II Nghị định số 153/2020/NĐ-CP (có điều chỉnh một số câu chữ). Tuy nhiên, về mặt kết cấu, không quy định riêng thành Điều như tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP mà chuyển quy định tại Điều về nhà đầu tư mua, giao dịch và chuyển nhượng trái phiếu để đảm bảo tính tổng hợp, thống nhất, dễ tiếp cận khi áp dụng.

c) Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch trái phiếu. Nhà nước không đảm bảo việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và các quyền khác cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

d) Trước khi mua trái phiếu (cả trên thị trường sơ cấp và thứ cấp), nhà đầu tư phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này và tự chịu trách nhiệm đối với quyết định mua trái phiếu của mình sau khi ký văn bản xác nhận này. Văn bản xác nhận thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này và phải được lưu trữ tại hồ sơ chào bán khi phát hành trái phiếu hoặc tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định tại Điều 16 Nghị định này; không được bán hoặc cùng góp vốn đầu tư trái phiếu với nhà đầu tư không phải là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dưới mọi hình thức. Việc huy động vốn và mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng,

Nghị định này;

c) Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch trái phiếu. Nhà nước không bảo đảm việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và các quyền khác cho nhà đầu tư mua trái phiếu;

d) Trước khi mua trái phiếu (cả trên thị trường sơ cấp và thứ cấp), nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b, c khoản này và tự chịu trách nhiệm về quyết định mua trái phiếu của mình sau khi ký văn bản xác nhận. Văn bản xác nhận theo mẫu quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này phải được lưu trữ tại hồ sơ chào bán trái phiếu hoặc tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định tại Điều 22 Nghị định này; không được bán hoặc cùng góp vốn đầu tư trái phiếu dưới mọi hình thức với nhà đầu tư không thuộc đối tượng được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quy định tại Nghị định này. Việc mua, giao

chi nhánh ngân hàng nước ngoài và công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

e) Khi bán trái phiếu trên thị trường thứ cấp phải cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

3. Quyền lợi của nhà đầu tư mua trái phiếu

a) Được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định này; được quyền tiếp cận hồ sơ chào bán trái phiếu khi có yêu cầu.

b) Được doanh nghiệp phát hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn, thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu và các thỏa thuận với doanh nghiệp phát hành.

c) Được yêu cầu doanh nghiệp phát hành mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

e) Trường hợp bán trái phiếu trên thị trường thứ cấp, người bán trái phiếu phải cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu;

g) Sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt khi thực hiện mua, bán, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

5. Quyền lợi của nhà đầu tư mua trái phiếu

a) Được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin đầy đủ, cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định này;

b) Được doanh nghiệp phát hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn, thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu và các thỏa thuận với doanh nghiệp phát hành;

c) Được yêu cầu doanh nghiệp phát hành mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này;

d) Được yêu cầu người bán trái phiếu cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại

Bổ sung quy định để bảo đảm tiền mua, bán, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp của nhà đầu tư có bằng chứng, kiểm soát được.

Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, có bổ sung quy định về việc nhà đầu tư khi mua trái phiếu được quyền cung cấp đầy đủ hồ sơ chào bán trái phiếu để đảm bảo tiếp cận đầy đủ thông tin về trái phiếu khi quyết định đầu tư.

d) Được yêu cầu người bán trái phiếu cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị định này khi mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp.

4. Trường hợp nhà đầu tư vi phạm quy định của pháp luật sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc xử lý hình sự tùy theo tính chất và mức độ vi phạm.

Chưa quy định.

Nghị định này khi mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp.

Điều 10. Việc mở và sử dụng tài khoản phong tỏa

1. Doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải mở 01 tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng phải lựa chọn một ngân hàng khác hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài để mở tài khoản phong tỏa.

Doanh nghiệp phát hành không được sử dụng tiền trong tài khoản phong tỏa dưới bất cứ hình thức nào cho đến khi kết thúc đợt chào bán, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán từ Ủy

Chuyên quy định tại Chương VII. Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại

Nội dung này kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP liên quan đến việc chào bán TPDN chuyển đổi, kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Tuy nhiên kết cấu riêng thành 01 điều để dễ theo dõi, áp dụng.

		ban Chứng khoán Nhà nước. 2. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi tài khoản phong tỏa được mở không phải là người có liên quan của doanh nghiệp phát hành. Tài khoản phong tỏa không được trùng với tài khoản thanh toán của doanh nghiệp phát hành.	
		Mục 2: Chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	- Nghị định chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp là văn bản quy định chi tiết 02 luật là Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán và tại Luật doanh nghiệp (Điều 128, 129, 130) và Luật chứng khoán (Điều 30, Điều 31) đều đã có các quy định xác định nguyên tắc về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, về điều kiện, đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu... Do đó, Nghị định quy định tách biệt theo nhóm đối tượng phát hành TPDN riêng lẻ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Chứng khoán (công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán) và các doanh nghiệp phát hành khác thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp để bảo đảm rõ ràng trong quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật; đồng thời thuận lợi cho công tác quản lý, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức; phù hợp với quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp

			dụng của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp; đảm bảo nguyên tắc xây dựng văn bản tại Điều 5 Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật “<i>Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật</i>”. - Chương II của Nghị định được kết cấu lại theo hướng tách bạch nội dung về điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chào bán TPDN riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng và đối tượng là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
11	Điều 9. Điều kiện chào bán trái phiếu 1. Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền (không bao gồm việc chào bán trái phiếu của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng), doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam. b) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có); trừ trường hợp chào bán trái	Điều 14. Điều kiện chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán 1. Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền: a) Doanh nghiệp là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; b) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành và đến hạn thanh toán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có); trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn; c) Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ	Nội dung này kế thừa nội dung tại Điều 10 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, bổ sung thêm quy định về tỷ lệ nợ trên vốn chủ theo quy định tại điểm c1 khoản 3 Điều 128 Luật Doanh nghiệp.

phiếu cho chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn. c) Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành. d) Có phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 13 Nghị định này. đ) Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này. e) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định này. 2. Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng: doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này. 3. Đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền: a) Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần. b) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này.	bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành; d) Có nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành theo báo cáo tài chính năm quy định tại điểm e khoản này, ngoại trừ tổ chức phát hành là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, chỉ tiêu nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành), vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát; đ) Có phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 14 Nghị định này; e) Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này; g) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị	
---	--	--

c) Đáp ứng các điều kiện chào bán quy định tại điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này. d) Các đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải cách nhau ít nhất 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán gần nhất. đ) Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.	định này. 2. Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền: a) Doanh nghiệp là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; b) Đáp ứng điều kiện chào bán quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này; c) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định này (đối với trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định này (đối với trái phiếu kèm chứng quyền).	
	Điều 17. Điều kiện chào bán trái phiếu của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán 1. Điều kiện chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán. 2. Điều kiện chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật Chứng khoán. 3. Điều kiện chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty	Dẫn chiếu điều kiện chào bán của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định tại Luật số 56/2024/QH15.

		quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán; b) Các đợt chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ phải cách nhau ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành riêng lẻ gần nhất, bao gồm: chào bán cổ phiếu riêng lẻ; chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ; chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ; chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng; phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ.	
12	Điều 10. Điều kiện chào bán trái phiếu thành nhiều đợt 1. Doanh nghiệp chào bán trái phiếu thành nhiều đợt phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Các điều kiện chào bán quy định tại Điều 9 Nghị định này; b) Có nhu cầu huy động vốn thành nhiều đợt phù hợp với mục đích phát hành trái phiếu được phê duyệt theo	¹⁵3. Đối với chào bán trái phiếu thành nhiều đợt, tổ chức tín dụng còn phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Có nhu cầu huy động vốn thành nhiều đợt phù hợp với mục đích phát hành trái phiếu được phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Nghị định này; b) Có phương án phát hành trái phiếu trong đó dự kiến cụ thể về giá trị, thời điểm và kế hoạch sử dụng vốn của từng đợt chào	- Điều 10 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP hiện cho phép doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ thành nhiều đợt khi có nhu cầu huy động vốn theo tiến độ sử dụng vốn. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai, việc chia nhỏ đợt phát hành dẫn đến tình trạng kéo dài thời gian phân phối, gây rủi ro trong minh bạch thông tin, theo dõi mục đích sử dụng vốn và giám sát tình trạng tài chính của doanh

¹⁵ Điều 14. Điều kiện chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này; c) Có phương án phát hành trái phiếu trong đó dự kiến cụ thể về khối lượng, thời điểm và kế hoạch sử dụng vốn của từng đợt chào bán. <i>2. Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.¹⁴</i>	bán; c) Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.	ngiệp. Việc phát hành nhiều đợt cũng làm tăng áp lực đối với doanh nghiệp trong công bố thông tin, quản lý dòng tiền và tuân thủ điều kiện phát hành. Trong khi đó, tổ chức tín dụng là loại hình doanh nghiệp có cơ chế quản lý, giám sát đặc thù theo pháp luật chuyên ngành, bao gồm yêu cầu về giới hạn an toàn vốn, tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động và quản lý rủi ro, đồng thời chịu sự giám sát liên tục của Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động huy động và sử dụng vốn. Do vậy, tổ chức tín dụng có năng lực và điều kiện để thực hiện phát hành trái phiếu theo nhiều đợt bảo đảm an toàn. Vì vậy, dự thảo Nghị định quy định chỉ cho phép tổ chức tín dụng phát hành TPDN theo nhiều đợt nhằm phù hợp với cơ chế quản lý, giám sát đặc thù của pháp luật về các tổ chức tín dụng; đồng thời hạn chế rủi ro khi áp dụng phương thức này đối với doanh nghiệp không có cơ chế giám sát tương đương. Quy định này góp phần bảo đảm an toàn thị trường và nâng cao trách nhiệm của tổ chức phát hành trong hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ. - Về kết cấu: do nội dung về điều kiện chào bán đã được kết cấu lại như nêu tại thuyết minh đối với Điều 9 Nghị định
--	---	--

¹⁴ SĐ, BS theo Khoản 7 Điều 1 NĐ 65; Ngưng hiệu lực đến ngày 31/12/2023 theo K2 Điều 3 NĐ 08/2023/NĐ-CP

			153/2020/NĐ-CP. Theo đó, chuyển kết cấu nội dung này tại “ Điều 14. Điều kiện chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán”.
13.	Điều 11. Quy trình chào bán trái phiếu 1. Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền của công ty đại chúng và công ty không phải là công ty đại chúng; chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty không phải là công ty đại chúng (không bao gồm công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán): a) Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này. b) Doanh nghiệp công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. c) <i>Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo các phương thức quy định tại Điều 14 Nghị định này. Doanh nghiệp phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào</i>	Điều 16. Trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán 1. Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 14 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này. 2. Doanh nghiệp phát hành phải gửi thông báo bằng văn bản về việc chào bán trái phiếu đến Sở Tài chính (nơi đăng ký doanh nghiệp) theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong phạm vi địa phương. 3. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu (ngày bắt đầu đợt chào bán), doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và gửi bản công bố thông tin trước đợt	- Chương II Nghị định kết cấu phân chia theo điều kiện, hồ sơ chào bán phân chia lần lượt theo đối tượng chào bán và theo loại trái phiếu. Theo đó, nội dung về trình tự, thủ tục chào bán được kết cấu quy định riêng tương ứng để đảm bảo rõ ràng, dễ theo dõi, áp dụng. - Tại Luật Doanh nghiệp (khoản 5 Điều 129) giao Chính phủ quy định chi tiết về loại trái phiếu, hồ sơ, trình tự, thủ tục phát hành và giao dịch trái phiếu riêng lẻ; công bố thông tin; phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế. Luật Chứng khoán (khoản 6 Điều 31) cũng giao Chính phủ quy định chi tiết việc chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Tại Nghị định, trình tự, thủ tục chào bán được quy định chi tiết hơn đối với các công việc phải thực hiện của doanh nghiệp phát hành như tự đánh giá điều kiện chào bán, quyết định phương án

*bán trái phiếu.*¹⁶

d) Doanh nghiệp phát hành thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

2. Đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng; chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

b) Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ chào bán trái phiếu quy định tại điểm a khoản này đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, doanh nghiệp công bố thông tin trước đợt chào bán và tổ chức phát hành trái phiếu theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này. Số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa

chào bán cho Sở giao dịch chứng khoán để tổng hợp, báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này. Công bố thông tin trước đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

4. Doanh nghiệp phát hành phải cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này.

5. Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo phương thức phát hành được công bố trong Bản công bố thông tin trước đợt chào bán. Doanh nghiệp phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu đợt chào bán.

6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho các nhà đầu tư đã mua trái phiếu và gửi thông báo kết quả của đợt chào bán cho Sở Tài chính (nơi đăng ký doanh nghiệp), Sở giao dịch

phát hành và lập hồ sơ chào bán trái phiếu; gửi thông báo bằng văn bản về việc chào bán và kết quả đợt chào bán đến Sở Tài chính (nơi đăng ký doanh nghiệp); gửi công bố thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua, cho Sở GDCK; cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

- Chuyển nội dung nhà đầu tư mua trái phiếu ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định để quy định trong trình tự, thủ tục chào bán đảm bảo rõ ràng khi áp dụng.

- Tại Nghị định bổ sung việc doanh nghiệp phát hành không phải công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán gửi thông báo chào bán và thông báo kết quả chào bán cho Sở Tài chính nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh để Sở Tài chính tổng hợp, theo dõi tình hình chào bán trái phiếu trên địa bàn. Quy định này làm rõ trách nhiệm của doanh nghiệp, trách nhiệm của Sở Tài chính địa phương trong hoạt động trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, giúp hoạt động chào bán trái phiếu được theo dõi đầy đủ hơn.

¹⁶ SD, BS theo Khoản 8 Điều 1 ND 65; Ngưng hiệu lực đến ngày 31/12/2023 theo K3 Điều 3 ND 08/2023/NĐ-CP

mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Việc mở và sử dụng tài khoản phong tỏa áp dụng theo quy định đối với chào bán, phát hành chứng khoán và chào mua công khai quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, doanh nghiệp báo cáo kết quả chào bán theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ báo cáo kết quả chào bán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo cho doanh nghiệp phát hành, đồng thời đăng lên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán.

đ) Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán, doanh nghiệp phát hành được giải tỏa số tiền thu được từ chào bán.

e) Doanh nghiệp phát hành thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu.

3. Doanh nghiệp thanh toán lãi, gốc trái

chứng khoán. Thông báo kết quả đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

Điều 18. Hồ sơ chào bán, trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

...

2. Trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này;

b) Doanh nghiệp phát hành phải gửi thông báo bằng văn bản về việc chào bán trái phiếu đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo mẫu tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại

phiếu và thực hiện chế độ công bố thông tin theo quy định tại Mục 3 và Mục 4 Chương II Nghị định này.	chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Việc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không hàm ý xác nhận và đảm bảo cho đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp; c) Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu (ngày bắt đầu đợt chào bán), doanh nghiệp phát hành phải gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và cho Sở giao dịch chứng khoán để tổng hợp, báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này. Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm); d) Doanh nghiệp phát hành phải cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này; đ) Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo phương thức phát hành được nêu trong Bản cung cấp thông tin trước đợt	
--	--	--

chào bán. Doanh nghiệp phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu đợt chào bán;

e) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho các nhà đầu tư đã mua trái phiếu và gửi thông báo kết quả của đợt chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo kết quả đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

Điều 20. Trình tự, thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ đăng ký chào bán theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ đăng ký chào bán tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo cho doanh nghiệp phát hành về

việc nhận được đầy đủ hồ sơ; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán.

4. Doanh nghiệp phát hành phải cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 19 Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này. Văn bản xác nhận thực hiện theo mẫu quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và phải được doanh nghiệp phát hành lưu trữ cùng hồ sơ chào bán trái phiếu.

5. Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo phương án phát hành và phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ. Số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp phát hành, Sở giao dịch chứng khoán về kết quả đợt chào bán. Báo cáo kết quả đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cho tổ chức phát hành, đồng thời gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán. Sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, doanh nghiệp phát hành được yêu cầu ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa

		chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán.	
14	Điều 12. Hồ sơ chào bán trái phiếu 1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có trách nhiệm lập hồ sơ chào bán để phục vụ cho việc chào bán, giao dịch và thanh toán lãi, gốc trái phiếu. ¹⁷2. Hồ sơ chào bán trái phiếu bao gồm các tài liệu cơ bản sau: a) Phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này; b) Tài liệu chứng minh việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán trái phiếu quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định này; c) Tài liệu công bố thông tin về đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính; d) Hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành với các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt chào bán trái phiếu, bao gồm: - Hợp đồng ký kết với tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu; - Hợp đồng ký kết với tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu phù hợp với phương thức phát hành trái phiếu quy định tại Điều 14 Nghị	Điều 15. Hồ sơ chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán 1. Phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này và Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu. 2. Tài liệu chứng minh, cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán trái phiếu quy định tại Điều 14 Nghị định này. 3. Báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán; doanh nghiệp phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty mẹ, báo cáo tài chính trong hồ sơ chào bán trái phiếu gồm báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm phát hành và báo cáo tài chính được kiểm toán của công ty mẹ năm trước liền kề năm phát hành.	Nghị định kết cấu phân chia theo điều kiện chào bán phân chia lần lượt theo đối tượng chào bán và theo loại trái phiếu. Theo đó, nội dung về hồ sơ chào bán được kết cấu quy định riêng tương ứng để đảm bảo rõ ràng, dễ theo dõi, áp dụng. Nội dung hồ sơ cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên có chỉnh sửa để phù hợp với quy định pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp: - Bỏ quy định về BCTC trong trường hợp doanh nghiệp chào bán trong 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính mà chưa có BCTC năm được kiểm toán để phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 128 (bắt buộc có BCTC năm trước liền kề năm phát hành được kiểm toán); - Bỏ quy định hồ sơ có báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ do các thông tin này đã được doanh nghiệp phát hành công bố đầy đủ trên Cbonds theo quy định của Nghị định này. Nhà đầu tư có thể dễ dàng theo dõi, rà soát;

¹⁷ Khoản 2, 3, 4 được SĐ, BS theo Khoản 9 Điều 1 NĐ 65; điểm c Khoản 2 (kết quả xếp hạng tín nhiệm) ngưng hiệu lực đến 31/12/2023 theo K3 Điều 2 NĐ 08

định này, ngoại trừ trường hợp tổ chức tín dụng bán trực tiếp cho nhà đầu tư mua trái phiếu;

- Hợp đồng ký kết với đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định của pháp luật chứng khoán (nếu có) để giám sát việc thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành. Trường hợp chào bán trái phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân, hồ sơ chào bán trái phiếu phải bao gồm hợp đồng ký kết với Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại khoản 7 Điều 14 Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán;

- Hợp đồng ký kết với đại lý quản lý tài sản bảo đảm đối với trái phiếu có bảo đảm (nếu có);

- Hợp đồng ký kết với các tổ chức khác liên quan đến đợt chào bán trái phiếu (nếu có).

đ) Các báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định này.

e) Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu nếu doanh nghiệp phát hành thuộc các trường hợp phải xếp hạng tín nhiệm và thời điểm áp dụng theo quy định

4. Bản cung cấp tin trước đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định này và theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành với các tổ chức cung cấp vụ liên quan đến đợt chào bán trái phiếu, bao gồm:

a) Hợp đồng ký kết với tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu; b) Hợp đồng ký kết với tổ chức đấu thầu, đại lý phát hành trái phiếu (nếu có);

c) Hợp đồng ký kết với Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định của pháp luật chứng khoán trong trường hợp trái phiếu có bảo đảm hoặc trái phiếu chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân;

d) Hợp đồng ký kết với đại lý quản lý tài sản bảo đảm đối với trái phiếu có bảo đảm (nếu có). Đại lý quản lý tài sản bảo đảm;

đ) Hợp đồng ký kết với các tổ chức khác liên quan đến đợt chào bán trái phiếu (nếu có).

6. Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong trường hợp chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân.

7. Văn bản xác nhận của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc doanh nghiệp mở tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào

- Sửa đổi quy định trong hồ sơ chào bán trái phiếu yêu cầu kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với các đợt phát hành chào bán cho nhà đầu tư chuyên nghiệp cá nhân;

- Bộ văn bản xác nhận của nhà đầu tư mua trái phiếu về việc cam kết đã tiếp cận đầy đủ thông tin, nắm rõ trách nhiệm nghĩa vụ của mình do đã đưa nội dung này vào phần quy định về trình tự, thủ tục chào bán (khoản 4 Điều 16 Nghị định);

- Bộ sung quy định về hồ sơ phải có Quyết định của HĐQT, HĐTV, chủ sở hữu doanh nghiệp thông qua hồ sơ chào bán đã đáp ứng đủ điều kiện và các thông tin, tài liệu trong hồ sơ đầy đủ, chính xác, trung thực để đảm bảo tài liệu trong hồ sơ chào bán đã có phê duyệt của cấp có thẩm quyền trước khi cung cấp cho nhà đầu tư. HĐQT, HĐTV, chủ sở hữu doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trong việc đảm bảo hồ sơ đủ điều kiện, thông tin theo quy định.

tại khoản 2 Điều 19 và khoản 3 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

g) Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu;

h) Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

i) Văn bản xác nhận của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc doanh nghiệp mở tài khoản để nhận tiền mua trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền hoặc mở tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của đợt chào bán. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là ngân hàng thương mại, phải có văn bản tự xác nhận của ngân hàng đó về việc đã nhận đủ tiền thu từ phát hành trái phiếu;

k) Đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h và điểm i khoản này hồ sơ chào bán trái phiếu còn bao gồm:

- Giấy đăng ký chào bán theo mẫu

bán.

8. Đối với trái phiếu có bảo đảm, hồ sơ chào bán trái phiếu còn phải bao gồm:

a) Đối với trường hợp bảo đảm theo phương thức bảo lãnh thanh toán: Văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định pháp luật;

b) Đối với trường hợp bảo đảm bằng tài sản: tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với tài sản được dùng để bảo đảm thanh toán trái phiếu; cam kết của bên thứ ba sở hữu tài sản bảo đảm về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu (trường hợp bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba); hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm giữa bên sở hữu tài sản bảo đảm, Đại diện người sở hữu trái phiếu, bên nhận tài sản bảo đảm khác (trường hợp Đại diện người sở hữu trái phiếu không được nhận tài sản bảo đảm) và tổ chức phát hành; hợp đồng bảo hiểm tài sản (nếu có) đối với các tài sản này; chứng thư thẩm định giá tài sản bảo đảm còn hiệu lực; văn bản xác nhận đã đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản được dùng để bảo đảm (nếu có).

9. Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

- Bản sao Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt hồ sơ chào bán trái phiếu.

- Cam kết của doanh nghiệp về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo theo quy định của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền.

l) Đối với trái phiếu có bảo đảm, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i và điểm k khoản này, hồ sơ chào bán trái phiếu phải bao gồm tài liệu về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, tài liệu định giá tài sản bảo đảm bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá và tài liệu về việc đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm, tài liệu, thông tin về thứ tự thanh toán của nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ.

m) Văn bản xác nhận của nhà đầu tư mua trái phiếu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

n) Văn bản của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu xác

10. Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua hồ sơ chào bán đã đáp ứng đủ điều kiện và các thông tin, tài liệu trong hồ sơ chào bán đã đầy đủ, hợp lệ, chính xác, trung thực.

11. Trường hợp chào bán trái phiếu thành nhiều đợt, hồ sơ chào bán còn bao gồm các tài liệu sau:

a) Tài liệu về dự án hoặc kế hoạch sử dụng vốn làm nhiều đợt;

b) Tài liệu cập nhật tình hình chào bán và sử dụng vốn thu được từ các đợt chào bán trước theo phương án phát hành trái phiếu;

c) Tài liệu cập nhật về tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành trong trường hợp đợt chào bán sau cách đợt chào bán trước từ 03 tháng trở lên và trường hợp đợt chào bán sau khác năm tài chính với đợt chào bán trước.

Điều 18. Hồ sơ chào bán, trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Hồ sơ chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Tài liệu chứng minh, cam kết đáp ứng

nhận tiền thu được từ chào bán trái phiếu đã được chuyển vào tài khoản nhận tiền mua trái phiếu của doanh nghiệp phát hành. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là ngân hàng thương mại, phải có văn bản tự xác nhận của ngân hàng đó về việc đã nhận đủ tiền thu từ phát hành trái phiếu.

o) Các văn bản khác liên quan đến đợt chào bán trái phiếu (nếu có).

3. Hồ sơ chào bán trái phiếu thành nhiều đợt ngoài các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này còn bao gồm:

a) Tài liệu về dự án hoặc kế hoạch sử dụng vốn làm nhiều đợt;

b) Cập nhật tình hình chào bán và sử dụng vốn trái phiếu từ các đợt chào bán trước theo phương án phát hành trái phiếu;

c) Cập nhật về tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành trong trường hợp đợt chào bán sau cách đợt chào bán trước từ 03 tháng trở lên và trường hợp đợt chào bán sau khác năm tài chính với đợt chào bán trước.

4. Báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành trong hồ sơ chào bán trái phiếu phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp

đầy đủ các điều kiện chào bán trái phiếu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định này;

b) Các tài liệu theo quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 15 Nghị định này.

Điều 19. Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Giấy đăng ký chào bán theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành quy định tại Điều 11 Nghị định này. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.

3. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua đối tượng được chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.

4. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán. Đối với việc chào bán của tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về đề nghị tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về các tổ chức

ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán; doanh nghiệp phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ.

a) Trường hợp doanh nghiệp chào bán trái phiếu trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm mà chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán năm trước liền kề của năm phát hành, hoặc chưa có báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm trước liền kề của năm phát hành, doanh nghiệp sử dụng báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính quý 4 của năm liền kề trước năm phát hành/báo cáo tài chính tháng gần nhất của năm phát hành. Các báo cáo tài chính phải được soát xét hoặc kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu.

b) Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty mẹ, báo cáo tài chính trong hồ sơ chào bán trái phiếu gồm báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm phát hành và báo cáo tài chính được

tín dụng. Đối với việc chào bán của tổ chức kinh doanh bảo hiểm, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính về việc tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

6. Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền.

7. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ.

8. Tài liệu quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định này đối với trái phiếu có bảo đảm.

9. Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ kèm chứng quyền trong trường hợp chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân.

10. Tài liệu khác cung cấp thông tin về đợt

	kiểm toán của công ty mẹ năm trước liền kề năm phát hành. Trường hợp trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm mà doanh nghiệp chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán năm trước liền kề của năm phát hành, hoặc chưa có báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm trước liền kề năm phát hành thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.”	chào bán cho nhà đầu tư (nếu có). 11. Tài liệu sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (nếu có).	
15	Điều 13. Phương án phát hành trái phiếu và thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành ¹⁸1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu xây dựng phương án phát hành bao gồm các nội dung cơ bản sau: a) Thông tin về doanh nghiệp phát hành (tên doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật); số tài khoản nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán; b) Mục đích phát hành trái phiếu bao gồm các thông tin cụ thể về chương trình, dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý và các rủi ro đầu tư của chương trình, dự án); khoản nợ được cơ cấu (cụ thể giá trị, kỳ hạn của	Điều 11. Phương án phát hành trái phiếu và thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành a) Mục đích phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này; b) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm các thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý của dự án, tổng vốn huy động của dự án, các rủi ro đầu tư của dự án, tình hình triển khai dự án (dự án đã hoàn thành hoặc chưa hoàn thành thủ tục đầu tư, đủ hoặc chưa đủ điều kiện huy động vốn, thời gian thực hiện dự án, dự kiến tiến độ giải ngân) và/hoặc khoản nợ được cơ cấu (trong đó nêu cụ thể về chủ nợ, giá trị, kỳ hạn, mục đích vay nợ, tiến độ dự kiến thanh toán các khoản nợ); đối với tổ chức tín dụng, phương án sử dụng vốn phải nêu rõ	- Điều 13 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP quy định phương án phát hành trái phiếu, trong đó có nội dung: thông tin về doanh nghiệp phát hành; mục đích phát hành; điều kiện, điều khoản của trái phiếu dự kiến chào bán; một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong ba năm liền kề và sự thay đổi sau khi phát hành; ý kiến kiểm toán hoặc ý kiến soát xét đối với báo cáo tài chính. Về bản chất, phương án phát hành chỉ liên quan đến điều kiện và đặc điểm của đợt chào bán. Việc đưa các thông tin nội tại của doanh nghiệp như tên công ty, trụ sở chính, ý kiến kiểm toán báo cáo tài chính vào phương án phát hành dễ dẫn đến cách hiểu rằng khi các thông tin này thay đổi thì được coi là thay đổi phương án phát hành. Do đó, dự thảo Nghị định sửa đổi theo hướng đơn giản hóa phương án

¹⁸ SĐ, BS theo K10 Điều 1 NĐ 65

khoản nợ được cơ cấu). Riêng đối với tổ chức tín dụng, mục đích phát hành trái phiếu bao gồm để tăng vốn cấp 2 hoặc để cho vay, đầu tư hoặc sử dụng cho mục đích theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Thuyết minh việc đáp ứng từng điều kiện chào bán trái phiếu quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định này;

d) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu dự kiến chào bán. Đối với chào bán trái phiếu thành nhiều đợt phải dự kiến số lượng đợt chào bán, khối lượng chào bán của từng đợt và thời điểm chào bán của từng đợt. Đối với trái phiếu có bảo đảm, phải nêu cụ thể loại tài sản bảo đảm và giá trị của tài sản bảo đảm được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá, tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, việc đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và thứ tự thanh toán của nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ.

đ) Phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đối với trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ hoặc phương pháp tính giá chuyển đổi, việc đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước

là để thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các mục đích: tăng vốn cấp 2, cho vay, đầu tư hoặc sử dụng cho mục đích theo quy định pháp luật tổ chức tín dụng.

Trường hợp chưa đến thời điểm giải ngân theo tiến độ, doanh nghiệp được sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu vào các mục đích phù hợp với ngành nghề kinh doanh theo đăng ký doanh nghiệp và phải nêu rõ kế hoạch sử dụng vốn tạm thời nhàn rỗi tại phương án phát hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thông qua;

c) Thuyết minh việc đáp ứng từng điều kiện chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan;

d) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu dự kiến chào bán. Đối với chào bán trái phiếu thành nhiều đợt, tổ chức tín dụng phải dự kiến số lượng đợt chào bán, giá trị chào bán của từng đợt và thời điểm chào bán của từng đợt. Đối với trái phiếu có tài sản bảo đảm, doanh nghiệp phát hành phải nêu cụ thể loại tài sản bảo đảm và giá trị của tài sản bảo đảm được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá, tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, việc đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và thứ tự thanh toán cho nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ;

phát hành TPDN riêng lẻ và chuyển các thông tin nội tại của doanh nghiệp sang Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư.

- Nội dung này cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP; có điều chỉnh, bổ sung nội dung, có tiếp thu kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Kết luận số 276/KL-TTCP ngày 05/8/2025, nhằm quy định rõ ràng, phù hợp và dễ áp dụng cụ thể:

- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (thay cho kế hoạch sử dụng nguồn vốn từ phát hành) phải nêu chi tiết đối với các nội dung theo từng loại mục đích phát hành; chuyển nội dung quy định về hoạch bố trí nguồn và thanh toán gốc lãi quy định trong phương án sử dụng vốn;

- Đối với phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: bổ sung phương án trả nợ vốn trong trường hợp không chuyển đổi trái phiếu, thông qua hoặc ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các điều kiện khác;

- Đối với phương án thực hiện quyền của chứng quyền: bổ sung phương án dự kiến sử dụng vốn thu được từ việc phát

ngoài theo quy định của pháp luật, các điều khoản khác);

e) Phương án thực hiện quyền của chứng quyền đối với trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền (điều kiện thực hiện quyền, thời hạn, tỷ lệ, giá hoặc phương pháp tính giá, việc đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật, các điều khoản khác);

g) Các trường hợp, điều kiện, điều khoản và cam kết của doanh nghiệp phát hành về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu;

h) Một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong 03 năm liền kề trước năm phát hành và sự thay đổi sau khi phát hành (nếu có), bao gồm:

- Vốn chủ sở hữu (nêu cụ thể vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, chênh lệch đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá...);

- Tổng số nợ phải trả gồm nợ vay ngân hàng, nợ vay từ phát hành trái phiếu và nợ phải trả khác (nêu cụ thể các khoản nợ phải trả);

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn gồm: hệ số nợ phải trả/tổng tài sản, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu;

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán gồm:

đ) Phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đối với trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ hoặc phương pháp tính giá chuyển đổi, việc đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật, việc trả nợ vốn trong trường hợp không chuyển đổi trái phiếu, thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các điều khoản khác);

e) Phương án thực hiện quyền của chứng quyền đối với trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ thực hiện quyền; giá hoặc phương pháp tính giá phát hành; việc trả nợ vốn; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài; các điều khoản khác). Trường hợp giá chuyển đổi, giá phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền thấp hơn mệnh giá, việc chuyển đổi, thực hiện quyền chỉ được thực hiện khi tổ chức phát hành có đủ thặng dư vốn cổ phần để bù đắp phần thặng dư âm phát sinh do phát hành cổ phiếu dưới mệnh giá;

g) Phương án dự kiến sử dụng vốn thu

hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền.... Việc cụ thể các nội dung, chi tiết thêm phương án giúp phương án phát hành đầy đủ, rõ ràng, nhà đầu tư dễ theo dõi, giám sát;

- Đối với nội dung về một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong 03 năm liền kề năm phát hành: chuyển nội dung này quy định tại bản công bố thông tin trước đợt chào bán;

- Đối với nội dung báo cáo tình hình phát hành và sử dụng vốn đối với trái phiếu còn dư nợ chuyển quy định tại bản công bố thông tin đợt chào bán do thông tin này của doanh nghiệp đã được công bố định kỳ trên trang Cbonds của Sở GDCK Hà Nội;

- Đối với nội dung về ý kiến kiểm toán đối với BCTC: ý kiến của đơn vị kiểm toán được nêu cụ thể tại BCTC và BCTC là thành phần trong hồ sơ chào bán, theo đó không cần thiết phải quy định là nội dung tại phương án phát hành;

- Bổ sung quy định phương án phát hành phải có biện pháp doanh nghiệp phát hành thực hiện để theo dõi, quản lý, giám sát việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu đúng mục đích theo ý kiến tại Kết luận số 276/KL-TTCT ngày 05/8/2025 của Thanh tra

hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn), hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn);

- Tổng dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu)/vốn chủ sở hữu;

- Lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế (trường hợp lỗ, nêu cụ thể lỗ trong năm tài chính và lỗ lũy kế);

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời gồm: hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản, hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu;

- Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

i) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu đã phát hành và các khoản nợ đến hạn (không bao gồm nợ trái phiếu) trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu.

k) Báo cáo về tình hình phát hành và sử dụng vốn đối với các trái phiếu còn dư nợ bao gồm các nội dung: tổng khối lượng trái phiếu đã phát hành; lãi, gốc trái phiếu đã thanh toán; dư nợ trái phiếu còn lại; tình hình sử dụng vốn trái phiếu và kế hoạch thanh toán lãi, gốc trái phiếu; các vi phạm pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền

được từ việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền;

g) Các trường hợp, điều kiện, điều khoản và cam kết của doanh nghiệp phát hành về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu;

h) Một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong 03 năm liền kề trước năm phát hành và sự thay đổi sau khi phát hành (nếu có), bao gồm:

- Vốn chủ sở hữu (nêu cụ thể vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, chênh lệch đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá...);

- Tổng số nợ phải trả gồm nợ vay ngân hàng, nợ vay từ phát hành trái phiếu và nợ phải trả khác (nêu cụ thể các khoản nợ phải trả);

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn gồm: hệ số nợ phải trả/tổng tài sản, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu;

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán gồm: hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn), hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn);

- Tổng dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu)/vốn chủ sở hữu;

- Lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế

Chính phủ;

- Bỏ nội dung về các cam kết đối với nhà đầu tư (chuyển quy định tại Bản công bố thông tin trước đợt chào bán);

- Bỏ nội dung về đăng ký, lưu ký và giao dịch trái phiếu; trách nhiệm nghĩa vụ của từng tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ do đã được quy định tại Nghị định, doanh nghiệp phải có nghĩa vụ tuân thủ nên không cần thiết phải nêu tại phương án phát hành.

trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu (nếu có);

l) Đánh giá về tình hình tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp, khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành;

m) Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính hoặc ý kiến soát xét của kiểm toán đối với báo cáo tài chính;

n) Phương thức phát hành trái phiếu;

o) Đối tượng chào bán trái phiếu: Doanh nghiệp nêu rõ đối tượng chào bán trái phiếu, đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này. Trường hợp chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân doanh nghiệp phải đáp ứng quy định về hồ sơ chào bán cho nhà đầu tư cá nhân theo quy định tại Nghị định này.

p) Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu. Trong đó nêu rõ kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhân rồi trong trường hợp giải ngân theo tiến độ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu;

q) Kế hoạch bố trí nguồn và phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu;

r) Cam kết công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành;

s) Các cam kết khác đối với nhà đầu tư

(trường hợp lỗ, nêu cụ thể lỗ trong năm tài chính và lỗ lũy kế);

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời gồm: hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản, hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu;

- Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.i) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu đã phát hành và các khoản nợ đến hạn (không bao gồm nợ trái phiếu) trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu;k) Đánh giá về tình hình tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp, khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành;

l) Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính hoặc ý kiến soát xét của kiểm toán đối với báo cáo tài chính;

m) Phương thức phát hành trái phiếu;

o) Đối tượng mua trái phiếu; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và danh sách nhà đầu tư chiến lược đối với phát hành trái phiếu chuyển đổi và phát hành trái phiếu kèm chứng quyền; tiêu chí của nhà đầu tư đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;p) Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải nêu chi tiết kế

	mua trái phiếu (nếu có); t) Điều khoản về đăng ký, lưu ký trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này; u) Điều khoản về giao dịch trái phiếu theo quy định tại Điều 16 Nghị định này; ư) Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu, trong đó nêu cụ thể tỷ lệ biểu quyết chấp thuận các vấn đề phải được người sở hữu trái phiếu thông qua nhưng không thấp hơn tỷ lệ biểu quyết tương ứng từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên; v) Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành; x) Trách nhiệm và nghĩa vụ của từng tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ liên quan đến việc phát hành trái phiếu; y) Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và danh sách nhà đầu tư chiến lược đối với phát hành trái phiếu chuyển đổi và phát hành trái phiếu kèm chứng quyền.”	hoạch trả nợ lãi, gốc trái phiếu (bao gồm chi tiết kế hoạch bố trí nguồn cho từng kỳ thanh toán lãi, gốc trái phiếu cho đến khi đáo hạn, phương thức thanh toán, số tiền thanh toán, thời gian dự kiến thanh toán, dòng tiền dự kiến thanh toán tương ứng với từng mục đích sử dụng vốn); phương án chi tiết xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp không bố trí được nguồn thanh toán lãi, gốc (trong trường hợp trái phiếu có tài sản đảm bảo); q) Biện pháp doanh nghiệp phát hành thực hiện để theo dõi, quản lý, giám sát việc sử dụng vốn thu được từ chào bán trái phiếu đúng mục đích; r) Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu, trong đó nêu cụ thể tỷ lệ biểu quyết chấp thuận các vấn đề phải được người sở hữu trái phiếu thông qua nhưng không thấp hơn tỷ lệ biểu quyết tương ứng từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên; s) Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành.	
	2. Thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành trái phiếu: a) Đối với công ty cổ phần: - Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm	2. Thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành trái phiếu: a) Đối với công ty cổ phần: - Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm	- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP; - Điều chỉnh nội dung doanh nghiệp nhà nước phải tuân thủ quy định về <i>thẩm quyền quyết định</i> huy động vốn (thay

chứng quyền riêng lẻ phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

- Phương án chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Điều lệ của công ty. Trường hợp Điều lệ của công ty không quy định khác, Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất; báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu.

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu là Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc chủ sở hữu công ty theo Điều lệ của công ty.

c) Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, phải tuân thủ quy định về giới hạn huy động vốn và thẩm quyền quyết định huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh

chứng quyền riêng lẻ phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

- Phương án chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Điều lệ của công ty. Trường hợp Điều lệ của công ty không quy định khác, Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất; báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu;

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu là Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc chủ sở hữu công ty theo Điều lệ của công ty;

c) Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, phải tuân thủ quy định về thẩm quyền quyết định huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp;

d) Đối với doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, ngoài thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c

cho giới hạn huy động vốn và thẩm quyền quyết định như Nghị định số 153/2020/NĐ-CP) theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp để đảm bảo tính tổng quát khi áp dụng.

	nghiệp. d) Đối với doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, ngoài thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này, thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).	khoản này, thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).	
16	¹⁹Điều 14. Phương thức phát hành trái phiếu và các tổ chức cung cấp dịch vụ 1. Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành theo các phương thức sau: a) Đấu thầu phát hành: là phương thức lựa chọn nhà đầu tư đủ điều kiện trúng thầu mua trái phiếu đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp phát hành. b) Bảo lãnh phát hành: là phương thức bán trái phiếu doanh nghiệp cho nhà đầu tư mua trái phiếu thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành. c) Đại lý phát hành: là phương thức doanh nghiệp phát hành ủy quyền cho một tổ chức khác thực hiện bán trái phiếu cho nhà đầu tư mua trái phiếu. d) Bán trực tiếp cho nhà đầu tư trái phiếu đối với doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng.	Điều 12. Phương thức phát hành trái phiếu và các tổ chức cung cấp dịch vụ 1. Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành theo các phương thức sau: a) Đấu thầu phát hành: là phương thức lựa chọn nhà đầu tư đủ điều kiện trúng thầu mua trái phiếu đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp phát hành; b) Bảo lãnh phát hành: là phương thức bán trái phiếu doanh nghiệp cho nhà đầu tư mua trái phiếu thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành. c) Đại lý phát hành: là phương thức doanh nghiệp phát hành ủy quyền cho một tổ chức khác thực hiện phân phối trái phiếu cho nhà đầu tư mua trái phiếu; d) Bán trực tiếp cho nhà đầu tư trái phiếu đối với doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng.	

¹⁹ Điều này được SĐ, BS theo K11 Điều 1 NĐ 65

2. Doanh nghiệp phát hành quyết định phương thức phát hành và công bố cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

3. Tổ chức có trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

b) Đối với nhà đầu tư chiến lược: doanh nghiệp phát hành (khi chào bán trái phiếu) và công ty chứng khoán (nơi nhà đầu tư mua trên thị trường thứ cấp) có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chiến lược căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của doanh nghiệp phát hành về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định của pháp luật chứng khoán.

c) Tổ chức xác định tư cách nhà đầu tư có trách nhiệm ký xác nhận vào văn bản xác nhận của nhà đầu tư trước khi mua trái phiếu theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định tư cách nhà đầu tư.

4. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp bao gồm:

a) Công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành theo quy định của Luật

2. Doanh nghiệp phát hành quyết định phương thức phát hành và công bố cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

3. Tổ chức đấu thầu, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp bao gồm:

a) Công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ đấu thầu, đại lý phát hành theo quy định của Luật Chứng khoán và quy định tại Nghị định này;

b) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán.

- Chuyển nội dung tổ chức có trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 9. Nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu để đảm bảo tính thống nhất do cùng quy định liên quan đến nhà đầu tư chuyên nghiệp;

- Bổ sung thêm khoản 9 tại Điều 15 dự thảo Nghị định này về trách nhiệm của Tổ chức kiểm toán theo quy định mới tại khoản 4 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

Chứng khoán;

b) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán.

5. Trách nhiệm của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp khi cung cấp dịch vụ:

a) Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi bên.

b) Trách nhiệm chính của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành khi phân phối trái phiếu hoặc trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng bán trực tiếp trái phiếu cho nhà đầu tư:

- Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cho nhà đầu tư theo phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt, đảm bảo không có nội dung để nhà đầu tư nhầm lẫn giữa việc mua trái phiếu doanh nghiệp và gửi tiền tại tổ chức tín dụng; cung cấp đầy đủ, chính xác

4. Trách nhiệm của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp khi cung cấp dịch vụ:

a) Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi bên;

b) Trách nhiệm chính của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành khi phân phối trái phiếu hoặc trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng bán trực tiếp trái phiếu cho nhà đầu tư:

- Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cho nhà đầu tư theo phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt, đảm bảo không có nội dung để nhà đầu tư nhầm lẫn giữa việc mua trái phiếu doanh nghiệp và gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo hồ sơ, thông tin do doanh nghiệp phát hành cung cấp; cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cho nhà đầu tư về trách nhiệm và nghĩa vụ

Bỏ nội dung trách nhiệm xác nhận tiền thu được từ chào bán trái phiếu đã được chuyển vào tài khoản... của tổ chức đấu thầu, đại lý phát hành có do đã có quy định về tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu.

thông tin cho nhà đầu tư về trách nhiệm và nghĩa vụ của tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành khi phân phối trái phiếu; không cung cấp thông tin sai sự thật, không cung cấp thông tin dễ gây hiểu lầm về trái phiếu cho nhà đầu tư;

- Chỉ phân phối trái phiếu cho nhà đầu tư đã được doanh nghiệp phát hành hoặc công ty chứng khoán được ủy quyền xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sau khi đảm bảo nhà đầu tư đã được tiếp cận, hiểu rõ đầy đủ thông tin và ký văn bản xác nhận theo quy định tại Điều 8 Nghị định này; không được chào mời, hỗ trợ nhà đầu tư không thuộc đối tượng nhà đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ;

- Trường hợp cam kết với nhà đầu tư về việc mua lại trái phiếu doanh nghiệp thì phải ký hợp đồng với nhà đầu tư (trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản về việc mua lại trái phiếu) và phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành khi thực hiện các cam kết này.

- Trường hợp thực hiện bảo lãnh phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán thì phải cung cấp đầy đủ thông tin cho nhà đầu tư về phạm vi bảo lãnh phát hành, đảm bảo không có

của tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành khi phân phối trái phiếu; không cung cấp thông tin sai sự thật, không cung cấp thông tin dễ gây hiểu lầm về trái phiếu cho nhà đầu tư;

- Chỉ phân phối trái phiếu cho nhà đầu tư đã được doanh nghiệp phát hành hoặc công ty chứng khoán được ủy quyền xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sau khi đảm bảo nhà đầu tư đã được tiếp cận, hiểu rõ đầy đủ thông tin và ký văn bản xác nhận theo quy định tại Điều 8 Nghị định này; không được chào mời, hỗ trợ nhà đầu tư không thuộc đối tượng nhà đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ;

- Trường hợp cam kết với nhà đầu tư về việc mua lại trái phiếu doanh nghiệp thì phải ký hợp đồng với nhà đầu tư (trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản về việc mua lại trái phiếu) và phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành khi thực hiện các cam kết này;

- Trường hợp thực hiện bảo lãnh phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán thì phải cung cấp đầy đủ thông tin cho nhà đầu tư về phạm vi bảo lãnh phát hành, không có nội dung để nhà đầu tư nhầm lẫn giữa bảo lãnh phát hành và bảo lãnh thanh toán trái phiếu.

c) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định

nội dung đề nhà đầu tư nhằm lẫn giữa bảo lãnh phát hành và bảo lãnh thanh toán trái phiếu.

- Xác nhận tiền thu được từ chào bán trái phiếu đã được chuyển vào tài khoản nhận tiền mua trái phiếu của doanh nghiệp phát hành và gửi cho doanh nghiệp phát hành để lưu tại hồ sơ chào bán trái phiếu và công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định.

6. Tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu là công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

a) Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên.

b) Trách nhiệm chính của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán khi cung cấp dịch vụ:

- Rà soát việc đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện chào bán và hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và xác nhận kết quả rà soát tại công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu của doanh

tại Nghị định này.

5. Tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu là công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán theo quy định của pháp luật:

a) Phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên;

b) Khi cung cấp dịch vụ, có trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này;

c) Không được tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp phát hành cung cấp thông tin sai sự thật hoặc dễ gây hiểu lầm về trái phiếu tại hồ sơ chào bán;

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

- Bộ quy định tổ chức tư vấn có trách nhiệm rà soát việc đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện chào bán và hồ sơ chào bán trái phiếu và xác nhận kết quả rà soát tại công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp. Tổ chức tư vấn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc rà soát của mình do đây là trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành.

- Quy định tổ chức tư vấn có trách nhiệm trong phạm vi tư vấn, rà soát, kiểm tra các thông tin trong hồ sơ đảm bảo việc phân tích, đánh giá được thực hiện hợp lý, căn trọng trên cơ sở thông tin được cung cấp.

ngành. Tổ chức tư vấn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc rà soát của mình;

- Không được tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp phát hành cung cấp thông tin sai sự thật hoặc dễ gây hiểu lầm về trái phiếu tại hồ sơ chào bán.

7. Đại diện người sở hữu trái phiếu là thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được chỉ định hoặc được lựa chọn đại diện cho quyền lợi của người sở hữu trái phiếu theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

a) Đại diện người sở hữu trái phiếu phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên.

b) Khi cung cấp dịch vụ, đại diện người sở hữu trái phiếu có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

c) Đại diện người sở hữu trái phiếu được thay đổi khi được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. Trường hợp thay đổi các điều khoản khác tại hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu, việc thay

6. Đại diện người sở hữu trái phiếu là tổ chức được chỉ định hoặc được lựa chọn đại diện cho quyền lợi của người sở hữu trái phiếu bao gồm công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên;

b) Khi cung cấp dịch vụ, có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

c) Được thay đổi khi được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. Trường hợp thay đổi các điều khoản khác tại hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu, việc thay đổi phải đồng thời được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phát hành thông qua theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này;

- Nội dung này cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP;

- Bổ sung quy định đại diện người sở hữu trái phiếu bao gồm công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 56 về thành viên lưu ký, quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về đại diện người sở hữu trái phiếu.

	đôi phải đồng thời được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phát hành thông qua.	đ) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.	
	8. Tổ chức kiểm toán đủ điều kiện, doanh nghiệp thẩm định giá, người ký báo cáo kiểm toán, chứng thư thẩm định giá và bất kỳ tổ chức, cá nhân nào xác nhận hồ sơ chào bán trái phiếu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ chào bán trái phiếu.	7. Tổ chức kiểm toán đủ điều kiện, doanh nghiệp thẩm định giá, người ký báo cáo kiểm toán, chứng thư thẩm định giá và bất kỳ tổ chức, cá nhân nào xác nhận hồ sơ chào bán trái phiếu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ chào bán trái phiếu.	
	9. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này không phải là người có liên quan đối với doanh nghiệp phát hành theo quy định của <u>Luật Chứng khoán</u> và các văn bản hướng dẫn. Các tổ chức này chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ của mình. Trường hợp vi phạm quy định của pháp luật sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật tùy theo tính chất, mức độ vi phạm. 10. Bộ Tài chính hướng dẫn các hoạt động tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, bảo lãnh, đấu thầu, đại lý phát hành trái	8. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này không phải là người có liên quan đối với doanh nghiệp phát hành theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Các tổ chức này chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ của mình.	Bỏ nội dung “trường hợp vi phạm quy định pháp luật sẽ bị xử phạt...”, chuyển nội dung này quy định chung tại khoản 1 Điều 48 - Chương VII. Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại.

	phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, đại diện người sở hữu trái phiếu.”		
	Mục 2. Đăng ký, lưu ký và giao dịch trái phiếu	Mục 2. Đăng ký, lưu ký và giao dịch trái phiếu	
17	²⁰Điều 15. Đăng ký, lưu ký trái phiếu 1. Doanh nghiệp chào bán trái phiếu riêng lẻ phải đăng ký trái phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong thời hạn sau: a) 5 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. b) 05 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp phát hành công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại Điều 20 Nghị định này đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này. c) Khi đăng ký trái phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, doanh nghiệp phát hành phải gửi kèm theo danh sách người sở hữu trái phiếu và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc danh sách người sở hữu trái phiếu đáp ứng đúng	Điều 21. Đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền và chuyển quyền sở hữu trái phiếu 1. Sau khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp chào bán trái phiếu riêng lẻ phải đăng ký trái phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong thời hạn sau: a) 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; b) 05 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp phát hành công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này; c) Khi đăng ký trái phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, doanh nghiệp phát hành phải gửi kèm theo danh sách người sở hữu trái phiếu và chịu	- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Nghị định 65/2022/NĐ-CP, quy định thống nhất đối tượng mua trên thị trường thứ cấp là đối tượng mua trên thị trường sơ cấp (tổ chức phát hành phải công bố đối tượng mua trong hồ sơ chào bán). - Căn cứ thực tiễn triển khai, bổ sung thêm quy định về việc thực hiện quyền (nguyên tắc, việc thực hiện quyền mua lại trước hạn bằng tài sản khác) và chuyển quyền sở hữu trái phiếu theo kiến nghị của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

²⁰ Điều này được SĐ, BS theo K12 Điều 1 NĐ 65

	đối tượng mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán. 2. Trái phiếu phải được lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông qua thành viên lưu ký trước khi giao dịch, chuyển quyền sở hữu trừ trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. 3. Việc trái phiếu doanh nghiệp được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chứng khoán, không hàm ý Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận và đảm bảo cho tính hợp pháp của đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp và việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc của trái phiếu.	hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc danh sách người sở hữu trái phiếu đáp ứng đúng đối tượng mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này. 2. Trái phiếu phải được lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông qua thành viên lưu ký trước khi giao dịch, chuyển quyền sở hữu trừ trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 3. Việc trái phiếu doanh nghiệp được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chứng khoán, không hàm ý Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận và đảm bảo cho tính hợp pháp của đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp và việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc, tiền mua lại trước hạn và các nghĩa vụ liên quan của trái phiếu.	
		4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký trong trường hợp doanh nghiệp phát hành mua lại trước hạn, hoán đổi, chuyển đổi một phần hoặc doanh nghiệp phát hành thay đổi kỳ hạn của trái phiếu nhưng có trường hợp người sở hữu trái phiếu không chấp thuận việc thay đổi dẫn đến doanh nghiệp phát hành phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu	Nội dung quy định về điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký đã được quy định tại khoản 7 Điều 6 Thông tư 30/2023/TT-BTC và cần thiết nâng lên Nghị định để đảm bảo tính pháp lý cao hơn; (ii) Quy định cụ thể các trường hợp điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký, hủy đăng ký trái phiếu và nguyên tắc hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký đối với trái phiếu

		trái phiếu này theo phương án phát hành đã công bố.	đăng ký giao dịch tại SGDCK; (iii) Quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của VSDC và DNPH trong việc hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký theo đề nghị của doanh nghiệp phát hành để đảm bảo quyền lợi của NSHTP.
		5. Việc hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam không làm thay đổi quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu trái phiếu. Doanh nghiệp phát hành chịu trách nhiệm quản lý thông tin về trái phiếu, người sở hữu trái phiếu sau khi trái phiếu hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và tiếp tục thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của người sở hữu trái phiếu (nếu có) theo quy định của pháp luật.	Bổ sung nguyên tắc về việc thực hiện quyền cho NSHTP theo đề nghị của DNPH tại VSDC để làm rõ trách nhiệm của DNPH và VSDC trong việc thực hiện quyền;
		6. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp phát hành. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không chịu trách nhiệm về việc không thực hiện quyền theo đề nghị của doanh nghiệp phát hành nếu đề nghị gửi đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không kịp thời hoặc không đầy đủ, chính	

		xác.	
	4. Việc chuyển quyền sở hữu trái phiếu đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện đối với các trường hợp: a) Giao dịch mua bán trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều 16 Nghị định này. b) Thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.	7. Chuyển quyền sở hữu trái phiếu đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện như sau: a) Chuyển quyền sở hữu thông qua giao dịch mua bán trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều 22 Nghị định này. b) Chuyển quyền sở hữu không thực hiện qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán đối với các giao dịch không mang tính chất mua bán hoặc không thể thực hiện được qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở giao dịch chứng khoán. c) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu trên cơ sở thông tin về kết quả giao dịch do Sở giao dịch chứng khoán cung cấp hoặc hồ sơ, tài liệu đề nghị chuyển quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân.	Quy định rõ hơn về việc chuyển quyền sở hữu trái phiếu trong đó bao gồm các trường hợp chuyển quyền sở hữu trái phiếu không mang tính chất mua bán hoặc không thực hiện qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại SGDCK, bao quát hơn so với quy định cũ (chỉ bao gồm thực hiện theo bản án, quyết định của trọng tài, thừa kế)
	5. Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các trường hợp chuyển quyền sở hữu trái phiếu không thực hiện qua hệ thống giao dịch	8. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký, hủy đăng ký trái phiếu, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các trường hợp chuyển quyền sở hữu trái	

	trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc thanh toán giao dịch trái phiếu không áp dụng theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm.”	phiếu không thực hiện qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc thanh toán giao dịch trái phiếu không áp dụng theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm.	
	²¹Điều 16. Giao dịch trái phiếu 1. Doanh nghiệp phải đăng ký giao dịch trái phiếu đã phát hành trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc đăng ký giao dịch trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều này không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho tính hợp pháp của đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp và việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc của trái phiếu.	Điều 22. Giao dịch trái phiếu 1. Doanh nghiệp phải đăng ký giao dịch trái phiếu đã phát hành trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc đăng ký giao dịch trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều này không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho tính hợp pháp của đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp và việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc của trái phiếu.	- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP; - Quy định chi tiết hơn trình tự đăng ký giao dịch trái phiếu với Sở GDCK Hà Nội.
	2. Việc giao dịch trái phiếu phải được thực hiện thông qua thành viên giao dịch và đảm bảo tuân thủ các quy định: a) Trái phiếu chỉ được phép giao dịch giữa các đối tượng nhà đầu tư nêu tại phương án phát hành trái phiếu, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật. b) Trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu	5. Việc giao dịch trái phiếu phải được thực hiện thông qua thành viên giao dịch và đảm bảo tuân thủ các quy định: a) Trái phiếu chỉ được phép giao dịch giữa các đối tượng nhà đầu tư nêu tại phương án phát hành trái phiếu quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật; b) Trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm	Quy định rõ hơn so với Nghị định số 153/2020/NĐ-CP về đối tượng nhà đầu tư được phép giao dịch, chuyển nhượng theo quy định tại Luật số 56

²¹ Điều này được SD, BS theo K13 Điều 1 NĐ 65

	kèm chứng quyền bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán. Sau thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, việc giao dịch trái phiếu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.	chứng quyền bị hạn chế chuyển nhượng như sau: - Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán. - Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty không phải là công ty đại chúng: bị hạn chế giao dịch, chuyển nhượng tối thiểu là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 1a, khoản 1b Điều 11 Luật Chứng khoán; - Sau thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, việc giao dịch trái phiếu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.	
18	3. Trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm: a) Doanh nghiệp thực hiện đăng ký giao dịch trái phiếu chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký trái phiếu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ	2. Trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm: a) Doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký giao dịch trái phiếu cho Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả	- Sở GDCK có trách nhiệm đưa trái phiếu vào giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch trái phiếu căn cứ trên hồ sơ đăng ký giao dịch của doanh nghiệp phát hành. DNPH không cần đăng ký ngày giao dịch đầu tiên. Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở sẽ ra thông báo về ngày giao dịch đầu tiên của trái phiếu đó trên Chuyên trang.

chứng khoán Việt Nam. b) Tổ chức phát hành gửi hồ sơ đăng ký giao dịch cho Sở giao dịch chứng khoán bằng hình thức điện tử theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán. Hồ sơ đăng ký giao dịch bao gồm: - Đơn đề nghị đăng ký giao dịch trái phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này; - Giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; - Giấy chứng nhận đăng ký trái phiếu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; - Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu; - Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có); - Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoặc loại trái phiếu phát hành (nếu có); c) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo về việc trái phiếu đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở	chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; đối với các loại trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ còn lại, doanh nghiệp thực hiện đăng ký giao dịch trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại Điều 32 Nghị định này. b) Hồ sơ đăng ký giao dịch bao gồm: - Đơn đề nghị đăng ký giao dịch trái phiếu theo mẫu quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; - Giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; - Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu; - Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có); - Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoặc loại trái phiếu phát hành (nếu có). c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc trái phiếu	- Bổ sung Phụ lục đơn đăng ký giao dịch. - Văn bản xác nhận của VSDC là điều kiện cần để đảm bảo có trái phiếu trước khi giao dịch. Do vậy, trên thực tế khi xem xét hồ sơ đăng ký giao dịch trái phiếu, HNX vẫn cần phải có Giấy của VSDC làm căn cứ. Theo đó HNX đề nghị bổ sung văn bản xác nhận của VSDC trong hồ sơ đăng ký giao dịch trái phiếu; - HNX kiến nghị quy định doanh nghiệp bổ sung hồ sơ cũng được thực hiện qua Chuyên trang, không bằng văn bản để tránh phát sinh trường hợp HNX có thông báo về việc trái phiếu đã ĐKGD trên hệ thống giao dịch TPDNRL nhưng VSDC lại không có văn bản trái phiếu đã đăng ký tại VSDC hoặc doanh nghiệp nộp hồ sơ cho HNX nhưng không nộp cho VSDC.
--	---	---

	giao dịch chứng khoán, đồng thời thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp từ chối, Sở giao dịch chứng khoán phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. d) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo về việc trái phiếu đã đăng ký giao dịch, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đưa trái phiếu vào giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán.	đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo về ngày giao dịch đầu tiên của trái phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu, đồng thời thực hiện công bố thông tin trên Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ hoặc không đúng thời hạn, Sở giao dịch chứng khoán gửi thông báo cho doanh nghiệp phát hành yêu cầu hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 03 ngày qua chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp và nêu rõ lý do. d) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo về việc trái phiếu đã đăng ký giao dịch, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đưa trái phiếu vào giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán.	
	4. Đăng ký giao dịch trái phiếu của doanh nghiệp sau quá trình tổ chức lại và việc hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu: a) Trái phiếu đã đăng ký giao dịch của công ty bị hợp nhất, bị sáp nhập được tiếp tục đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán. b) Các trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu:	3. Đăng ký giao dịch trái phiếu của doanh nghiệp sau quá trình tổ chức lại và việc hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu: a) Trái phiếu đã đăng ký giao dịch của công ty bị hợp nhất, bị sáp nhập được tiếp tục đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán; b) Các trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu: - Trái phiếu đến thời gian đáo hạn hoặc	

- Trái phiếu đến thời gian đáo hạn hoặc doanh nghiệp phát hành chuyển đổi, mua lại hoặc hoán đổi toàn bộ trái phiếu trước thời gian đáo hạn;

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;

- Sở giao dịch chứng khoán phát hiện doanh nghiệp phát hành giả mạo hồ sơ đăng ký giao dịch, giả mạo hồ sơ thay đổi đăng ký giao dịch;

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu chấm dứt sự tồn tại do giải thể hoặc phá sản hoặc thực hiện chia, tách doanh nghiệp.

5. Thành viên giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm thành viên giao dịch và thành viên giao dịch đặc biệt được Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận theo quy định của pháp luật chứng khoán.

a) Thành viên giao dịch là công ty chứng khoán.

b) Thành viên giao dịch đặc biệt là các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

c) Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành viên, hủy bỏ tư cách

doanh nghiệp phát hành chuyển đổi, mua lại hoặc hoán đổi toàn bộ trái phiếu trước thời gian đáo hạn;

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;

- Sở giao dịch chứng khoán phát hiện doanh nghiệp phát hành giả mạo hồ sơ đăng ký giao dịch,;

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu chấm dứt sự tồn tại do giải thể hoặc phá sản hoặc thực hiện chia, tách doanh nghiệp;

4. Thành viên giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm thành viên giao dịch và thành viên giao dịch đặc biệt được Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận theo quy định của pháp luật chứng khoán:

a) Thành viên giao dịch là công ty chứng khoán.

b) Thành viên giao dịch đặc biệt là các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành viên, hủy bỏ tư cách thành viên, đình chỉ hoạt động đối với thành viên giao dịch đặc biệt tham gia giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy

	thành viên, đình chỉ hoạt động đối với thành viên giao dịch đặc biệt tham gia giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định đối với thành viên giao dịch đặc biệt tham gia giao dịch công cụ nợ của Chính phủ quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.	đình chỉ đối với thành viên giao dịch đặc biệt tham gia giao dịch công cụ nợ của Chính phủ quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.	
	6. Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước theo quy định tại Điều này.”	6. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước và giao dịch không mang tính chất mua bán, giao dịch khác không thực hiện được trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.	
	Mục 3. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu	Mục 3. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu	
19	Điều 17. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu 1. Doanh nghiệp phát hành bố trí nguồn trả nợ lãi, gốc trái phiếu từ các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu. 2. Đối với trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản, khi doanh nghiệp phát hành không trả được nợ lãi, gốc trái phiếu thì tài sản bảo đảm sẽ được xử lý để thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm	Điều 23. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu 1. Doanh nghiệp phát hành bố trí nguồn trả nợ lãi, gốc trái phiếu từ các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu. 2. Đối với trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản, khi doanh nghiệp phát hành không trả được nợ lãi, gốc trái phiếu thì tài sản bảo đảm sẽ được xử lý để thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm của trái phiếu theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. 3. Đối với trái phiếu được bảo lãnh thanh	- Nội dung này cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP. - Căn cứ thực tế triển khai, theo đề nghị của VSDC, bổ sung quy định một số nguyên tắc đối với doanh nghiệp phát hành đàm phán với người sở hữu trái phiếu để thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác; đưa một số nội dung tại Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17/5/2023 về trường hợp doanh nghiệp phát hành thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn cho người sở hữu trái phiếu bằng tài sản khác; trường hợp

của trái phiếu theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. 3. Đối với trái phiếu được bảo lãnh thanh toán, khi doanh nghiệp phát hành không trả được nợ lãi, gốc thì tổ chức bảo lãnh thanh toán có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho doanh nghiệp phát hành theo cam kết bảo lãnh giữa tổ chức bảo lãnh thanh toán và doanh nghiệp phát hành nêu tại phương án phát hành trái phiếu và đã được công bố thông tin cho nhà đầu tư.	toán, khi doanh nghiệp phát hành không trả được nợ lãi, gốc thì tổ chức bảo lãnh thanh toán có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho doanh nghiệp phát hành theo cam kết bảo lãnh giữa tổ chức bảo lãnh thanh toán và doanh nghiệp phát hành nêu tại phương án phát hành trái phiếu và đã được công bố thông tin cho nhà đầu tư. 4. Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, trường hợp doanh nghiệp phát hành không thể thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi trái phiếu bằng đồng Việt Nam theo phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều 11 Nghị định này, doanh nghiệp có thể đàm phán với người sở hữu trái phiếu để thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác theo các nguyên tắc sau: a) Tuân thủ quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đó; b) Phải được người sở hữu trái phiếu chấp thuận; c) Doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin bất thường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình trạng pháp lý của tài sản sử dụng để thanh toán gốc, lãi trái	doanh nghiệp phát hành thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu hoặc thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn cho người sở hữu trái phiếu bằng tài sản khác dẫn đến đợt thanh toán gốc, lãi trái phiếu bằng tiền không thể thực hiện được cho toàn bộ người sở hữu trái phiếu.
--	--	--

phiếu theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp doanh nghiệp phát hành thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn cho người sở hữu trái phiếu bằng tài sản khác theo quy định tại khoản 4 Điều này:

a) Đối với tài sản dùng để thanh toán là chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán được thực hiện qua hệ thống của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Đối với tài sản dùng để thanh toán không phải là chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc thanh toán được thực hiện theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp phát hành và người sở hữu trái phiếu. Doanh nghiệp phát hành phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thanh toán cho người sở hữu trái phiếu theo đúng quy định pháp luật.

6. Trường hợp doanh nghiệp phát hành thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu hoặc thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn cho người sở hữu trái phiếu bằng tài sản khác dẫn đến đợt thanh toán gốc, lãi trái phiếu bằng tiền không thể thực hiện được cho toàn bộ người sở hữu trái phiếu theo đúng thông tin về điều kiện, điều khoản trái phiếu đã đăng ký với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

trước đó, doanh nghiệp phát hành tự thực hiện đợt thanh toán đó cho toàn bộ người sở hữu trái phiếu. Doanh nghiệp phát hành phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thanh toán cho người sở hữu trái phiếu theo đúng quy định pháp luật.

7. Doanh nghiệp phát hành phải thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc dùng tài sản khác để thanh toán gốc, lãi trái phiếu cho người sở hữu trái phiếu và việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày thanh toán gốc, lãi trái phiếu và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo chậm cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

8. Trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu thì nhà đầu tư có quyền yêu cầu doanh nghiệp phát hành thực hiện nghĩa vụ thanh toán, mua lại trái phiếu trước hạn; có quyền đàm phán với doanh nghiệp về phương án thanh toán gốc, lãi. Việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm hoặc giải quyết tranh chấp trong trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu cho người sở hữu trái phiếu thực hiện theo Điều 49 Nghị định này.

	Mục 4. Công bố thông tin	Chương IV. Công bố, cung cấp thông tin	Nội dung công bố thông tin tại Chương này cơ bản kế thừa nội dung quy định về công bố thông tin về chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, thay đổi về mặt kết cấu, cụ thể: chuyển toàn bộ nội dung công bố thông tin tại thị trường trong nước và quốc tế quy định tại Chương này (thay cho việc công bố riêng tại các chương chào bán trái phiếu trong nước và chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế như Nghị định số 153/2020/NĐ-CP) để đảm bảo tính tổng hợp, rõ ràng, dễ theo dõi, tiếp cận. Bổ sung thuật ngữ “cung cấp thông tin” để sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp gửi thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư (tránh nhầm lẫn với việc công bố thông tin ra đại chúng theo thuật ngữ pháp luật về chứng khoán)
		Mục 1. Chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước	
20	Điều 18. Nguyên tắc công bố thông tin 1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời cho nhà đầu tư; các thông tin phải rõ ràng theo quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Doanh nghiệp phát hành	Điều 30. Nguyên tắc công bố, cung cấp thông tin 1. Doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm thực hiện công bố, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho nhà đầu tư; các thông tin phải rõ ràng theo quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Doanh nghiệp phát hành phải chịu trách nhiệm	Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP.

	phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác, trung thực của thông tin công bố. 2. Việc công bố thông tin trước khi chào bán trái phiếu không được chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo, mời chào và không thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trừ trường hợp công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. 3. Doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	trước pháp luật về nội dung và tính chính xác, trung thực của thông tin công bố, cung cấp. 2. Việc cung cấp thông tin trước khi chào bán trái phiếu không được chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo, mời chào và không thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trừ trường hợp công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. 3. Doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	
21	Điều 19. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp²² 1. Chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán. a) Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. b) Riêng đối với chào bán trái phiếu	Điều 31. Cung cấp thông tin trước đợt chào bán 1. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày tổ chức đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và Sở giao dịch chứng khoán: a) Nội dung Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; b) Riêng đối với chào bán trái phiếu xanh, ngoài nội dung cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp	- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP. - Chuyển nội dung Sở GDCK tiếp nhận thông tin của doanh nghiệp phát hành không hàm ý Sở GDCK xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh cùng nội dung quy định Sở GDCK tiếp nhận thông tin tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại khoản 3 Điều này do cùng quy định liên quan đến việc tiếp nhận thông tin của Sở GDCK.

²² SF, BS theo K14 Điều 1 NĐ 65

xanh, ngoài nội dung công bố thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về quy trình hạch toán, quản lý, giải ngân vốn từ chào bán trái phiếu xanh theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

c) Việc doanh nghiệp gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán chỉ có mục đích để Sở giao dịch chứng khoán thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 32 Nghị định này, không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.”

2. Đối với doanh nghiệp chào bán trái phiếu thành nhiều đợt:

a) Đối với đợt chào bán đầu tiên, việc công bố thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với các đợt chào bán tiếp theo, ngoài việc công bố thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, trong thời hạn 01 ngày làm việc trước mỗi đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin bổ sung cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu, đồng thời gửi Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin bổ sung theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều

phát hành phải cung cấp thông tin về quy trình theo dõi, quản lý, giải ngân vốn từ chào bán trái phiếu xanh theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này;

c) Việc doanh nghiệp gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho Sở giao dịch chứng khoán chỉ có mục đích để Sở giao dịch chứng khoán thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 42 Nghị định này.

2. Đối với tổ chức tín dụng chào bán trái phiếu thành nhiều đợt:

a) Đối với đợt chào bán đầu tiên, việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đối với các đợt chào bán tiếp theo, ngoài việc cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, tối thiểu 01 ngày làm việc trước mỗi đợt chào bán trái phiếu, tổ chức tín dụng cung cấp thông tin bổ sung cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu, đồng thời gửi Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung cung cấp thông tin bổ sung theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 11 Điều 15 Nghị định này.

3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung cung cấp thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này. Việc Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung

	12 Nghị định này. 3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.	cung cấp thông tin trước đợt chào bán của tổ chức tín dụng không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.	
22	Sửa đổi khoản 1 Điều 20 như sau: "1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính."	Điều 21. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu 1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. 2. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. 3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2	- Kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP. - Bổ sung thêm khoản 2 trên cơ sở đề xuất của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đảm bảo phù hợp với thực tế triển khai của thị trường.

		Điều 33 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.	
23	Điều 20. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu. ²³1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. 1a. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. 2. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại	Điều 32. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu 1. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. 2. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. 3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.	- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP; - Điều chỉnh thời hạn doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả đợt chào bán từ trong 05 ngày làm việc thành chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 129 Luật Doanh nghiệp 2020.

²³ SD, BS K1, BS K1a theo K 15 Điều 1 ND 65

	Điều 33 Nghị định này.	4. Trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định đình chỉ, hủy đình chỉ, hoặc hủy bỏ đợt chào bán trái phiếu, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán trái phiếu bị đình chỉ, hủy đình chỉ, hoặc hủy bỏ, doanh nghiệp phát hành phải công bố việc đình chỉ, hủy đình chỉ, hoặc hủy bỏ đợt chào bán trái phiếu theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Chứng khoán.	Bổ sung quy định về công bố thông tin trong trường hợp UBCKNN quyết định đình chỉ, hủy đình chỉ hoặc hủy bỏ đợt chào bán trái phiếu do Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 quy định bổ sung tại Điều 31a về đình chỉ chào bán chứng khoán riêng lẻ và tại Điều 31b về hủy bỏ chào bán chứng khoán riêng lẻ.
	Điều 21. Công bố thông tin định kỳ 1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở giao dịch chứng khoán. a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng. b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm.	Điều 33. Công bố thông tin định kỳ 1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu không còn dư nợ, doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin định kỳ đến Sở giao dịch chứng khoán: a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng; b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm; c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu không còn dư nợ, doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao	- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.

		dịch chứng khoán về việc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà đầu tư, bao gồm việc thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu.	
	²⁴2. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và bao gồm các tài liệu sau: a) Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán và báo cáo tài chính 06 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xác nhận số liệu. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty mẹ, báo cáo tài chính công bố thông tin gồm báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ. b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu. c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. d) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với	2. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và bao gồm các tài liệu sau: a) Báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, báo cáo tài chính công bố thông tin gồm báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ được soát xét, kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện; b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu; c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu cho đến khi giải ngân hết số tiền thu được hoặc cho đến khi doanh nghiệp phát hành không còn dư nợ trái phiếu tùy theo thời điểm nào đến trước. Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện; d) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu; đ) Đối với trái phiếu xanh, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm d	- Sửa đổi quy định doanh nghiệp phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm/bán niên <u>đã được kiểm toán/soát xét bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện</u>; bỏ quy định báo cáo tài chính được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xác nhận số liệu. - Quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP yêu cầu doanh nghiệp phải kiểm toán và công bố báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ phát hành đối với trái phiếu còn dư nợ. Trong quá trình thực hiện, một số tổ chức phát hành và công ty kiểm toán cho rằng việc xây dựng riêng báo cáo sử dụng vốn và kiểm toán báo cáo này sau khi đã giải ngân hết toàn bộ tiền huy động từ trái phiếu là không thực sự cần thiết, có thể yêu cầu thuyết minh trong báo cáo tài chính hàng năm để giám thủ tục cho doanh nghiệp. Do vậy, Nghị định sửa đổi bổ sung quy định đối với việc doanh nghiệp phải công bố thông tin định kỳ báo cáo tình hình sử dụng vốn kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành

²⁴ SĐ, BS theo K16 NĐ 65

	người sở hữu trái phiếu. đ) Đối với trái phiếu xanh, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản này, hàng năm doanh nghiệp phát hành phải lập báo cáo về việc hạch toán, quản lý sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu có ý kiến soát xét của tổ chức kiểm toán; báo cáo tiến độ giải ngân, tiến độ thực hiện dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường.	khoản này, hàng năm doanh nghiệp phát hành phải lập báo cáo về việc theo dõi, sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu có ý kiến soát xét của tổ chức kiểm toán đủ điều kiện; báo cáo tiến độ giải ngân, tiến độ thực hiện dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường.	cho đến khi giải ngân hết số tiền đã huy động hoặc không còn dư nợ trái phiếu tùy theo thời điểm nào đến trước. Việc sửa đổi này đồng bộ với quy định về báo cáo tình hình sử dụng vốn đối với chứng khoán phát hành ra công chúng theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tế triển khai.
	3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp phát hành trái phiếu để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.	3. Trường hợp trái phiếu có lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi, doanh nghiệp phát hành công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở giao dịch chứng khoán lãi suất thực tế áp dụng cho các kỳ tính lãi trước thời điểm thực hiện trả lãi cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu. 4. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp phát hành trái phiếu để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.	Bổ sung quy định về công bố thông tin lãi suất trước thời điểm doanh nghiệp trả lãi cho người sở hữu trong trường hợp doanh nghiệp trả lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa cố định và thả nổi để đảm bảo thông tin rõ ràng cho nhà đầu tư.
	Điều 22. Công bố thông tin bất thường của doanh nghiệp 1. Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra	Điều 34. Công bố thông tin bất thường 1. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây, doanh	- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.

một trong các sự kiện sau đây, doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở Giao dịch Chứng khoán: a) Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp; b) Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu. ²⁵c) <u>Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành, thay đổi đại diện người sở hữu trái phiếu.</u> d) <u>Phải thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc.</u> đ) <u>Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc bị xử lý vi phạm pháp luật theo quy định.</u>"	ng nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường theo hướng dẫn của Bộ Tài chính cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán: a) Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp; b) Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu; c) Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành, thay đổi đại diện người sở hữu trái phiếu; d) Chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố thông tin; đ) Kết quả đàm phán với nhà đầu tư trong trường hợp chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu; việc thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu sau thời gian bị chậm thanh toán; e) Phải thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc; g) Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử phạt vi phạm	- Bổ sung quy định doanh nghiệp phải công bố thông tin trong 24 giờ khi chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu; có kết quả đàm phán với nhà đầu tư trong trường hợp chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu và việc thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu sau thời gian bị chậm thanh toán do các thông tin này là cần thiết, quan trọng đối với nhà đầu tư; nhà đầu tư cần được tiếp cận sớm để thực hiện quyền của mình theo quy định và theo thỏa thuận với doanh nghiệp phát hành.
--	---	---

²⁵ Bổ sung điểm c, d, đ K1 theo Khoản 17 Điều 1 NĐ 65

	2. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện chế độ báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.	hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc bị xử lý vi phạm pháp luật theo quy định; h) Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người đại diện theo pháp luật; i) Các sự kiện bất thường khác ảnh hưởng đến khả năng thanh toán gốc, lãi trái phiếu của doanh nghiệp. 2. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này đến khi trái phiếu không còn dư nợ. 3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này để công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và thực hiện chế độ báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.	
25	Điều 23. Công bố thông tin của doanh nghiệp về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao	Điều 35. Công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. 2. Đối với mua lại trái phiếu trước hạn,	- Kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP. - Sửa đổi nội dung liên quan đến việc doanh nghiệp công bố kết quả mua lại trái phiếu về “giá trị” (thay cho quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP là “về khối lượng”) do Nghị định đã sửa đổi điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu (khoản 2 Điều 6).

dịch chứng khoán. 2. Đối với mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu: a) Trong thời hạn 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu bao gồm: phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi; điều kiện, điều khoản của việc mua lại, hoán đổi; khối lượng trái phiếu mua lại, hoán đổi theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu đồng thời gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán. 3. Nội dung công bố thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. 4. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại	hoán đổi trái phiếu: a) Chậm nhất 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu bao gồm: phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi; điều kiện, điều khoản của việc mua lại, hoán đổi; giá trị trái phiếu mua lại, hoán đổi theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; b) Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu đồng thời gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. 3. Nội dung công bố thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. 4. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.	
---	---	--

	khoản 2 Điều 32-Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.		
	Chương III. Chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế	Chương III. Chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế	
26	Điều 24. Nguyên tắc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế 1. Doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế (chào bán riêng lẻ hoặc ra công chúng) phải tuân thủ quy định tại Nghị định này và đáp ứng điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành. 2. Việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra thị trường quốc tế thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành.	Điều 24. Nguyên tắc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế 1. Doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế phải tuân thủ quy định tại Nghị định này và đáp ứng điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành. 2. Việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra thị trường quốc tế thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành. 3. Việc thực hiện mua lại trước hạn, hoán đổi, chuyển đổi trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế phải tuân thủ quy định tại thị trường phát hành và quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	- Kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP. - Chuyển từ Điều 7. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu để đảm bảo rõ ràng khi áp dụng do việc mua lại trái phiếu khi phát hành ra quốc tế áp dụng theo quy định tại thị trường phát hành.
27	Điều 25. Điều kiện chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế 1. Đối với trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền: a) Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo	Điều 25. Điều kiện chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế 1. Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên	- Nội dung cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, kết cấu riêng điều kiện, hồ sơ chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền và chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền để đảm bảo rõ ràng, dễ tiếp cận,

pháp luật Việt Nam; b) Phương án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 28 Nghị định này; c) Đáp ứng tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành; d) Tuân thủ quy định về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh và pháp luật về quản lý ngoại hối; đ) Các điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành. 2. Đối với trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền: a) Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần đáp ứng các điều kiện phát hành quy định tại khoản 1 Điều này; b) Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền kèm theo chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật; c) Các đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phải cách nhau ít nhất 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán gần nhất.	hoặc Chủ sở hữu công ty phê duyệt. 2. Được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. 3. Đáp ứng tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành. 4. Đáp ứng quy định về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh và pháp luật về quản lý ngoại hối. 5. Đáp ứng các điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành. Điều 27. Điều kiện chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế 1. Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. 2. Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền kèm theo chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật. 3. Đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phải cách ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành riêng lẻ gần nhất, bao gồm: chào bán cổ phiếu riêng lẻ; chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ; chào bán trái phiếu	áp dụng; tương ứng như quy định về chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước ; - Quy định rõ điều kiện doanh nghiệp phát hành có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được cấp có thẩm quyền thông qua
--	---	---

		kèm chứng quyền riêng lẻ; chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng; phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ. 4. Đáp ứng các điều kiện chào bán quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 25 Nghị định này.	
28	Điều 26. Quy trình chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế 1. Đối với chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty không phải là công ty đại chúng: a) Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 27 Nghị định này và tổ chức chào bán tại thị trường phát hành. b) Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 29, Điều 30, Điều 31 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành. 2. Đối với chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:	Điều 29. Trình tự, thủ tục đề nghị việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế 1. Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 26 Nghị định này; hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 28 Nghị định này. 2. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: a) Doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày kể từ	- Nội dung này cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP, có điều chỉnh một số câu chữ để làm rõ, đúng tính chất của việc gửi hồ sơ chào bán cho UBCKNN là để “đề nghị việc chào bán ra thị trường quốc tế”, khác với hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu riêng lẻ chuyển đổi/kèm chứng quyền tại thị trường trong nước.

a) Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 27 Nghị định này và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. b) Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, doanh nghiệp công bố thông tin trước khi chào bán theo quy định tại Điều 29 Nghị định này và thực hiện chào bán trái phiếu theo quy định của thị trường phát hành. c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, doanh nghiệp báo cáo kết quả chào bán theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. 3. Doanh nghiệp thanh toán gốc, lãi trái phiếu và thực hiện chế độ công bố thông tin theo quy định của thị trường phát hành và Mục 2 Chương III Nghị định này.	ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo nhận được hồ sơ và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được hồ sơ của doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; b) Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được hồ sơ, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán theo Điều 37 Nghị định này và thực hiện chào bán trái phiếu theo quy định của thị trường phát hành; c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành báo cáo kết quả chào bán theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; d) Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại Điều 38 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành. 3. Trường hợp doanh nghiệp phát hành không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán theo Điều 37 Nghị định này, tổ chức chào bán trái phiếu theo quy định tại thị trường	
---	---	--

		phát hành, thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 38 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành.	
30	Điều 27. Hồ sơ chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế 1. Doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm lập hồ sơ chào bán để phục vụ cho việc chào bán, giao dịch và thanh toán lãi, gốc trái phiếu. 2. Hồ sơ chào bán trái phiếu bao gồm các tài liệu cơ bản sau: a) Phương án chào bán trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận theo quy định tại Điều 28 Nghị định này. b) Giấy xác nhận tài khoản vốn phát hành chứng khoán bằng ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. c) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận hạn mức phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia. d) Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của cấp có thẩm quyền. đ) Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán quốc tế trong trường hợp thị trường phát hành yêu cầu. e) Hồ sơ đăng ký chào bán với cơ quan	Điều 26. Hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế 1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu, trong đó: a) Phương án phát hành phải nêu rõ: loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu chào bán, lãi suất trái phiếu hoặc nguyên tắc tính lãi suất trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu, thời điểm chào bán; b) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm các thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý, tình hình triển khai dự án) và/hoặc mua tài sản (nêu thông tin về tài sản, chi phí mua dự kiến) và/hoặc góp vốn/mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp tại doanh nghiệp khác và/hoặc sử dụng để thanh toán các khoản nợ (nêu thông tin về chủ nợ, giá trị hợp đồng, mục đích vay nợ) và/hoặc bổ sung vốn lưu động; c) Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải nêu rõ kế hoạch trả nợ gốc, lãi trái phiếu (trong đó nêu thời gian,	- Nội dung cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP. - Chi tiết quy định về nội dung phương án phát hành được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp thông qua để đảm bảo rõ ràng khi áp dụng; - Sửa đổi nội dung giấy xác nhận tài khoản vốn phát hành chứng khoán bằng ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành Văn bản xác nhận tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép theo quy định của pháp luật quản lý ngoại hối theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 10/2022/TT-NHNN; - Sửa đổi làm rõ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán nội dung: Các đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phải cách ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán <i>cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền gần nhất</i>; - Bổ sung tại liệu <i>Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh</i>

có thẩm quyền tại thị trường phát hành hoặc ý kiến pháp lý của công ty tư vấn luật quốc tế về việc doanh nghiệp không phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nước sở tại khi phát hành trái phiếu. g) Đối với chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản này, hồ sơ chào bán trái phiếu còn bao gồm: - Giấy đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. - Bản sao Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty phê duyệt hồ sơ chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế.	nguồn trả nợ). 2. Văn bản xác nhận tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép theo quy định của pháp luật quản lý ngoại hối. 3. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận hạn mức phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia. 4. Văn bản phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của cấp có thẩm quyền đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. 5. Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán quốc tế trong trường hợp thị trường phát hành yêu cầu. 6. Tài liệu chứng minh bảo đảm điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành. 7. Hồ sơ đăng ký chào bán với cơ quan có thẩm quyền tại thị trường phát hành hoặc ý kiến pháp lý của công ty tư vấn luật quốc tế về việc doanh nghiệp không phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nước sở tại khi phát hành trái phiếu. 8. Giấy đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc	<i>nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền trong hồ sơ chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế để đảm bảo phù hợp với quy định.</i>
--	--	--

Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty thông qua hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 28. Hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu, trong đó:

a) Phương án phát hành nêu rõ: loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu chào bán, lãi suất hoặc nguyên tắc tính lãi suất trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu, thời điểm chào bán, phương án chuyển đổi trái phiếu (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ hoặc phương pháp tính giá chuyển đổi, việc trả nợ vốn trong trường hợp không chuyển đổi trái phiếu, thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các điều khoản khác), phương án thực hiện quyền của chứng quyền (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ thực hiện quyền; giá hoặc phương pháp tính giá phát hành; việc trả nợ vốn; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện

quyền đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài; các điều khoản khác). Trường hợp giá chuyển đổi, giá phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền thấp hơn mệnh giá, việc chuyển đổi, thực hiện quyền chỉ được thực hiện khi doanh nghiệp phát hành có đủ thặng dư vốn cổ phần để bù đắp phần thặng dư âm phát sinh do phát hành cổ phiếu dưới mệnh giá. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết;

b) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm các thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý, tình hình triển khai dự án) và/hoặc mua tài sản (nêu thông tin về tài sản, chi phí mua dự kiến) và/hoặc góp vốn/mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp tại doanh nghiệp khác và/hoặc sử dụng để thanh toán các khoản nợ (nêu thông tin về chủ nợ, giá trị hợp đồng, mục đích vay nợ) và/hoặc bổ sung vốn lưu động;

c) Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải nêu rõ kế hoạch trả nợ gốc, lãi trái phiếu (trong đó nêu thời gian, nguồn trả nợ).

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu

	thành cổ phiếu, thực hiện quyền kèm theo chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. 3. Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền. 4. Giấy đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. 5. Tài liệu quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 26 Nghị định này.	
Điều 28. Phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế 1. Đối với công ty cổ phần: a) Đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền, phương án phát hành phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành trái phiếu thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. b) Đối với chào bán trái phiếu không	Điều 28. Phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế 1. Đối với công ty cổ phần: a) Đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền, phương án phát hành phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành trái phiếu thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. b) Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền, cấp	- Không quy định riêng nội dung này thành 01 Điều. - Nội hàm về thẩm quyền thông qua phương án phát hành trái phiếu đã được nêu tại từng loại điều kiện, hồ sơ chào bán; nguyên tắc phát hành tại khoản 4 Điều 5 Nghị định; việc trường hợp Điều lệ của công ty không quy định khác thì Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu

chuyển đổi không kèm chứng quyền, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu thực hiện theo Điều lệ của công ty. Trường hợp Điều lệ của công ty không quy định khác thì Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu. 2. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu là Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc chủ sở hữu công ty theo Điều lệ của công ty. 3. Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, phải tuân thủ quy định về việc huy động vốn quốc tế theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp. 4. Đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, ngoài thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3	eó thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu thực hiện theo Điều lệ của công ty. Trường hợp Điều lệ của công ty không quy định khác thì Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu. 2. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu là Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc chủ sở hữu công ty theo Điều lệ của công ty. 3. Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, phải tuân thủ quy định về việc huy động vốn quốc tế theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp. 4. Đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, ngoài thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	được quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định. -
---	--	--

	Điều này, thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành.		
	Mục 2. Công bố thông tin	Chương IV. Công bố, cung cấp thông tin ... Mục 2. Chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế	
31	Điều 29. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu 1. Doanh nghiệp thực hiện việc công bố thông tin theo quy định tại thị trường phát hành và quy định tại Nghị định này. ²⁶2. Chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. 3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 33 Nghị định này. Việc Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin của doanh	Điều 36. Nguyên tắc công bố, cung cấp thông tin 1. Doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin theo quy định tại thị trường phát hành và quy định tại Nghị định này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác, trung thực của thông tin công bố. 2. Việc Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành, không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp. Điều 37. Công bố thông tin trước đợt chào bán 1. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày tổ chức đợt chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin trước đợt chào	- Nội dung cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP. - Kết cấu thành 02 Điều để đảm bảo rõ ràng, 01 điều về nguyên tắc công bố thông tin và 01 điều về công bố thông tin trước đợt chào bán.

²⁶ SD, BS theo K18 Điều 1 NĐ 65

	ng nghiệp phát hành không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.	bán trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. 2. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 37 Nghị định này. Việc Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành, không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.	
32.	Điều 30. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu ²⁷1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phát hành gửi thông tin về kết quả chào bán đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. 1a. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.”	Điều 38. Công bố thông tin về kết quả chào bán 1. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. 2. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.	- Nội dung cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP. - Điều chỉnh thời hạn doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả đợt chào bán từ trong 05 ngày làm việc thành chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 129 Luật Doanh nghiệp 2020.

²⁷ SĐ, BS K1, BS K1a theo K19 Điều 1 NĐ 65

	2. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.	3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.	
33	Điều 31. Công bố thông tin định kỳ 1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ đến Sở Giao dịch Chứng khoán. a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng. b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm. ²⁸2. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và bao gồm các tài liệu sau: a) Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát	Điều 39. Công bố thông tin định kỳ, bất thường 1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi doanh nghiệp phát hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu và không còn dư nợ, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ đến Sở Giao dịch Chứng khoán: a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng; b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm; c) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày trái phiếu đã không còn dư nợ, doanh nghiệp công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán về việc đã thực hiện thanh toán đầy	- Nội dung cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP; - Sửa đổi tên điều thành “Công bố thông tin định kỳ, bất thường” để đảm bảo đầy đủ do nội dung điều có quy định về công bố thông tin bất thường; - Dẫn chiếu quy định tại Điều 34 - công bố thông tin bất thường tại thị trường trong nước.

²⁸ SĐ, BS theo K20 Điều 1 NĐ 65

hành trái phiếu đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán và báo cáo tài chính 06 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét phải được Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xác nhận số liệu. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm bao gồm cả báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ. b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu. c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ. d) Báo cáo về thông tin bất thường của doanh nghiệp phát hành (nếu có). đ) Báo cáo về mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền (nếu có). e) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu.” 3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo	đủ gốc, lãi trái phiếu. Doanh nghiệp không phải thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng và hàng năm theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này sau khi trái phiếu đã không còn dư nợ. 2. Nội dung công bố thông tin định kỳ bao gồm các tài liệu sau: a) Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán và báo cáo tài chính 06 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét phải được Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xác nhận số liệu. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm bao gồm cả báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ; b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu; c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ; d) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu. 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng	
--	--	--

quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.

4. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện sau:

- a) Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp;
- b) Chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố thông tin;
- c) Về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền (nếu có);
- d) Thông tin bất thường của doanh nghiệp phát hành (nếu có).

5. Nội dung công bố thông tin thực hiện quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này để tổng hợp,

		công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.	
	Chương IV. Chuyên trang thông tin và chế độ báo cáo doanh nghiệp	Chương V. Chuyên trang thông tin và chế độ báo cáo về trái phiếu doanh nghiệp	
34	²⁹Điều 32. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở giao dịch chứng khoán 1. Sở giao dịch chứng khoán có trách nhiệm: a) Tổng hợp thông tin trên cơ sở nội dung thông tin đã tiếp nhận của doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều này; b) Xây dựng, ban hành Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. 2. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp gồm các nội dung sau: a) Tình hình phát hành trái phiếu doanh	Điều 40. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán 1. Sở Giao dịch Chứng khoán có trách nhiệm: a) Tổng hợp thông tin trên cơ sở nội dung thông tin công bố của doanh nghiệp phát hành trái phiếu tổ chức phát hành trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp để thực hiện chế độ báo cáo của Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định này; b) Xây dựng, ban hành Quy chế tiếp nhận, giám sát chế độ công bố thông tin và báo cáo đối với tổ chức phát hành, tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành và quản lý vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. 2. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp gồm các nội dung sau:	- Nội dung cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.

²⁹ SD, BS theo K21 Điều 1 NĐ 65

ng nghiệp tại thị trường trong nước, bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành, một số chỉ tiêu tài chính (dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu), hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu, hệ số tổng dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu)/vốn chủ sở hữu, hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)), mã trái phiếu, đối tượng chào bán của từng mã trái phiếu, lãi suất phát hành, ngày phát hành, khối lượng, mệnh giá, ngày đáo hạn, báo cáo thanh toán gốc lãi trái phiếu, công bố thông tin bất thường, kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu thuộc các trường hợp phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định;

b) Tình hình phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành, ngày phát hành, khối lượng, mệnh giá, ngày đáo hạn, thị trường phát hành.

c) Tình hình chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, việc thực hiện quyền của chứng quyền, việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nếu có).

d) Thông tin khác theo thỏa thuận giữa Sở giao dịch chứng khoán và doanh

a) Tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại thị trường trong nước, bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành, một số chỉ tiêu tài chính (dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu), hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu, hệ số tổng dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu)/vốn chủ sở hữu, hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)), mã trái phiếu, đối tượng chào bán của từng mã trái phiếu, lãi suất phát hành, ngày phát hành, giá trị, mệnh giá, ngày đáo hạn, báo cáo thanh toán gốc lãi trái phiếu, công bố thông tin bất thường, kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu thuộc các trường hợp phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định;

b) Tình hình phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành, ngày phát hành, giá trị, mệnh giá, ngày đáo hạn, thị trường phát hành; tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nếu có);

c) Tình hình chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, việc thực hiện quyền của chứng quyền, việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nếu có);

	ngành phát hành để cung cấp cho đối tượng được tiếp nhận thông tin theo Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của Sở giao dịch chứng khoán. đ) Thông tin về các trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu, sử dụng vốn trái phiếu không đúng mục đích hoặc không thực hiện được các cam kết với nhà đầu tư và các trường hợp doanh nghiệp phát hành bắt buộc phải mua lại trái phiếu trước hạn theo báo cáo của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, đại diện người sở hữu trái phiếu và công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành. 3. Nhà đầu tư và doanh nghiệp phát hành trái phiếu được truy cập chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp để tìm hiểu thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp do Sở giao dịch chứng khoán ban hành.	d) Thông tin khác theo thỏa thuận giữa Sở giao dịch chứng khoán và doanh nghiệp phát hành để cung cấp cho đối tượng được tiếp nhận thông tin theo Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của Sở giao dịch chứng khoán; đ) Thông tin về các trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu, sử dụng vốn trái phiếu không đúng mục đích hoặc không thực hiện được các cam kết với nhà đầu tư và các trường hợp doanh nghiệp phát hành bắt buộc phải mua lại trái phiếu trước hạn theo báo cáo của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, đại diện người sở hữu trái phiếu và công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành. 3. Nhà đầu tư và doanh nghiệp phát hành trái phiếu được truy cập chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp để tìm hiểu thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp do Sở giao dịch chứng khoán ban hành.	
35	³⁰ Điều 33. Báo cáo của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, tổ chức	Điều 41. Báo cáo của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, tổ chức đấu thầu,	- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung

³⁰ SD, BS theo K22 Điều 1 NĐ 65

đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, đại diện người sở hữu trái phiếu, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam 1. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. 2. Đại diện người sở hữu trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán định kỳ hàng quý, hàng năm và báo cáo trong trường hợp phát hiện tổ chức phát hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của người sở hữu trái phiếu. 3. Tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Sở giao dịch chứng khoán. Riêng đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành, ngoài chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này, phải thực hiện chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 4. Chế độ báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán	bảo lãnh, đại lý phát hành, đại diện người sở hữu trái phiếu, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam 1. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. 2. Đại diện người sở hữu trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán định kỳ hàng quý, hàng năm và báo cáo trong trường hợp phát hiện tổ chức phát hành có hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến quyền lợi của người sở hữu trái phiếu. 3. Tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Sở giao dịch chứng khoán. Riêng đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành, ngoài chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này, phải thực hiện chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 4. Chế độ báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán: a) Sở giao dịch chứng khoán thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm	sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.
--	--	---

a) Sở giao dịch chứng khoán thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp gồm chào bán tại thị trường trong nước và chào bán ra thị trường quốc tế. b) Ngoài chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a khoản này, Sở giao dịch chứng khoán báo cáo đột xuất cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan quản lý. 5. Chế độ báo cáo của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam a) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, cơ cấu nhà đầu tư trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước. b) Ngoài chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a khoản này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam báo cáo đột xuất cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan quản lý. 6. Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán	cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp gồm chào bán tại thị trường trong nước và chào bán ra thị trường quốc tế; b) Ngoài chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a khoản này, Sở giao dịch chứng khoán báo cáo đột xuất cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan quản lý. 5. Chế độ báo cáo của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam a) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, cơ cấu nhà đầu tư trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước; b) Ngoài chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a khoản này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam báo cáo đột xuất cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan quản lý. 6. Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo của doanh nghiệp phát hành, tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, đại diện người sở hữu trái phiếu, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Điều này.	
--	---	--

	trái phiếu, đại diện người sở hữu trái phiếu, tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Điều này.		
	Chương V. Quản lý, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan	Chương VI. Quản lý, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan	Chương này được thiết kế lại theo hướng đưa trách nhiệm của tổ chức phát hành và tổ chức cung cấp dịch vụ vào các chương quy định trực tiếp về hoạt động của các tổ chức đó; tại chương này chỉ quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý, cơ quan, tổ chức có liên quan, gồm: SGDCK, VSDC, UBCKNN, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Sở Tài chính, cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các bộ, ngành có liên quan. Theo đó, dự thảo Nghị định phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ theo đúng đối tượng quản lý; đồng thời tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính địa phương) trong công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trên địa bàn theo nguyên tắc: mỗi cơ quan thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, không chồng

			chéo, trùng lặp; bảo đảm cơ chế phối hợp, chia sẻ và cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý. Cơ chế này giúp Bộ Tài chính có đủ thông tin để theo dõi, đánh giá tình hình thị trường TPDN và đề xuất, kiến nghị hoàn thiện chính sách.
36	Điều 34. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu 1. Tuân thủ quy định của Nghị định này về việc chào bán trái phiếu. 2. Phải quản lý, sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu theo đúng phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật. ³¹3. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu. Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, trường hợp doanh nghiệp phát hành không thể thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi trái phiếu bằng đồng Việt Nam theo phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, doanh nghiệp có thể đàm phán với người sở hữu trái phiếu để thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác	Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu 1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có trách nhiệm: a) Tuân thủ quy định của Nghị định này về việc chào bán trái phiếu; b) Quản lý, sử dụng vốn từ chào bán trái phiếu theo đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn từ chào bán trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận và theo quy định của pháp luật; c) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu; d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước nhà đầu tư về tính chính xác, trung thực, đầy đủ, hợp lệ của thông tin kê khai trong hồ sơ chào bán/đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, tài liệu công bố thông tin trước đợt chào	- Chuyển quy định tại Điều 7 - Chương I. Quy định chung do doanh nghiệp phát hành trái phiếu là chủ thể thực hiện và chịu trách nhiệm liên quan đến việc chào bán, không phải tổ chức có liên quan; - Chuyển quy định liên quan đến thanh toán gốc, lãi bằng tài sản khác tại Mục 5 Chương II - Thanh toán gốc, lãi trái phiếu.

³¹ SD, BS theo Điều 1 NĐ 08

theo các nguyên tắc sau: a) Tuân thủ quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đó. b) Phải được người sở hữu trái phiếu chấp thuận. c) Doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin bắt thường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình trạng pháp lý của tài sản sử dụng để thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo quy định của pháp luật. 4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ chào bán trái phiếu và các thông tin công bố; thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật. 5. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu không tuân thủ quy định tại Nghị định này tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.	bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và về việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán; có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến phương án phát hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp phát hành và của nhà đầu tư; đ) Doanh nghiệp phát hành phải mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này; e) Thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật; g) Tuân thủ các nghĩa vụ khác quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật.	
---	--	--

	³²6. Có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến phương án phát hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp phát hành và của nhà đầu tư. 7. Doanh nghiệp phát hành phải mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.		
37	³³Điều 35. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán 1. Tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán và quy định tại Điều 14 Nghị định này khi cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu. 2. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này. 3. Chịu sự quản lý, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy định của Nghị định này. Trường hợp vi phạm quy định của pháp luật khi cung cấp dịch vụ tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc truy cứu	Chuyển quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định	Kết cấu cùng trách nhiệm của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán tại khoản 5 Điều 12 Nghị định để đảm bảo tính đồng bộ, tránh việc có 02 điều khoản cùng quy định về một nội dung

³² BS khoản 6, 7 theo K23 Điều 1 ND 65

³³ SĐ theo K24 Điều 1 ND 65

	trách nhiệm hình sự.”		
38	³⁴Điều 36. Trách nhiệm của đại diện người sở hữu trái phiếu 1. Tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán và quy định tại Điều 14 Nghị định này khi cung cấp dịch vụ đại diện người sở hữu trái phiếu. 2. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này. 3. Chịu sự quản lý, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy định của Nghị định này. Trường hợp vi phạm quy định của pháp luật khi cung cấp dịch vụ tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.	Chuyên quy định tại khoản 6 Điều 12 Nghị định	Kết cấu cùng trách nhiệm của đại diện người sở hữu trái phiếu tại khoản 6 Điều 12 Nghị định để đảm bảo tính đồng bộ, tránh việc có 02 điều khoản cùng quy định về một nội dung
	³⁵Điều 37. Trách nhiệm của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành 1. Tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán và quy định tại Điều 14 Nghị định này khi cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành. 2. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.	Chuyên quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định	Kết cấu cùng trách nhiệm tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành tại khoản 4 Điều 12 Nghị định để đảm bảo tính đồng bộ, tránh việc có 02 điều khoản cùng quy định về một nội dung

³⁴ Sửa theo K 25 Điều 1 NĐ 65

³⁵ Sửa theo K 26 Điều 1 NĐ 65

	3. Trường hợp vi phạm quy định của pháp luật khi cung cấp dịch vụ tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.		
39	Điều 38. Trách nhiệm của Sở giao dịch chứng khoán 1. Tổng hợp thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp để công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này. 2. Tổ chức và giám sát việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. ³⁶3. Quản lý, giám sát việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn chế độ công bố thông tin và báo cáo đối với doanh nghiệp phát hành, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. 4. Trường hợp phát hiện có sai phạm	Điều 42. Trách nhiệm của Sở giao dịch chứng khoán 1. Tổng hợp thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp để công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. 2. Tổ chức và giám sát việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. 3. Quản lý, giám sát việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn chế độ công bố thông tin và báo cáo đối với doanh nghiệp phát hành, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. 4. Trường hợp phát hiện có sai phạm trong việc thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo và giao dịch trái phiếu doanh	- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP; - Bổ sung trách nhiệm của Sở GDCK trong việc cung cấp thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và quy định của Nghị định này

³⁶ Sửa theo K 27 Điều 1 NĐ 65

	trong việc thực hiện chế độ công bố thông tin; báo cáo và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán, có văn bản yêu cầu doanh nghiệp phát hành và cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin hoặc báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý tùy theo mức độ vi phạm. 5. Ban hành Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp; Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.	ng nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán, có văn bản yêu cầu doanh nghiệp phát hành và cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin hoặc báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý tùy theo mức độ vi phạm. 5. Cung cấp thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và quy định của Nghị định này. 6. Ban hành Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp; Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sau khi có ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	
40	³⁷Điều 38a. Trách nhiệm của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam 1. Tuân thủ quy định về việc đăng ký, lưu ký trái phiếu, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chứng khoán. 2. Giám sát hoạt động đăng ký, lưu ký và thanh toán giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật chứng khoán,	Điều 43. Trách nhiệm của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam 1. Tuân thủ quy định về việc đăng ký, lưu ký trái phiếu, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chứng khoán. 2. Giám sát doanh nghiệp phát hành, thành viên lưu ký trong việc tuân thủ quy định về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái	- Kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.

³⁷ BS theo K28 Điều 1 NĐ65

	trong đó bao gồm việc thành viên lưu ký cung cấp dịch vụ theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. 3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này. 4. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, có văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin hoặc báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý theo mức độ vi phạm. 5. Ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký và thanh toán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.”	phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật chứng khoán, Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. 3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này. 4. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, có văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin hoặc báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý theo mức độ vi phạm. 5. Ban hành các Quy chế về đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sau khi có ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	
41	³⁸Điều 39. Trách nhiệm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước 1. Cho ý kiến về việc chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại thị trường trong nước; cho ý kiến về việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định tại Nghị	Điều 44. Trách nhiệm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước 1. Có ý kiến về việc chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại thị trường trong nước; có ý kiến về việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng	- Kế thừa quy định tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.

³⁸ SD theo K29 Điều 1 NĐ65

định này và quy định của pháp luật chứng khoán.

2. Có ý kiến chấp thuận Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp, Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, Quy chế đăng ký, lưu ký và thanh toán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của Nghị định này.

3. Quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh chứng khoán và việc cung cấp dịch vụ về chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán, trong đó bao gồm việc cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán, cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành theo quy định tại Nghị định này; quản lý, giám sát Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong việc đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu trái phiếu; quản lý, giám sát Sở giao dịch chứng khoán trong việc thực hiện công bố thông tin, chế độ báo cáo và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy định tại Nghị định này.

4. Trên cơ sở quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán, báo cáo giám sát của Sở giao dịch chứng khoán và Tổng

khoán.2. Có ý kiến đối với Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán theo quy định tại khoản 6 Điều 37 và khoản 5 Điều 38 Nghị định này.3. Quản lý, giám sát việc thực hiện đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; việc thực hiện công bố thông tin, chế độ báo cáo và tổ chức giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Nghị định này; Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm thì thực hiện thanh tra, kiểm tra Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Trên cơ sở quản lý, giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty chứng khoán, báo cáo giám sát của Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận và xử lý các vi phạm trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này; kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản

	công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; báo cáo của đại diện người sở hữu trái phiếu, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận và xử lý các vi phạm trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm thì thực hiện thanh tra, kiểm tra Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, các tổ chức cung cấp dịch vụ và doanh nghiệp phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.	lý quỹ đầu tư chứng khoán, hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty chứng khoán.	
42	Điều 40. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1. Hướng dẫn việc chào bán trái phiếu của tổ chức tín dụng, hoạt động mua bán trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng. ³⁹2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức tín dụng huy động vốn từ phát hành trái phiếu; cấp phép cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp; giám sát việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung	Điều 45. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1. Hướng dẫn việc chào bán trái phiếu của tổ chức tín dụng, hoạt động mua bán trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng. 2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức tín dụng huy động vốn từ phát hành trái phiếu; cấp phép cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của Nghị định này và pháp luật về tổ chức tín dụng; giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến	- Kế thừa quy định tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP. - Bổ sung thêm trách nhiệm quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy định tại Nghị định này của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

³⁹ SD theo K30 Điều 1 ND65

	cấp dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu và việc các tổ chức này cam kết mua lại trái phiếu của doanh nghiệp khác theo quy định của <u>Luật Các tổ chức tín dụng</u> và các văn bản hướng dẫn. 3. Phối hợp với Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) trong việc kiểm tra, giám sát tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ đấu thầu, đại lý phát hành trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan. 4. Thực hiện quản lý nhà nước về ngoại hối và vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.	chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và việc các tổ chức này cam kết mua lại trái phiếu của doanh nghiệp khác theo quy định của <u>Luật Các tổ chức tín dụng</u> và các văn bản hướng dẫn; xử lý các hành vi vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này. 3. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc kiểm tra, giám sát tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn. 4. Thực hiện quản lý nhà nước về ngoại hối và vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.	
42		Điều 42. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1. Hướng dẫn việc chào bán trái phiếu của tổ chức tín dụng, hoạt động mua bán trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng. 2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức tín dụng huy động vốn từ phát hành trái phiếu; cấp phép cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh	- Bổ sung trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

		ngành riêng lẻ theo quy định của pháp luật về hoạt động của các tổ chức tín dụng; giám sát việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ được cấp phép và việc các tổ chức này cam kết mua lại trái phiếu của doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn. 3. Phối hợp với Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) trong việc kiểm tra, giám sát tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn. 4. Thực hiện quản lý nhà nước về ngoại hối và vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.	
43	Điều 41. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác 1. Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, chủ sở hữu công ty có trách nhiệm: a) Phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều lệ của công ty, quy định tại Nghị	Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu ... ⁴⁰2. Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, chủ sở hữu doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm: a) Phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều lệ	Chuyển quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu (bao gồm cả trách nhiệm của HĐQT, ĐHĐCĐ, Chủ tịch công ty, Chủ sở hữu doanh nghiệp, Cơ quan đại diện chủ sở hữu) từ Chương VI - Quản lý, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan của NB 153 lên quy định tại Điều 7 Chương I do đây là các đối tượng

⁴⁰ Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu

định này và quy định của pháp luật doanh nghiệp. b) Giám sát việc huy động, sử dụng vốn phát hành trái phiếu, thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và Điều lệ công ty. 2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước, quản lý, giám sát việc huy động và sử dụng vốn phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.	của công ty, quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật doanh nghiệp; b) Có biện pháp quản lý, giám sát việc huy động, sử dụng vốn từ chào bán trái phiếu, thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này và Điều lệ công ty. 3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước, quản lý, giám sát việc huy động và sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.	chịu trách nhiệm chính trong hoạt động chào bán TPDNRL, không phải là đối tượng có liên quan
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đăng ký kinh doanh phối hợp, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi Bộ Tài chính có yêu cầu. 4. Các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp kiểm tra, giám sát việc chào bán, giao dịch và cung cấp dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.	Chuyển quy định chung tại Điều 48	

44	⁴¹Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Tài chính 1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc công bố thông tin, việc cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Nghị định này. 2. Tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này để kiến nghị Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi cơ chế chính sách. 3. Quản lý, giám sát tổ chức kiểm toán, doanh nghiệp thẩm định giá khi cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về kiểm toán và pháp luật về giá	Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Tài chính 1. Hướng dẫn việc công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; việc đăng ký, lưu ký, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước. 2. Quản lý, giám sát tổ chức kiểm toán, doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức xếp hạng tín nhiệm khi cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về kiểm toán, pháp luật về giá, pháp luật về xếp hạng tín nhiệm. 3. Tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này, đề xuất, kiến nghị Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi cơ chế chính sách đảm bảo thị trường trái phiếu doanh nghiệp hoạt động minh bạch và ổn định.	- Kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.
	Không quy định	Điều 47. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, và bộ ngành liên quan 1. Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tiếp nhận thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm (i) thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ trong phạm vi địa phương theo quy định tại Nghị định này và pháp luật doanh nghiệp; (ii) có trách nhiệm thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về

⁴¹ SĐ theo K32 Điều 1 ND65

phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong phạm vi địa phương, báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính, cập nhật vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; kiểm tra hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn theo phân công, phân cấp của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, xử lý các hành vi vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định tại Nghị định này có yêu cầu.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ trong

TPDN riêng lẻ trong phạm vi địa phương; (iii) thanh tra, kiểm tra hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn, (iv) xử lý các vi phạm về chào bán TPDN riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này. Quy định này phù hợp với trách nhiệm của UBND cấp tỉnh tại Luật Doanh nghiệp sửa đổi. Đồng thời, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP quy định UBND cấp tỉnh có trách nhiệm “*đôn đốc, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; tổng hợp tình hình quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trong phạm vi địa phương*”.

Để triển khai cơ chế này, Nghị định bổ sung quy định trách nhiệm của Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (i) tiếp nhận thông báo về việc chào bán TPDN riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành TPDN riêng lẻ trong phạm vi địa phương, (ii) báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Ủy ban Nhân dân

	phạm vi địa phương theo quy định tại Nghị định này và pháp luật doanh nghiệp; có trách nhiệm thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong phạm vi địa phương; thanh tra, kiểm tra hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn, xử lý các vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm được thông báo cho Bộ Tài chính theo định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 3 năm liền kề để Bộ Tài chính tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này. Mẫu biểu, hình thức, phương thức gửi báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. 3. Các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp kiểm tra, giám sát việc chào bán, giao dịch và cung cấp dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.	cấp tỉnh, Bộ Tài chính, (iii) cập nhật vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về TPDN riêng lẻ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; (iv) kiểm tra hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn theo phân công, phân cấp của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh; (v) xử lý các hành vi vi phạm về chào bán TPDN riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định tại Nghị định này có yêu cầu.
	Chương VII. Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại	Quy định mới Chương VII đối với các nội dung về xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại để

			đảm bảo rõ ràng, dễ áp dụng.
	Không quy định	Điều 48. Xử lý vi phạm 1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan. Điều 49. Giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại 1. Trường hợp quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ bị xâm phạm hoặc có tranh chấp phát sinh trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước thì việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp hoặc giải quyết tranh chấp được thực hiện thông qua thương lượng, hòa giải hoặc yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật. 2. Chủ thể xâm phạm quyền, lợi ích hợp	

		pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, thực hiện các trách nhiệm dân sự khác theo thỏa thuận, theo quy định của Bộ luật Dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan. 3. Thẩm quyền, thủ tục để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được thực hiện theo quy định của pháp luật.	
	Chương VI. Điều khoản thi hành	Chương VIII. Điều khoản thi hành	
45	Điều 43. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. 2. Nghị định này thay thế Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.	Điều 50. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trừ nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định này có hiệu lực thi hành từ 01 tháng 07 năm 2025. 3. Các Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (sau đây gọi là Nghị định số 153/2020/NĐ-CP), Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số	- Quy định về hiệu lực thi hành của Nghị định từ ngày 01/01/2026 theo thời điểm hiệu lực của Luật sửa đổi Luật Chứng khoán đối với nội dung về TPDN riêng lẻ (khoản 1 Điều 11 Luật sửa đổi Luật Chứng khoán). Riêng đối với quy định về nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu, doanh nghiệp phải thực hiện theo quy định của Luật số 76/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/07/2025

		điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (sau đây gọi là Nghị định số 65/2022/NĐ-CP) và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 5 tháng 3 năm 2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	
46	Điều 44. Điều khoản chuyển tiếp 1. Các quy định tại Nghị định này đối với Tổng công ty Lưu ký và Bảo chứng khoán Việt Nam do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện cho đến khi Tổng công ty Lưu ký và Bảo chứng khoán Việt Nam chính thức hoạt động theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14. 2. Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành: a) Tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về	Điều 51. Điều khoản chuyển tiếp 1. Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành và còn dư nợ đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành: a) Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. b) Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước khi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu có trách nhiệm tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP cho đến	- Luật số 56/2024/QH15 quy định trái phiếu phát hành trước 01/01/2026 tiếp tục thực hiện theo Luật Chứng khoán 2019, trên cơ sở, dự thảo Nghị định quy định: + Đối với TPDNRL phát hành trước Luật Chứng khoán năm 2019, tổ chức lưu ký trái phiếu tiếp tục báo cáo cho Sở GDCK Hà Nội về tình hình lưu ký trái phiếu cho đến khi trái phiếu không còn dư nợ. + Đối với trái phiếu đã thay đổi điều kiện, điều khoản trước khi Nghị định số 65 có hiệu lực thi hành: cho phép kéo dài kỳ hạn của trái phiếu tối đa không

phát hành trái phiếu doanh nghiệp và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp cho đến khi trái phiếu đáo hạn, ngoại trừ chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ theo quy định tại điểm b khoản này. b) Chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ thực hiện theo quy định tại Nghị định này cho đến khi trái phiếu đáo hạn. c) Doanh nghiệp không được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu tại phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt.	khí không còn thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu theo các trường hợp quy định tại khoản điểm b khoản 3 Điều này. 2. Việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu phát hành trước ngày Nghị định số 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 16 tháng 9 năm 2022) phải đảm bảo các nguyên tắc sau: a) Tuân thủ quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định này; b) Trường hợp kéo dài kỳ hạn của trái phiếu thì thời gian kéo dài tối đa không quá 02 năm so với kỳ hạn tại phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư; c) Trường hợp người sở hữu trái phiếu không chấp thuận thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu thì doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đàm phán để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Trường hợp có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận phương án đàm phán thì doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư (kể cả trường hợp việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu trở lên chấp thuận). 3. Về đăng ký, lưu ký, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu a) Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành từ	quá 02 năm so với kỳ hạn tại phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư; trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận thì doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu. + Đối với TPDNRL đã đăng ký, lưu ký, giao dịch, chuyển nhượng trước khi Nghị định số 153 có hiệu lực thi hành: (i) trái phiếu chỉ được chuyển nhượng cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại Khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán năm 2019 (ii) bắt buộc lưu ký tập trung tại VSDC đối với trái phiếu có kỳ hạn còn lại từ 6 tháng trở lên tính từ thời điểm dự thảo Nghị định có hiệu lực thi hành; đối với trái phiếu có kỳ hạn còn lại dưới 6 tháng tính từ thời điểm dự thảo Nghị định có hiệu lực thi hành, việc giao dịch thực hiện tại tổ chức lưu ký, tổ chức lưu ký có trách nhiệm xác định đối tượng được giao dịch trái phiếu.
--	--	--

	ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và còn dư nợ đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành: tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn cho đến khi tổ chức phát hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi của trái phiếu; b) Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 và còn dư nợ đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành: - Chỉ được giao dịch, chuyển nhượng cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán; - Đối với trái phiếu có kỳ hạn còn lại từ 6 tháng trở lên tính từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực phải thực hiện đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch theo quy định tại Nghị định này trong vòng 3 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; - Đối với trái phiếu đang trong thời gian thực hiện đăng ký giao dịch và trái phiếu có kỳ hạn còn lại dưới 6 tháng tính từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực: việc giao dịch, chuyển nhượng được thực hiện tại tổ chức lưu ký trái phiếu. Tổ chức lưu ký trái phiếu chịu trách nhiệm trong việc xác định trái phiếu được giao dịch, chuyển nhượng	
--	---	--

		theo đúng quy định của pháp luật.	
47.	Điều 45. Trách nhiệm thi hành Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp phát hành trái phiếu chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	Điều 52. Tổ chức thực hiện 1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó. 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp phát hành trái phiếu và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP). Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh

Ngày 31/12/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (Nghị định số 153/2020/NĐ-CP), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 (thay thế Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 09/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP). Ngày 16/9/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 65/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành từ ngày 16/9/2022 (Nghị định số 65/2022/NĐ-CP). Ngày 05/3/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, có hiệu lực từ ngày 05/3/2023 (Nghị định số 08/2023/NĐ-CP).

Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và 02 Nghị định sửa đổi, bổ sung có vai trò quan trọng trong tạo khung pháp lý ngày càng hoàn thiện cho hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL).

Để tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của thị trường TPDNRL, Bộ Tài chính đã tham mưu trình Chính phủ báo cáo Quốc hội ban hành Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số Luật, bao gồm sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (Luật sửa đổi Luật Chứng khoán), Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp (Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp). Tại Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến TPDNRL gồm: (i) Bổ sung điều kiện chào bán TPDN riêng lẻ là cá nhân phải có xếp hạng tín nhiệm và tài sản đảm/bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng (ii) Tăng cường trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến hồ sơ chào bán TPDN riêng lẻ. Tại Luật sửa Luật Doanh nghiệp đã sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến TPDN riêng lẻ gồm: (i) Quy định về nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mua TPDN riêng lẻ áp dụng theo quy định của pháp luật chứng khoán, (ii) Quy định về tỷ lệ vốn vay so với vốn chủ sở hữu đối với điều kiện phát hành (ngoại trừ một số loại hình doanh nghiệp).

Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp đã có một số quy định mới về phát hành TPDN riêng lẻ, theo đó cần thiết phải xây dựng Nghị định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và TPDN ra thị trường quốc tế để hướng dẫn quy định của hai Luật và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong giai đoạn hiện nay.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về yêu cầu đánh giá việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành văn bản mới, Bộ Tài chính đã chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức tổng kết, đánh giá việc thi hành Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ((được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP) với các nội dung trọng tâm sau:

- Tổ chức khảo sát, thu thập ý kiến từ các cơ quan, đơn vị, các thành viên của thị trường TPDNRL; thống kê số liệu về tình hình hoạt động của thị trường TPDNRL từ năm 2021 đến thời điểm xây dựng báo cáo.

- Đánh giá những kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc và bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị định nêu trên; rà soát chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ đối với thị trường TPDNRL, yêu cầu phát triển đối với thị trường, thực tiễn hoạt động để đề xuất phương hướng sửa đổi, bổ sung nghị định để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, tăng cường hiệu quả hoạt động của thị trường TPDNRL theo đúng định hướng của Đảng, Nhà nước, Chính phủ. Công tác tổng kết được hoàn tất vào thời điểm xây dựng hồ sơ Nghị định, bảo đảm căn cứ thực tiễn và cơ sở lý luận để xây

dự thảo Nghị định phù hợp với tình hình phát triển của thị trường TPDNRL trong giai đoạn mới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

- Triển khai Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư hướng dẫn về chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch TPDNRL và hoạt động đăng ký, lưu ký, thanh toán, giao dịch TPDNRL. Đồng thời, theo nhiệm vụ được giao tại Nghị định, Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) Việt Nam (VNX) và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) đã ban hành các Quy chế để triển khai hoạt động thị trường bao gồm: (i) Quy chế vận hành chuyên trang thông tin về TPDNRL, (ii) Quy chế thành viên giao dịch TPDNRL, (iii) Quy chế giao dịch TPDNRL trên hệ thống giao dịch tại SGDCK Hà Nội (HNX); (iv) Quy chế đăng ký, lưu ký và thanh toán giao dịch TPDNRL... Theo đó, khuôn khổ pháp lý và cơ chế chính sách cho hoạt động của thị trường TPDNRL đã từng bước được ban hành từ Luật, Nghị định đến Thông tư và các Quy chế của VNX, VSDC.

- Ngay sau khi các Nghị định và Thông tư được ban hành, Bộ Tài chính đã thực hiện công bố, tuyên truyền phổ biến pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính, tổ chức hội nghị tập huấn chính sách; liên tục có các bài báo, trả lời phỏng vấn nhằm tuyên truyền, phổ biến các chính sách về chào bán và giao dịch TPDNRL.

- Trên cơ sở đánh giá tình hình thực thi pháp luật, Bộ Tài chính đã tham mưu trình Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số Luật, trong đó đã sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến đối tượng tham gia đầu tư và tổ chức cung cấp dịch vụ về TPDNRL theo hướng chỉ cho phép nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân tham gia mua TPDNRL có xếp hạng tín nhiệm và tài sản đảm/bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng và tăng cường trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến hồ sơ chào bán TPDN riêng lẻ. Đồng thời, Bộ Tài chính đã tham mưu trình Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp (Luật số 76/2025/QH15), trong đó đã sửa đổi các quy định về TPDNRL gồm: bổ sung điều kiện về tỷ lệ an toàn vốn khi chào bán TPDN riêng lẻ; quy định đối tượng mua, giao dịch, chuyển nhượng TPDNRL theo pháp luật chứng khoán để đảm bảo thống nhất quy định về đối tượng tham gia đầu tư TPDNRL.

2. Kết quả thi hành

2.1. Thực trạng hoạt động của thị trường TPDNRL

Theo số liệu thống kê của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho thấy:

Trong giai đoạn 2021 - 2024, khối lượng phát hành TPDNRL là 1,68 triệu tỷ đồng, trong đó năm 2021 là 605,9 nghìn tỷ đồng, năm 2022 là 337,1 nghìn tỷ đồng tương đương 55,6% khối lượng của năm 2021. Năm 2022 khối lượng phát hành TPDNRL sụt giảm do ảnh hưởng của thị trường tài chính quốc tế và trong nước, đã làm sụt giảm niềm tin của nhà đầu tư. Trước diễn biến của thị trường, Chính phủ đã chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp để ổn định thị trường, theo đó kể từ Quý II/2023 tình hình thị trường TPDNRL có dấu hiệu cải thiện, khối lượng phát hành TPDNRL năm 2023 là 296,8 nghìn tỷ đồng, đến năm 2024 tăng 1,48 lần là 437,9 nghìn tỷ đồng. Trong 10 tháng đầu năm 2025, có 386 đợt phát hành TPDNRL với khối lượng khoảng 441,7 nghìn tỷ đồng, gấp 1,4 lần so với cùng kỳ năm 2024. Việc các doanh nghiệp huy động vốn thông qua phát hành TPDNRL đã góp phần giảm áp lực cung ứng vốn của kênh tín dụng ngân hàng theo đúng chủ trương của Đảng, Chính phủ.

Về cơ cấu phát hành TPDNRL theo tổ chức phát hành, tại thời điểm 31/12/2024, khối lượng trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành chiếm 66% (tăng 9,7% so với cơ cấu cuối năm 2023 và tăng 19,8% so với năm 2021), doanh nghiệp bất động sản chiếm 22,4% (giảm 7,2% so với cơ cấu cuối năm 2023 và giảm 10,8% so với năm 2021), doanh nghiệp trong các lĩnh vực còn lại chiếm 11,6%. Trong 10 tháng đầu năm 2025, lớn nhất là các tổ chức tín dụng chiếm 66,3% (giảm 6,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2024 là 72,7%); tiếp theo là các doanh nghiệp bất động sản chiếm 26,1% (tăng 8,4 điểm phần trăm so với tỷ trọng phát hành của khối này so với cùng kỳ năm 2024 là 17,7%). Các tổ chức phát hành còn lại có tỷ trọng phát hành chiếm 7,6%.

Về cơ cấu nhà đầu tư mua TPDNRL trên thị trường sơ cấp, yrong năm 2024, nhà đầu tư chính mua TPDNRL là các nhà đầu tư tổ chức (chiếm 96% tổng giá trị phát hành, trong đó nhóm các tổ chức có tỷ trọng mua lớn nhất với 60,3% giá trị phát hành); các nhà đầu tư cá nhân mua 4,0% (giảm so với mức 7,8% cuối năm 2023). Trên thị trường thứ cấp, tính theo dư nợ tại thời điểm 31/12/2024, nhà đầu tư tổ chức nắm giữ 81,9%, nhà đầu tư cá nhân nắm giữ 18,1% (giảm 10,1% so với cuối năm 2023, và giảm 12,8% so với năm 2021). Trong 10 tháng đầu năm 2025, nhà đầu tư chính mua TPDNRL tiếp tục là các nhà đầu tư tổ chức (chiếm 96,3% tổng giá trị phát hành, trong đó nhóm các tổ chức tín dụng có tỷ trọng mua lớn nhất, chiếm 57% giá trị phát hành); các nhà đầu tư cá nhân mua 3,7% (so với mức 4,4% so với cùng kỳ năm 2024).

Về giao dịch TPDNRL trên hệ thống giao dịch, cùng với sự phát triển của thị trường TPDNRL, hệ thống giao dịch TPDNRL đi vào hoạt động từ ngày 19/07/2023 đã góp phần tiêu chuẩn hóa giao dịch TPDNRL. Tổng giá trị giao dịch trên hệ thống năm 2024 đạt khoảng 1 triệu tỷ đồng, giá trị giao dịch bình quân đạt khoảng 4,3 nghìn tỷ đồng/phiên; tổng giá trị giao dịch trên hệ thống 5 tháng đầu năm 2025 đạt khoảng 486,4 nghìn tỷ đồng, giá trị giao dịch bình quân phiên đạt khoảng 4,96 nghìn tỷ đồng/phiên. Tại cuối ngày 31/10/2025, có 1.440

mã trái phiếu của 264 tổ chức phát hành đang được ghi nhận trên hệ thống giao dịch TPDNRL của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với giá trị đạt gần 1,2 triệu tỷ đồng; tổng giá trị giao dịch trên hệ thống 10 tháng đầu năm 2025 đạt khoảng 1.109 nghìn tỷ đồng, giá trị giao dịch bình quân phiên đạt khoảng 5,4 nghìn tỷ đồng/phiên. Khối lượng lưu hành TPDNRL tính đến cuối ngày 31/10/2025 là 1,14 triệu tỷ đồng (khoảng 9,8% GDP năm 2024).

2.2. Đánh giá

a) Mặt được:

- Việc ban hành Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP cùng với các Thông tư hướng dẫn về công bố thông tin, về giao dịch (Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ công bố thông tin, chế độ báo cáo, được thay thế bởi Thông tư số 76/2024/TT-BTC; Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch TPDNRL) đã tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động chào bán, phát hành, giao dịch TPDNRL, góp phần thực thi cơ chế, chính sách, pháp luật về TPDNRL theo các mục tiêu chính sách đề ra.

- Kể từ khi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, thị trường TPDNRL dần trở thành một trong các kênh huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cơ chế hoạt động trên nguyên tắc tự phát hành, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành phù hợp với tính chất của TPDNRL là nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp phát hành với người mua (trái chủ).

- Việc ban hành các Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP đã từng bước hoàn thiện quy định về TPDNRL, giúp tăng cường bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia thị trường TPDNRL, tăng cường điều kiện, yêu cầu đối với hoạt động chào bán, sử dụng vốn huy động được thông qua yêu cầu báo cáo sử dụng vốn phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán có lợi ích công chúng; trái phiếu cũng được đưa vào giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư giao dịch, cũng như giúp nắm bắt thông tin về lưu chuyển của các trái phiếu còn dư nợ.

- Hệ thống pháp luật liên quan như pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp cũng tiếp tục được sửa đổi, bổ sung các quy định kiểm soát về đối tượng tham gia mua đối với mỗi loại trái phiếu, giúp giảm rủi ro cho nhà đầu tư cá nhân.

b) Tồn tại, bất cập:

Thị trường TPDNRL được hình thành, tạo nên một trong các kênh huy động vốn cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn các tồn tại, bất cập như:

- Hoạt động của thị trường TPDNRL dần ổn định, được kiểm soát chặt chẽ hơn với các quy định chặt chẽ về các hoạt động chào bán, giao dịch TPDNRL. Tuy nhiên, từ năm 2024 đến nay, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán đã có nhiều sửa đổi, bổ sung (Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi các Luật trong đó có Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp 2025, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Chứng khoán), Đảng và Nhà nước cũng đưa ra nhiều chủ trương, định hướng lớn về phát triển kinh tế. Trong khi đó, Nghị định về chào bán, giao dịch TPDNRL được xây dựng trên cơ sở tham chiếu các quy định pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán trước đây cần được rà soát, đánh giá để có sửa đổi, bổ sung kịp thời nhằm thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách mới, cũng như đảm bảo thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật.

- Các quy định về hoạt động chào bán, công bố thông tin, về quyền và nghĩa vụ các bên liên quan... cần rà soát, đánh giá để có điều chỉnh phù hợp hơn với xu hướng, thực tiễn thị trường. Việc doanh nghiệp thay đổi phương án sử dụng vốn nhằm tối ưu dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh khi chưa đến thời điểm giải ngân theo tiến độ là nhu cầu thực tiễn trong hoạt động doanh nghiệp nhưng chưa có quy định về việc thay đổi.

- Đối với các doanh nghiệp phát hành là chủ thể có nghĩa vụ chủ yếu trên thị trường, từ nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi, đến đảm bảo tuân thủ pháp luật trong mọi hoạt động liên quan đến TPDNRL thì cần làm rõ hơn trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu, của người đại diện theo pháp luật trong đảm bảo doanh nghiệp tuân thủ pháp luật, phải chịu trách nhiệm liên đới của người quản lý doanh nghiệp theo pháp luật doanh nghiệp để tăng cường trách nhiệm giám sát, đảm bảo doanh nghiệp thực hiện đúng pháp luật, thực hiện nghĩa vụ với nhà đầu tư, với các cơ quan, tổ chức liên quan.

- Điều kiện, hồ sơ chào bán trái phiếu không chuyên đổi, không kèm theo chứng quyền hiện đang mới chỉ phân tách điều kiện giữa doanh nghiệp thông thường với doanh nghiệp là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, trong khi công ty đại chúng là loại hình doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện nhất định, chịu sự quản lý giám sát của cơ quan quản lý chuyên ngành, phải thực hiện công bố thông tin và minh bạch, có thể quy định điều kiện chào bán khác với doanh nghiệp không phải đại chúng.

- Cơ chế kiểm soát, quản lý đối với thị trường TPDNRL cũng cần được điều chỉnh theo hướng vừa đảm bảo nguyên tắc tự phát hành, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành, vừa đảm bảo làm rõ hơn vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan phù hợp với tổ chức bộ máy chính quyền hiện nay theo hướng phân cấp, phân quyền quản lý, giám sát, kiểm soát, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm cho các cơ quan quản lý các tỉnh/thành để quản lý đối với doanh nghiệp ngay tại các địa phương.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Xuất phát từ cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xem xét ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 153/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 65/2022/NĐ-CP, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP là thực sự cần thiết. Nghị định sửa đổi phải đảm bảo phù hợp, thống nhất với pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan mới để đảm bảo tính thực thi, hiệu quả.

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá tình hình thi hành các Nghị định, Bộ Tài chính đề xuất xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 153/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 65/2022/NĐ-CP, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP./.

Nơi nhận:

- Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Lưu: VT, UBCK (06b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

Phụ lục
RÀ SOÁT CÁC CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Dự thảo Nghị định đã hoàn thiện các quy định về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ như sau: (1) Về nâng cao hiệu quả hoạt động thị trường trái phiếu, nâng cao chất lượng trái phiếu doanh nghiệp: (1) Sửa đổi quy định về tài sản đảm bảo (không cho phép sử dụng tài sản hình thành trong tương lai, cổ phiếu và trái phiếu là tài sản đảm bảo); (2) Nâng cao chất lượng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân (tăng thời gian nắm giữ danh mục); (3) Nâng cao chất lượng báo cáo tài chính trong hồ sơ chào bán, công bố thông tin trong trường hợp chào bán cho nhà đầu tư là cá nhân;	- Điểm 4 Phần V Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 tại Văn kiện Đại hội Đảng XIII định hướng trong giai đoạn 2021 - 2030, đề ra Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội: Tiếp tục rà soát, cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động các thị trường tài chính, chứng khoán, cổ phiếu, trái phiếu; quản lý chặt chẽ các tổ chức tham gia thị trường; bảo đảm tính thanh khoản cao và an toàn hệ thống.	Đã thể chế hóa đầy đủ	
	- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đề ra nhiệm vụ giải pháp, hoàn thiện quy định về trái phiếu doanh nghiệp để nâng cao chất lượng và mở rộng kênh huy động vốn ổn định, chi phí thấp cho kinh tế tư nhân.	Đã thể chế hóa đầy đủ	

(4) Quy định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ chào bán và việc chào bán TPDN riêng lẻ; (5) Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc quản lý, giám sát đối với TPDN phát hành riêng lẻ (Sở GDCK, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, UBCKNN, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, các bộ, ngành có liên quan, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở Tài chính). (II) Mở rộng kênh huy động vốn ổn định, chi phí thấp cho kinh tế tư nhân (1) Bãi bỏ việc yêu cầu nhà đầu tư chuyên nghiệp là tổ chức phải ký văn bản cam kết, chỉ yêu cầu nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân phải ký văn bản cam kết; (2) Bãi bỏ quy định về thành phần hồ sơ chào bán bao gồm giấy chứng nhận đăng ký giao dịch của VSDC, cho phép doanh nghiệp thực hiện đồng thời việc đăng ký trái phiếu và đăng ký giao dịch; (3) Bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp công bố báo cáo sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được để giảm bớt thủ tục và chi phí thực hiện kiểm toán; đồng thời thống nhất quản lý giữa phát hành TPDN ra công chúng và phát hành riêng lẻ.	- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, Thông báo số 108/TB-VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp về đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật; - Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; - Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra một trong các nhiệm vụ là “<i>xây dựng và hoàn thiện pháp luật về về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn</i>”; “<i>tạo cơ sở pháp lý để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các nguồn lực về vốn</i>”.	Đã thể chế hóa đầy đủ	
--	---	------------------------------	--

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<i>Nhóm nội dung quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo:</i> Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu 1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có trách nhiệm: a) Tuân thủ quy định của Nghị định này về việc chào bán trái phiếu; b) Sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn từ chào bán trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, nội dung công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư và theo quy định của pháp luật; c) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các	1. Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật doanh nghiệp): Điều 8. Nghĩa vụ của doanh nghiệp 1. Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. 2. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này. 3. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh	Các quy định tại dự thảo về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo liên quan đến TPDN chào bán riêng lẻ phù hợp với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật kiểm toán độc lập về nguyên tắc, quyền, nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân có liên quan khi thực hiện các hoạt động, cung cấp dịch vụ.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu; d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước nhà đầu tư về tính chính xác, trung thực, đầy đủ, hợp lệ của thông tin kê khai trong hồ sơ chào bán/đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, tài liệu công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và về việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán; có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến phương án phát hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp phát hành và của nhà đầu tư; đ) Doanh nghiệp phát hành phải mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này;	<i>ng nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.....</i> <i>6. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</i> 2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật chứng khoán) “Điều 11a. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo <i>1. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu báo cáo liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu báo cáo. Tổ chức, cá nhân tham gia xác nhận hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo đó. Hồ sơ, tài liệu báo cáo phải bảo đảm thông tin rõ ràng, không gây hiểu nhầm và có đầy đủ những nội dung quan trọng ảnh hưởng đến quyết định của cơ quan, tổ chức và nhà đầu tư.</i>		

e) Thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật; g) Tuân thủ các nghĩa vụ khác quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật. 2. Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, chủ sở hữu doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm: a) Phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều lệ của công ty, quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật doanh nghiệp; b) Theo dõi, quản lý, giám sát việc huy động, sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, nội dung công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư; quản lý, giám sát việc thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này và Điều lệ công ty. 3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước, quản lý, giám sát việc huy động và sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu của	2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý, chấp thuận hồ sơ, tài liệu báo cáo xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, tài liệu báo cáo trên cơ sở hồ sơ, tài liệu báo cáo được cung cấp; không chịu trách nhiệm về những vi phạm của tổ chức, cá nhân xảy ra trước và sau khi nộp hồ sơ, tài liệu báo cáo hợp lệ. Hồ sơ, tài liệu báo cáo hợp lệ là hồ sơ, tài liệu báo cáo có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật. 3. Tổ chức tư vấn hồ sơ, người hành nghề tham gia tư vấn hồ sơ có trách nhiệm sau đây: a) Tổ chức tư vấn hồ sơ và người hành nghề tham gia tư vấn hồ sơ phải trung thực, cẩn trọng và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động tư vấn hồ sơ; b) Tổ chức tư vấn hồ sơ có trách nhiệm rà soát, kiểm tra các thông tin trong hồ sơ, bảo đảm việc phân tích, đánh giá được thực hiện hợp lý và cẩn trọng trên cơ sở các thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi tư vấn liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo. 4. Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập; tuân thủ chuẩn mực kiểm toán khi kiểm toán báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm đối với		
--	--	--	--

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo 1. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu báo cáo. Tổ chức, cá nhân tham gia xác nhận hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo đó. Hồ sơ, tài liệu báo cáo phải bảo đảm thông tin rõ ràng, không gây hiểu nhầm và có đầy đủ những nội dung quan trọng ảnh hưởng đến quyết định của cơ quan, tổ chức và nhà đầu tư. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyên đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, hồ sơ đề	<i>ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các báo cáo, số liệu được kiểm toán; tuân thủ chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ đảm bảo; chịu trách nhiệm về việc đưa ra ý kiến về tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.”</i> 2. Luật kiểm toán độc lập - Khoản 1 Điều 6 Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 quy định: <i>“Chuẩn mực kiểm toán là những quy định và hướng dẫn về yêu cầu, nguyên tắc, thủ tục kiểm toán và xử lý các mối quan hệ phát sinh trong hoạt động kiểm toán mà thành viên tham gia cuộc kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải tuân thủ.”;</i> - Điều 8 Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 quy định nguyên tắc kiểm toán: <i>“1. Tuân thủ pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nghề nghiệp và báo cáo kiểm toán.</i> <i>2. Tuân thủ chuẩn mực kiểm toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam; đối với công việc kiểm toán theo hợp đồng kiểm</i>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
ngiht việc đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hồ sơ đăng ký trái phiếu, đăng ký giao dịch trái phiếu xem xét tính hợp lệ của hồ sơ trên cơ sở hồ sơ được cung cấp; không chịu trách nhiệm về những vi phạm của tổ chức, cá nhân xảy ra trước và sau khi nộp hồ sơ hợp lệ. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ, tài liệu báo cáo có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật. 3. Tổ chức tư vấn hồ sơ thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành và có trách nhiệm sau: a) Trung thực, cẩn trọng và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động tư vấn hồ sơ; b) Có trách nhiệm rà soát, kiểm tra các thông tin trong hồ sơ, bảo đảm việc phân tích, đánh giá được thực hiện hợp lý và cẩn trọng trên cơ sở các thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp, phải chịu trách	<i>toán mà yêu cầu áp dụng chuẩn mực kiểm toán khác thì phải tuân thủ chuẩn mực kiểm toán đó.</i> <i>3. Độc lập, trung thực, khách quan.</i> <i>4. Bảo mật thông tin.”</i> - Điều 13 Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 quy định các hành vi bị nghiêm cấm, trong đó: <i>“i) Thông đồng, móc nối với đơn vị được kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán;</i> <i>k) Giả mạo, khai man hồ sơ kiểm toán”;</i> - Khoản 1 Điều 40 Luật Kiểm toán độc lập 2011 quy định về phạm vi hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam gồm: <i>“a) Các dịch vụ kiểm toán, gồm kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, kiểm toán báo cáo tài chính vì mục đích thuê và công việc kiểm toán khác; b) Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính, thông tin tài chính và dịch vụ bảo đảm khác.”;</i>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
nhiệm trước pháp luật trong phạm vi tư vấn liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo. 4. Tổ chức đại lý phát hành thực hiện phân phối theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành và có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động phân phối trái phiếu. 5. Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đủ điều kiện, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập; tuân thủ chuẩn mực kiểm toán khi kiểm toán báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm đối với ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các báo cáo, số liệu được kiểm toán; tuân thủ chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ đảm bảo. 6. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm, doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm, doanh nghiệp thẩm định giá, người ký báo cáo kết quả xếp hạng tín	- Ngoài ra tại Chương 5 Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 đã có quy định cụ thể về hoạt động kiểm toán độc lập.		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
nhiệm, người lý chứng thư thẩm định giá có trách nhiệm: a) Bảo đảm độc lập, khách quan, trung thực, minh bạch khi cung cấp dịch vụ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi cung cấp dịch vụ; b) Bảo đảm việc phân tích, nhận định, đưa ra đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm, kết quả thẩm định giá được thực hiện hợp lý và cân trọng trên cơ sở thu thập thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp và trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật về xếp hạng tín nhiệm, thẩm định giá, pháp luật có liên quan và quy định tại Nghị định này. 7. Việc nộp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này được thực hiện thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
này thì thông tin về danh tính điện tử, thông tin tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử có giá trị chứng minh tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính.			
Quy định về nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu: Điều 9. Nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ 1. Đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ: a) Đối với trái phiếu không chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu không kèm chứng quyền riêng lẻ: đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; b) Đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ: đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển	<i>Luật chứng khoán:</i> <i>- Điều 11. Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp</i> <i>1. Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là nhà đầu tư có năng lực tài chính hoặc có trình độ chuyên môn về chứng khoán bao gồm:</i> <i>a) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức tài chính quốc tế, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức tài chính nhà nước được mua chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;</i>	Nội dung này phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp, thống nhất với quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán. Theo đó, Luật Chứng khoán quy định về nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và giao Chính phủ hướng dẫn; Điều 31 Luật Chứng khoán quy định đối	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
nhượng trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược; c) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại điểm a và điểm b khoản này; d) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của công ty đại chúng. Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu	<i>b) Công ty có vốn điều lệ đã góp đạt trên 100 tỷ đồng hoặc tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;</i> <i>c) Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;</i> <i>d) Cá nhân nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị tối thiểu là 02 tỷ đồng theo xác nhận của công ty chứng khoán tại thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;</i> <i>đ) Cá nhân có thu nhập chịu thuế năm gần nhất tối thiểu là 01 tỷ đồng tính đến thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả;</i> <i>e) Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.</i> <i>1a. Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều này được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.</i>	tượng tham gia đợt chào bán, chuyển nhượng trái phiếu riêng lẻ (gồm cả trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ) của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. - Điều 128, Điều 129 Luật Doanh nghiệp quy định đối tượng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu riêng lẻ đối tượng tham gia đợt chào bán, chuyển nhượng trái phiếu	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
kèm chứng quyền riêng lẻ, trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong trường hợp trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm và có tài sản đảm bảo hoặc trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm và có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1b Điều 11 Luật Chứng khoán được bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15. Tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán phải bảo đảm thanh toán toàn bộ lãi, gốc của trái phiếu. Tài sản bảo đảm không bao gồm cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, phần vốn góp của chính doanh nghiệp phát hành; đ) Nhà đầu tư chiến lược tham gia mua,	<i>1b. Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều này được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thuộc một trong hai trường hợp sau đây:</i> <i>a) Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ có xếp hạng tín nhiệm và có tài sản bảo đảm đối với trái phiếu đó;</i> <i>b) Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ có xếp hạng tín nhiệm và có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng đối với trái phiếu đó.</i> <i>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</i> Điều 31. Chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán <i>1. Điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng bao gồm:</i> <i>b) Đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này đối với đợt chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định</i>	riêng lẻ (gồm cả trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ) của công ty không đại chúng thực hiện theo quy định pháp luật về chứng khoán.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại điểm b khoản này là nhà đầu tư do Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm. Số lượng nhà đầu tư chiến lược tham gia một đợt chào bán không quá 100 nhà đầu tư chiến lược. 2. Việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện như sau: a) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, ngoại trừ quy định tại điểm b khoản này; b) Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán để mua trái phiếu doanh nghiệp	tại khoản 1a và khoản 1b Điều 11 của Luật này đối với đợt chào bán trái phiếu kèm chứng quyền; c) Việc giao dịch, chuyển nhượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi chào bán riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền chào bán riêng lẻ bị hạn chế tối thiểu là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại điểm b khoản này hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật; 2. Điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm: b) Đối tượng tham gia đợt chào bán bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức. Trường hợp trái phiếu chào bán thuộc trường hợp quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1b Điều 11 của Luật này, đối tượng tham gia đợt chào bán bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
phát hành riêng lẻ phải đảm bảo danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch do nhà đầu tư nắm giữ có giá trị tối thiểu 02 tỷ đồng được xác định bằng giá trị thị trường bình quân theo ngày của danh mục chứng khoán trong thời gian tối thiểu 180 ngày liền kề trước ngày xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, không bao gồm giá trị vay giao dịch ký quỹ và giá trị chứng khoán thực hiện giao dịch mua bán lại. Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại điểm này có giá trị trong vòng 03 tháng kể từ ngày được xác nhận. 3. Tổ chức có trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu: a) Tổ chức có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và tài liệu xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; b) Doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chiến lược căn	chức và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân; c) Việc giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ chỉ được thực hiện giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 1a và khoản 1b Điều 11 của Luật này, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật; 3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này. 4. Điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm: a) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua phương án phát hành		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của doanh nghiệp phát hành về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định của pháp luật chứng khoán; c) Tổ chức xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu có trách nhiệm ký xác nhận vào văn bản xác nhận của nhà đầu tư trước khi mua trái phiếu theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu. 4. Trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu: a) Tiếp cận đầy đủ hồ sơ chào bán trái phiếu, nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành; hiểu rõ điều kiện, điều khoản trái phiếu và các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành trước khi quyết định mua và giao dịch trái phiếu; b) Hiểu rõ về các rủi ro phát sinh trong việc mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu; hiểu rõ và tuân thủ quy định về đối	và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng nhà đầu tư; b) Đáp ứng quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều này. 5. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu hiện có phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều này. 6. Chính phủ quy định chi tiết việc chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quy định tại Điều này và các trường hợp chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ khác của công ty đại chúng. - Luật doanh nghiệp Điều 128. Chào bán trái phiếu riêng lẻ 1. Công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng, các tổ chức khác và chào bán trái phiếu ra công		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
tượng nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quy định tại Nghị định này; c) Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch trái phiếu. Nhà nước không bảo đảm việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và các quyền khác cho nhà đầu tư mua trái phiếu; d) Trước khi mua trái phiếu (cả trên thị trường sơ cấp và thứ cấp), nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b, c khoản này và tự chịu trách nhiệm về quyết định mua trái phiếu của mình sau khi ký văn bản xác nhận. Văn bản xác nhận theo mẫu quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này phải được lưu trữ tại hồ sơ chào bán trái phiếu hoặc tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện	<i>chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</i> <i>2. Chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng là chào bán không thông qua phương tiện thông tin đại chúng cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và đáp ứng điều kiện về đối tượng mua trái phiếu riêng lẻ như sau:</i> <i>a) Nhà đầu tư chiến lược đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và trái phiếu kèm theo chứng quyền riêng lẻ;</i> <i>b) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu riêng lẻ thực hiện theo quy định pháp luật về chứng khoán.</i> - Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán: Điều 4. Xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp <i>1. Tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua chứng khoán khi thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, đăng ký lập quỹ thành viên hoặc ủy quyền</i>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật; d) Thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định tại Điều 22 Nghị định này; không được bán hoặc cùng góp vốn đầu tư trái phiếu dưới mọi hình thức với nhà đầu tư không thuộc đối tượng được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quy định tại Nghị định này. Việc mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành; e) Trường hợp bán trái phiếu trên thị trường thứ cấp, người bán trái phiếu phải cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu; g) Sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt khi thực hiện mua, bán,	<i>cho công ty chứng khoán thực hiện việc xác định. Trường hợp ủy quyền, tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải ký hợp đồng với công ty chứng khoán về việc xác định và lưu trữ tài liệu xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, trong đó quy định rõ quyền, trách nhiệm của các bên liên quan.</i> <i>2. Đối với chứng khoán phát hành riêng lẻ được giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch mua chứng khoán có trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trước khi thực hiện giao dịch. Đối với chứng khoán phát hành riêng lẻ chưa được giao dịch tập trung, tổ chức đăng ký, lưu ký có trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trước khi thực hiện chuyển quyền sở hữu.</i> <i>3. Trong thời hạn 01 năm kể từ thời điểm được công ty chứng khoán xác định là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư không phải thực hiện xác định lại tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khi tham gia mua chứng khoán chào bán riêng lẻ, chứng chỉ quỹ thành viên.</i>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. 5. Quyền lợi của nhà đầu tư mua trái phiếu a) Được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin đầy đủ, cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định này; b) Được doanh nghiệp phát hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn, thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu và các thỏa thuận với doanh nghiệp phát hành; c) Được yêu cầu doanh nghiệp phát hành mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này; d) Được yêu cầu người bán trái phiếu cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị định này khi mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp.	<i>4. Nhà đầu tư đã mua chứng khoán chào bán riêng lẻ, chứng chỉ quỹ thành viên không phải xác định lại tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khi thực hiện bán các chứng khoán đã mua.</i> <i>5. Tài liệu xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật.</i>		
Quy định về điều kiện chào bán TPDN riêng lẻ Điều 14. Điều kiện chào bán trái phiếu	Luật chứng khoán: <i>Điều 30. Chào bán chứng khoán riêng lẻ của tổ chức phát hành không phải là công ty đại chúng</i>	- Các quy định về đối tượng tham gia, phương án chào bán, khoảng cách giữa các	Hoàn thiện quy định về điều kiện đối với báo cáo tài

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán 1. Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền: a) Doanh nghiệp là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; b) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành và đến hạn thanh toán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có); trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn; c) Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành; d) Có nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành theo báo cáo tài chính năm quy định tại điểm e khoản này, ngoại trừ tổ chức	<i>Chào bán chứng khoán riêng lẻ của tổ chức phát hành không phải là công ty đại chúng thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.</i> Điều 31. Chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán <i>1. Điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng bao gồm:</i> <i>a) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí nhà đầu tư; số lượng cổ phiếu, giá chào bán cổ phiếu hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán cổ phiếu;</i> <i>b) Đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này đối với đợt chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 1a và khoản 1b Điều 11 của Luật này đối với đợt chào bán trái phiếu kèm chứng quyền;</i>	đợt chào bán, tỷ lệ an toàn tài chính, về hệ số nợ phải trả phù hợp với quy định của Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp; - Đối với quy định “Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện” tại điều kiện chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: Điểm b khoản 3 Điều 128 Luật doanh nghiệp quy định điều kiện: “Có báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm phát hành được kiểm	chính tại điểm b khoản 3 Điều 128 Luật doanh nghiệp.

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
phát hành là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, chỉ tiêu nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành), vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát; đ) Có phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 11 Nghị định này; e) Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này;	<i>c) Việc giao dịch, chuyển nhượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi chào bán riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền chào bán riêng lẻ bị hạn chế tối thiểu là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại điểm b khoản này hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật;</i> <i>d) Các đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải cách nhau ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán gần nhất;</i> <i>đ) Việc chào bán cổ phiếu, chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.</i> <i>2. Điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:</i>	toán;” mà không quy định rõ là tổ chức được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng. Tuy nhiên, Khoản 7 Điều 5 Luật kiểm toán độc lập quy định: “Đơn vị có lợi ích công chúng là doanh nghiệp, tổ chức mà tính chất và quy mô hoạt động có liên quan nhiều đến lợi ích của công chúng.”; Điều 53 Luật kiểm toán độc lập quy định các đơn vị có lợi ích công chúng gồm: tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng; tổ chức tài chính, doanh	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
g) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định này. 2. Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền: a) Doanh nghiệp là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; b) Đáp ứng điều kiện chào bán quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này; c) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định này (đối với trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định này (đối với trái phiếu kèm chứng quyền). 3. Đối với chào bán trái phiếu thành nhiều đợt, tổ chức tín dụng còn phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Có nhu cầu huy động vốn thành nhiều đợt phù hợp với mục đích phát hành trái	<i>a) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng nhà đầu tư;</i> <i>b) Đối tượng tham gia đợt chào bán bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức. Trường hợp trái phiếu chào bán thuộc trường hợp quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1b Điều 11 của Luật này, đối tượng tham gia đợt chào bán bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân;</i> <i>c) Việc giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ chỉ được thực hiện giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 1a và khoản 1b Điều 11 của Luật này, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật;</i> <i>d) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã chào bán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn;</i>	ng nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; công ty đại chúng, tổ chức phát hành, tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán; Doanh nghiệp, tổ chức khác có liên quan đến lợi ích của công chúng do tính chất, quy mô hoạt động của đơn vị đó theo quy định của pháp luật. Đối với các doanh nghiệp, tổ chức khác (không phải tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, bảo hiểm, công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán) khi thực hiện phát hành trái phiếu	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
phiếu được phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này; b) Có phương án phát hành trái phiếu trong đó dự kiến cụ thể về giá trị, thời điểm và kế hoạch sử dụng vốn của từng đợt chào bán; c) Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên. Điều 17. Điều kiện chào bán trái phiếu của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán 1. Điều kiện chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán. 2. Điều kiện chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng	<i>đ) Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;</i> <i>e) Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật (nếu có).</i> <i>3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này.</i> <i>4. Điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm:</i> <i>a) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng nhà đầu tư;</i> <i>b) Đáp ứng quy định tại các điểm b, c, đ và e khoản 2 Điều này.</i>	thì báo cáo tài chính là một tài liệu quan trọng để cung cấp các thông tin liên quan đến tổ chức phát hành để nhà đầu tư xem xét, quyết định đầu tư. Do tính chất, mức độ ảnh hưởng đến nhà đầu tư, cần quy định báo cáo tài chính của tổ chức phát hành TPDN phải được thực hiện bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận cho đơn vị có lợi ích công chúng. Quy định này cũng phù hợp, thống nhất với quy định về báo cáo tài chính tại điều kiện chào bán TPDN riêng lẻ của công ty đại chúng.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
quyền riêng lẻ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật Chứng khoán. 3. Điều kiện chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán; b) Đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phải cách ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành riêng lẻ gần nhất, bao gồm: chào bán cổ phiếu riêng lẻ; chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ; chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ; chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ	5. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu hiện có phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều này. 6. Chính phủ quy định chi tiết việc chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quy định tại Điều này và các trường hợp chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ khác của công ty đại chúng. - Luật doanh nghiệp: Điều 128. Chào bán trái phiếu riêng lẻ 1. Công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng, các tổ chức khác và chào bán trái phiếu ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 2. Chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng là chào bán không thông qua phương tiện thông tin đại chúng cho dưới		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng; phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ.	<i>100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và đáp ứng điều kiện về đối tượng mua trái phiếu riêng lẻ như sau:</i> <i>a) Nhà đầu tư chiến lược đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và trái phiếu kèm theo chứng quyền riêng lẻ;</i> <i>b) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu riêng lẻ thực hiện theo quy định pháp luật về chứng khoán.</i> <i>3. Công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng chào bán trái phiếu riêng lẻ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</i> <i>a) Công ty đã thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã chào bán và đã đến hạn thanh toán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn;</i> <i>b) Có báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm phát hành được kiểm toán;</i>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	c) Bảo đảm điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định pháp luật; c1) Có nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành theo báo cáo tài chính năm liền kề trước năm phát hành được kiểm toán; trừ tổ chức phát hành là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; d) Điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.		
Quy định về hồ sơ chào bán TPDN riêng lẻ: Hồ sơ chào bán TPDN riêng lẻ được quy định phù hợp theo loại hình trái phiếu và doanh nghiệp chào bán, gồm: - Điều 15 về Hồ sơ chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ	- Điều 129 Luật doanh nghiệp: 5. Căn cứ quy định của Luật này và Luật chứng khoán, Chính phủ quy định chi tiết về loại trái phiếu, hồ sơ, trình tự, thủ tục phát hành và giao dịch trái phiếu riêng lẻ; công bố thông tin; phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế. - Điều 31 Luật chứng khoán:	Quy định tại dự thảo Nghị định nhằm chi tiết nội dung được giao tại Luật chứng khoán và Luật doanh nghiệp. Thành phần hồ sơ được quy định đảm bảo phù hợp với	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
đầu tư chứng khoán - Điều 16 về Hồ sơ chào bán trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi, không kèm chứng quyền của công ty đại chúng - Điều 17 về Hồ sơ chào bán trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi, không kèm chứng quyền của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng	6. Chính phủ quy định chi tiết việc chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quy định tại Điều này và các trường hợp chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ khác của công ty đại chúng.	điều kiện chào bán TPDN tại dự thảo.	
Về trình tự, thủ tục chào bán TPDN riêng lẻ: <i>- Đối với doanh nghiệp không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ:</i> Điều 16. Trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu 1. Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 14 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.	- Luật doanh nghiệp: Điều 129. Trình tự, thủ tục chào bán và chuyển nhượng trái phiếu riêng lẻ 1. Công ty quyết định phương án chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định của Luật này. 2. Công ty công bố thông tin trước mỗi đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và thông báo đợt chào bán cho sở giao dịch chứng khoán ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu. 3. Công ty công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư đã mua trái phiếu và thông báo kết quả đợt chào bán đến sở giao dịch chứng	Phù hợp với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
2. Doanh nghiệp phát hành phải gửi thông báo bằng văn bản về việc chào bán trái phiếu đến Sở Tài chính (nơi đăng ký doanh nghiệp) theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Nghị định này, để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong phạm vi địa phương. - Chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán + Điều 18: 2. Trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: a) Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 14 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;	<i>khoản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trái phiếu.</i> <i>4. Trái phiếu phát hành riêng lẻ được chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư đáp ứng điều kiện về đối tượng mua trái phiếu riêng lẻ quy định tại khoản 2 Điều 128 của Luật này, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, phán quyết của Trọng tài có hiệu lực hoặc thừa kế theo quy định pháp luật.</i> <i>5. Căn cứ quy định của Luật này và Luật chứng khoán, Chính phủ quy định chi tiết về loại trái phiếu, hồ sơ, trình tự, thủ tục phát hành và giao dịch trái phiếu riêng lẻ; công bố thông tin; phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.</i> - Luật chứng khoán: + Điều 9. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước <i>1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là cơ quan thuộc Bộ Tài chính thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tổ chức thực thi pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</i>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
b) Doanh nghiệp phát hành phải gửi thông báo bằng văn bản về việc chào bán trái phiếu đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Nghị định này, để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. 3. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu (ngày bắt đầu đợt chào bán), doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và gửi bản công bố thông tin trước đợt chào bán cho Sở giao dịch chứng khoán để tổng hợp, báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này. Công bố thông tin trước đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín	c) <i>Cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề chứng khoán và giấy chứng nhận liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán; chấp thuận những thay đổi, đình chỉ, hủy bỏ liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</i> e) <i>Quản lý, giám sát hoạt động liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán của các tổ chức, cá nhân;</i> + Điều 31. Chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán 6. <i>Chính phủ quy định chi tiết việc chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quy định tại Điều này và các trường hợp chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ khác của công ty đại chúng.</i>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm). + Điều 20. Trình tự, thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán 1. Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ đăng ký chào bán theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. 2. Doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ đăng ký chào bán tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo cho doanh nghiệp phát hành về việc nhận được đầy đủ hồ sơ; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
3. Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán. 4. Doanh nghiệp phát hành phải cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 19 Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này. Văn bản xác nhận thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này và phải được doanh nghiệp phát hành lưu trữ cùng hồ sơ chào bán trái phiếu.... + Điều 29. Trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế 1. Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
26 Nghị định này; hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 28 Nghị định này. 2. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: a) Doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo nhận được hồ sơ và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được hồ sơ của doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; b) Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được hồ sơ, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Sở giao dịch chứng khoán theo Điều 37 Nghị định này và thực hiện chào bán trái phiếu theo quy định của thị trường phát hành; c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành báo cáo kết quả chào bán theo mẫu tại Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; d) Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại Điều 38 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành. 3. Trường hợp doanh nghiệp phát hành không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán theo Điều 37 Nghị định này, tổ chức chào bán trái phiếu theo quy định tại thị trường phát hành, thực hiện công bố thông tin			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
theo quy định tại Điều 38 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành.			
Về quản lý, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan: Trên cơ sở kế thừa các quy định về cơ chế quản lý giám sát hiện hành, để phù hợp với các quy định của pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung, nhằm tăng cường yêu cầu quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp phát hành và thực hiện định hướng phân quyền, phân cấp, chương VI dự thảo quy định về quản lý, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan như sau: + Trách nhiệm của SGDCK: tiếp tục kế thừa quy định hiện hành đối với Sở GDCK trong việc tổ chức và giám sát việc giao dịch TPDN riêng lẻ; quản lý, giám sát việc thực hiện chế độ công bố thông tin và báo cáo đối với doanh nghiệp phát hành, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành;... Bên cạnh đó, dự thảo bổ	- Luật chứng khoán: + Điều 9. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước <i>1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là cơ quan thuộc Bộ Tài chính thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tổ chức thực thi pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</i> <i>c) Cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề chứng khoán và giấy chứng nhận liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán; chấp thuận những thay đổi, đình chỉ, hủy bỏ liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</i> <i>e) Quản lý, giám sát hoạt động liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán của các tổ chức, cá nhân;</i>	Phù hợp với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật các tổ chức tín dụng; đồng bộ với các văn bản pháp luật có liên quan.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
sung trách nhiệm của Sở GDCK trong việc cung cấp thông tin về tình hình phát hành TPDN theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và quy định của Nghị định này; bổ sung trách nhiệm xử lý vi phạm đối với đối tượng thuộc quản lý, giám sát theo quy chế của SGDCK. + Trách nhiệm của VSDC: cơ bản kế thừa quy định hiện hành trong việc giám sát doanh nghiệp phát hành, thành viên lưu ký trong việc tuân thủ quy định về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch TPDN riêng lẻ; bổ sung thêm trách nhiệm xử lý vi phạm đối với đối tượng thuộc quản lý, giám sát theo quy chế của VSDC. + Trách nhiệm của UBCKNN: tiếp nhận thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để theo dõi,	<i>g) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;</i> + Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam <i>1. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam có các quyền sau đây:</i> <i>a) Ban hành các quy chế về niêm yết chứng khoán, giao dịch chứng khoán, công bố thông tin, thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các quy chế nghiệp vụ khác liên quan đến tổ chức và hoạt động thị trường giao dịch chứng khoán sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;</i> <i>b) Tổ chức, vận hành thị trường giao dịch chứng khoán;</i> <i>c) Cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật và quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;</i> <i>d) Tạm ngừng, đình chỉ giao dịch đối với một hoặc một số chứng khoán trong trường hợp giá, khối lượng giao dịch chứng khoán có biến động bất thường, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch không có biện pháp khắc phục nguyên nhân dẫn</i>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ; có ý kiến về việc chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại thị trường trong nước, về việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; có ý kiến về Quy chế của SGDCK, VSDC theo quy định; UBCNKNN thực hiện quản lý, giám sát việc thực hiện đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của VSDC; việc thực hiện công bố thông tin, chế độ báo cáo và tổ chức giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của SGDCK; trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm thì thực hiện thanh tra, kiểm tra SGDCK, VSDC. Trên cơ sở quản lý, giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ	<i>đến việc chứng khoán bị đưa vào diện cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch hoặc trong trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và bảo đảm ổn định, an toàn của thị trường chứng khoán;</i> <i>đ) Chấp thuận, thay đổi, hủy bỏ niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán và giám sát việc duy trì điều kiện niêm yết chứng khoán của các tổ chức niêm yết;</i> <i>e) Chấp thuận, hủy bỏ tư cách thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;</i> <i>g) Cung cấp dịch vụ đấu giá, đấu thầu; dịch vụ về thông tin thị trường và thông tin liên quan đến chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch; dịch vụ phát triển hạ tầng công nghệ cho thị trường chứng khoán và các dịch vụ liên quan khác theo quy định tại Điều lệ Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;</i> <i>h) Làm trung gian hòa giải theo yêu cầu của thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam khi phát sinh tranh chấp liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;</i> <i>i) Kiểm tra, xử lý vi phạm đối với thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, tổ chức niêm yết,</i>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
của công ty chứng khoán, báo cáo giám sát của SGDCK và VSDC, UBCKNN tiếp nhận và xử lý các vi phạm trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này; kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty chứng khoán. - Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức tín dụng huy động vốn từ phát hành trái phiếu; cấp phép cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ liên quan đến TPDN riêng lẻ theo quy định của Nghị định này và pháp luật về tổ chức tín dụng; giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và việc các tổ chức này cam kết	<i>tổ chức đăng ký giao dịch theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;</i> <i>k) Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch để phục vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;</i> <i>l) Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.</i> <i>2. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam có các nghĩa vụ sau đây:</i> <i>a) Bảo đảm hoạt động giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán được tiến hành công khai, công bằng, trật tự, an toàn và hiệu quả;</i> <i>b) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính, báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật;</i> <i>c) Giám sát hoạt động giao dịch chứng khoán, việc tuân thủ nghĩa vụ của thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, hoạt động công bố thông tin của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch và nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin quy định tại Điều 118 của Luật này;</i>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
mua lại trái phiếu của doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn; xử lý các hành vi vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này; phối hợp với Bộ Tài chính trong việc kiểm tra, giám sát tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn... + Trách nhiệm của Bộ Tài chính: Hướng dẫn việc công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; việc đăng ký, lưu ký, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước; quản lý, giám sát tổ chức kiểm toán, doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức xếp hạng tín nhiệm khi cung cấp dịch vụ liên	<i>d) Ban hành tiêu chí giám sát giao dịch, chỉ tiêu báo cáo giám sát giao dịch áp dụng cho thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;</i> <i>đ) Báo cáo, kiến nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường giao dịch chứng khoán; vi phạm của nhà đầu tư, thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;</i> <i>e) Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán cho nhà đầu tư;</i> <i>g) Cung cấp thông tin và phối hợp với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong hoạt động nghiệp vụ chứng khoán và cơ quan có thẩm quyền trong công tác điều tra, phòng, chống vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</i> <i>h) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.</i>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về kiểm toán, pháp luật về giá, pháp luật về xếp hạng tín nhiệm... + Trách nhiệm của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Căn cứ quy định của Luật số 76/2025/QH15, Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, Nghị định 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương¹, dự thảo quy định rõ trách nhiệm của Sở Tài chính, UBND cấp tỉnh như sau: (i) Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực	+ Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam <i>1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có các quyền sau đây:</i> <i>a) Ban hành các quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và các quy chế nghiệp vụ khác sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;</i> <i>b) Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo yêu cầu của khách hàng; cung cấp dịch vụ khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;</i> <i>c) Thực hiện cấp mã chứng khoán trong nước và mã số định danh chứng khoán quốc tế cho các loại</i>		

¹ Khoản 3 Điều 8 Nghị định 150/2025/NĐ-CP quy định Sở Tài chính là cơ quan “Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch; đầu tư phát triển, đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài; tài chính; ngân sách nhà nước;; kế toán, kiểm toán độc lập;; đấu thầu; doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hộ kinh doanh.”

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
thuộc trung ương có trách nhiệm tiếp nhận thông báo bằng văn bản về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong phạm vi địa phương, báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính, cập nhật vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; kiểm tra hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn theo phân công, phân cấp của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, xử lý các hành vi vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp, cung cấp	<i>chứng khoán đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;</i> <i>d) Chấp thuận, thay đổi, hủy bỏ đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;</i> <i>đ) Chấp thuận, hủy bỏ tư cách thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký;</i> <i>2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có các nghĩa vụ sau đây:</i> <i>a) Bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho các hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;</i> <i>b) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính; báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật;</i> <i>c) Giám sát hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; giám sát tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; giám sát việc tuân thủ nghĩa vụ của thành</i>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định tại Nghị định này có yêu cầu. (ii) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ trong phạm vi địa phương theo quy định tại Nghị định này và pháp luật doanh nghiệp; có trách nhiệm thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong phạm vi địa phương; thanh tra, kiểm tra hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn, xử lý các vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử	<i>viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;</i> - Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp đã bổ sung quy định để làm rõ trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc “<i>thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trong phạm vi địa phương</i>”. - Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc đôn đốc, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; tổng hợp tình hình quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trong phạm vi địa phương; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp; xử lý vi phạm của doanh nghiệp về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập; chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong công tác quản lý nhà nước		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
lý vi phạm được thông báo cho Bộ Tài chính theo định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 3 năm liền kề đề Bộ Tài chính tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này. Mẫu biểu, hình thức, phương thức gửi báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. + Trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp kiểm tra, giám sát việc chào bán, giao dịch và cung cấp dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.	đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập, công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp;.... - Khoản 3 Điều 8 Nghị định 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương dự thảo quy định rõ trách nhiệm của Sở Tài chính, UBND cấp tỉnh như sau: quy định Sở Tài chính là cơ quan “Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch; đầu tư phát triển, đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài; tài chính; ngân sách nhà nước;.....; kế toán, kiểm toán độc lập;; đấu thầu; doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hộ kinh doanh.” - Luật các tổ chức tín dụng: + Điều 206. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước 2. Ngân hàng Nhà nước là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tổ chức,		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài.</i> + Điều 207. Thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát <i>1. Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan.</i> - Điều 2 Nghị định số 29/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính 16. Về kế toán, kiểm toán <i>đ) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán, hoạt động dịch vụ kế toán, kiểm toán độc lập; hành nghề kế toán, kiểm toán độc lập và xử lý các hành vi vi phạm trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán, hoạt động hành nghề kế toán, kiểm toán độc lập.</i> 17. Quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>a) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</i> <i>19. Về quản lý tài chính các tổ chức tài chính và dịch vụ tài chính</i> <i>a) Xây dựng cơ chế, chính sách về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ chế, chính sách và thực hiện cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với hoạt động xếp hạng tín nhiệm, bảo hiểm hưu trí bổ sung và các định chế tài chính hoạt động trên thị trường tài chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật;</i> <i>g) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức hoạt động dịch vụ tài chính, tư vấn thuế và các dịch vụ khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật.</i> <i>- Về thẩm quyền xử phạt, Điều 47 Nghị định 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 128/2021/NĐ-CP) quy</i>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	định Chủ tịch UBCKNN, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực chứng khoán. Theo đó, người có thẩm quyền thuộc các cơ quan quản lý (bao gồm cả UBCKNN và UBND tỉnh) sẽ có đủ thẩm quyền và căn cứ để lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ của doanh nghiệp phát hành.		

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo

Qua rà soát, hiện tại không có các điều ước quốc tế về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Đối với các nội dung liên quan, Nghị định không có nội dung trái cam kết quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, trong đó có cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), các cam kết của Việt Nam trong ASEAN, cam kết song phương của Việt Nam ký kết với các nước.

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN,
PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH
ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN, GIAO DỊCH TRÁI
PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ
CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế. Kết quả như sau:

1. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Ngày 31/12/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (Nghị định số 153/2020/NĐ-CP), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 (thay thế Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 09/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP). Ngày 16/9/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 65/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành từ ngày 16/9/2022 (Nghị định số 65/2022/NĐ-CP). Ngày 05/3/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, có hiệu lực từ ngày 05/3/2023 (Nghị định số 08/2023/NĐ-CP).

Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và 02 Nghị định sửa đổi, bổ sung có vai trò quan trọng trong tạo khung pháp lý ngày càng hoàn thiện cho hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL).

Để tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của thị trường TPDNRL, Bộ Tài chính đã tham mưu trình Chính phủ báo cáo Quốc hội ban hành Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số Luật, bao gồm sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (Luật sửa đổi Luật Chứng khoán), Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp (Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp). Tại Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến TPDNRL gồm: (i) Bổ sung điều kiện chào bán TPDN riêng lẻ là cá nhân phải có xếp hạng tín nhiệm và tài sản đảm/bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng (ii) Tăng cường trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến hồ sơ chào bán TPDN riêng lẻ. Tại Luật sửa Luật Doanh nghiệp đã sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến TPDN riêng lẻ gồm: (i) Quy định về nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mua TPDN riêng lẻ áp dụng theo quy định của pháp luật chứng khoán, (ii) Quy định về tỷ lệ vốn vay so với vốn chủ sở hữu đối với điều kiện phát hành (ngoại trừ một số loại hình doanh nghiệp).

Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp đã có một số quy định mới về phát hành TPDN riêng lẻ, theo đó cần thiết phải xây dựng Nghị định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và TPDN ra thị trường quốc tế để hướng dẫn quy định của hai Luật và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

Rà soát và đánh giá khả năng làm phát sinh thủ tục hành chính, bảo đảm nguyên tắc chỉ ban hành hoặc duy trì các thủ tục hành chính thực sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và có chi phí tuân thủ thấp nhất.

Đảm bảo yêu cầu công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện thủ tục hành chính. Bảo đảm quyền tự do của người dân, doanh nghiệp trong hoạt động kinh tế đi đôi với tuân thủ pháp luật, gắn với trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước.

Rà soát, đánh giá các nội dung liên quan đến việc phân cấp, phân quyền, ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với các hoạt động liên quan đến TPDN riêng lẻ; bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính (nếu trong dự thảo văn bản có quy định thủ tục hành chính)

1.1. Thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định

Tại dự thảo Nghị định dự kiến quy định 02 thủ tục hành chính là: (i) thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm theo chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ; và (ii) thủ tục thông báo chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Hai thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở 02 thủ tục hành chính hiện hành được quy định tại các Nghị định về chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP).

1.2. Đánh giá tác động của TTHC

Về cơ bản, 02 thủ tục hành chính dự kiến quy định tại dự thảo Nghị định đã đầy đủ các thành phần cấu thành của thủ tục hành chính bao gồm tên, nội dung thủ tục hành chính, trình tự, thủ tục, cách thức thực hiện, hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí. Tại Bản đánh giá này, cơ quan chủ trì soạn thảo ngoài việc đánh giá tác động chung và yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính, bao gồm sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp của thủ tục hành chính dự kiến ban hành mà còn đánh giá đầy đủ về thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính. Cụ thể như sau:

a) Sự cần thiết của thủ tục hành chính:

Các quy định thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định đã đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, đồng thời bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và là biện pháp tối ưu trong các biện pháp có thể được thực hiện để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

- Thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 153/2020/NĐ-CP đã quy định về việc doanh nghiệp là công ty đại chúng phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và chỉ được phát hành khi có ý kiến bằng văn bản của UBCKNN. Theo đó, khi triển khai Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, các doanh nghiệp là công ty đại chúng phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền đã thực hiện đăng ký chào bán trái phiếu với UBCKNN theo quy định.

Đề hướng dẫn cụ thể về quy trình, hồ sơ, thời hạn xem xét hồ sơ đăng ký phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ như phạm vi quy định tại Luật, dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa quy định về thủ tục đăng ký đảm bảo tương ứng với điều kiện chào bán quy định trong Luật Chứng khoán. Cụ thể là quy định

rõ các nội dung liên quan đến quy trình đăng ký, mẫu đơn đăng ký, thời gian xét duyệt và ý kiến của UBCKNN đối với hồ sơ đăng ký chào bán, việc mở tài khoản phong tỏa ...

Trên cơ sở tiếp nhận hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu của doanh nghiệp, UBCKNN có quyền xem xét, tiếp nhận hồ sơ chào bán trái phiếu, từ chối nếu hồ sơ không đủ điều kiện. Việc sửa đổi, bổ sung quy định tại dự thảo Nghị định nhằm đảm bảo tính đồng bộ, tương thích của pháp luật về chào bán chứng khoán (giữa các quy định về chào bán cổ phiếu riêng lẻ và trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán) và phù hợp với Luật Chứng khoán.

- Thủ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

Tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP đã quy định về thủ tục thông báo chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp, bao gồm chào bán trái phiếu ra thị trường nước ngoài của công ty đại chúng. Theo đó, dự thảo Nghị định giữ nguyên quy định về thủ tục này như hiện hành. Cụ thể, trên cơ sở tiếp nhận hồ sơ chào bán trái phiếu của doanh nghiệp đầy đủ, hợp lệ, UBCKNN có văn bản thông báo cho doanh nghiệp và đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được hồ sơ của doanh nghiệp, không có ý kiến chấp thuận việc chào bán; sau khi hoàn tất đợt chào bán, doanh nghiệp gửi báo cáo kết quả chào bán trái phiếu cho UBCKNN.

b) Tính hợp lý của thủ tục hành chính

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể; bảo đảm sự công bằng giữa các cá nhân, giữa các tổ chức, giữa cá nhân với tổ chức, giữa các ngành, lĩnh vực, giữa trong nước với ngoài nước và có số lượng đối tượng tuân thủ được hưởng lợi nhiều nhất.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính được quy định phù hợp với thẩm quyền quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; thuận tiện cho cá nhân, tổ chức tuân thủ thủ tục hành chính trong việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể, cần thiết đối với yêu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với khả năng đáp ứng của cá nhân, tổ chức; bảo đảm sự công bằng giữa các cá nhân, giữa các tổ chức, giữa cá nhân với tổ chức, giữa các ngành, lĩnh vực, giữa trong nước với ngoài nước; phân định rõ trách nhiệm chứng minh yêu cầu, điều kiện; không quy định yêu cầu, điều kiện trùng với yêu cầu, điều kiện của một thủ tục hành chính khác có kết quả là thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính dự kiến quy định.

- Trình tự thực hiện được quy định đảm bảo cụ thể các bước thực hiện, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ

chức khi tham gia thực hiện. Cách thức thực hiện thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể. Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính có sự rút ngắn hơn so với quy định hiện hành. Hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính được quy định cụ thể về tên từng thành phần hồ sơ; đảm bảo chứng minh điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.

- Dự thảo Nghị định không quy định thêm về phí, lệ phí so với quy định riêng hiện hành hướng dẫn Luật Phí, lệ phí của Bộ Tài chính.

c) Tính hợp pháp của thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính dự kiến ban hành theo đúng thẩm quyền quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Nội dung của các quy định về thủ tục hành chính có sự thống nhất trong cùng một văn bản; không trái với các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao hơn, Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

d) Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Bộ Tài chính đã tiến hành tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 đối với các thủ tục hành chính được Dự thảo Nghị định quy định đầy đủ các bộ phận cấu thành theo khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung. Chi phí tài chính được tính theo mức trung bình hiện nay (chi phí cho 01 giờ làm việc là 54.000 đồng, chi phí phô tô, in ấn được tính ở mức cơ bản). Đối với những nội dung có thể tạm tính được, Bộ Tài chính đã tính toán đầy đủ chi phí cần thiết theo quy định./.

(Kèm theo Biểu mẫu đánh giá tác động thủ tục hành chính, Biểu mẫu tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính).

2. Việc phân quyền, phân cấp (nếu trong dự thảo văn bản có quy định về phân quyền, phân cấp)

- Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2022/NĐ-CP đã quy định cụ thể về trách nhiệm quản lý, giám sát đối với hoạt động phát hành TPDN riêng lẻ, bao gồm trách nhiệm của Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK), Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), UBCKNN, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp kiểm tra, giám sát việc chào bán, giao dịch và cung cấp dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

- Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp đã bổ sung quy định để làm rõ trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc “thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trong phạm vi địa phương”. Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc đôn đốc, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh

ng nghiệp theo quy định của pháp luật; tổng hợp tình hình quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trong phạm vi địa phương; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp; xử lý vi phạm của doanh nghiệp về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập; chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập, công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp;....

- Trên cơ sở kế thừa các quy định về cơ chế quản lý giám sát hiện hành, để phù hợp với các quy định của pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung, nhằm tăng cường yêu cầu quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp phát hành và thực hiện định hướng phân quyền, phân cấp, Bộ Tài chính đề xuất quy định về tổ chức kiểm tra, giám sát thị trường TPDN riêng lẻ như sau:

+ Trách nhiệm của SGDCK: tiếp tục kế thừa quy định hiện hành đối với Sở GDCK trong việc tổ chức và giám sát việc giao dịch TPDN riêng lẻ; quản lý, giám sát việc thực hiện chế độ công bố thông tin và báo cáo đối với doanh nghiệp phát hành, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành;... Bên cạnh đó, dự thảo bổ sung trách nhiệm của Sở GDCK trong việc cung cấp thông tin về tình hình phát hành TPDN theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và quy định của Nghị định này; bổ sung trách nhiệm xử lý vi phạm đối với đối tượng thuộc quản lý, giám sát theo quy chế của SGDCK.

+ Trách nhiệm của VSDC: cơ bản kế thừa quy định hiện hành trong việc giám sát doanh nghiệp phát hành, thành viên lưu ký trong việc tuân thủ quy định về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch TPDN riêng lẻ; bổ sung thêm trách nhiệm xử lý vi phạm đối với đối tượng thuộc quản lý, giám sát theo quy chế của VSDC.

+ Trách nhiệm của UBCKNN: tiếp nhận thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ; có ý kiến về việc chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại thị trường trong nước, về việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; có ý kiến về Quy chế của SGDCK, VSDC theo quy định;

UBCKNN thực hiện quản lý, giám sát việc thực hiện đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của VSDC; việc thực hiện công bố thông tin, chế độ báo cáo và tổ chức giao dịch trái phiếu doanh nghiệp

riêng lẻ của SGDCK; trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm thì thực hiện thanh tra, kiểm tra SGDCK, VSDC.

Trên cơ sở quản lý, giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty chứng khoán, báo cáo giám sát của SGDCK và VSDC, UBCKNN tiếp nhận và xử lý các vi phạm trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này; kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty chứng khoán.

- Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức tín dụng huy động vốn từ phát hành trái phiếu; cấp phép cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ liên quan đến TPDN riêng lẻ theo quy định của Nghị định này và pháp luật về tổ chức tín dụng; giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và việc các tổ chức này cam kết mua lại trái phiếu của doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn; xử lý các hành vi vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này; phối hợp với Bộ Tài chính trong việc kiểm tra, giám sát tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn...

+ Trách nhiệm của Bộ Tài chính: Hướng dẫn việc công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; việc đăng ký, lưu ký, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước; quản lý, giám sát tổ chức kiểm toán, doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức xếp hạng tín nhiệm khi cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về kiểm toán, pháp luật về giá, pháp luật về xếp hạng tín nhiệm...

+ Trách nhiệm của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Căn cứ quy định của Luật số 76/2025/QH15, Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, *Nghị định 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương¹, dự thảo quy định rõ trách nhiệm của Sở Tài chính, UBND cấp tỉnh như sau:*

¹ Khoản 3 Điều 8 Nghị định 150/2025/NĐ-CP quy định Sở Tài chính là cơ quan "Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch; đầu tư phát triển, đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và đầu tư kinh

(i) Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tiếp nhận thông báo bằng văn bản về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong phạm vi địa phương, báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính, cập nhật vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; kiểm tra hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn theo phân công, phân cấp của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, xử lý các hành vi vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này.

Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định tại Nghị định này có yêu cầu.

(ii) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ trong phạm vi địa phương theo quy định tại Nghị định này và pháp luật doanh nghiệp; có trách nhiệm thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong phạm vi địa phương; thanh tra, kiểm tra hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn, xử lý các vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này.

Kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm được thông báo cho Bộ Tài chính theo định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 3 năm liền kề để Bộ Tài chính tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này. Mẫu biểu, hình thức, phương thức gửi báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Đối với quy định về thẩm quyền của UBND cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có phát hành trái phiếu trong phạm vi quản lý địa phương, để đảm bảo việc triển khai được đồng bộ, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về trách nhiệm của Sở GDCK cung cấp thông tin về tình hình phát hành TPDN theo đề nghị của UBND cấp tỉnh.

Về thẩm quyền xử phạt, Điều 47 Nghị định 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 128/2021/NĐ-CP) quy định Chủ tịch UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt trong lĩnh

doanh từ Việt Nam ra nước ngoài; tài chính; ngân sách nhà nước;; kế toán, kiểm toán độc lập;; đấu thầu; doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hộ kinh doanh."

vực chứng khoán. Theo đó, người có thẩm quyền thuộc các cơ quan quản lý (bao gồm cả UBCKNN và UBND tỉnh) sẽ có đủ thẩm quyền và căn cứ để lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ của doanh nghiệp phát hành.

- Trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp kiểm tra, giám sát việc chào bán, giao dịch và cung cấp dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Nghị định quy định các nội dung nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng khoa học công nghệ như sau:

- Quy định việc nộp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định này được thực hiện thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

- Quy định khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định này thì thông tin về danh tính điện tử, thông tin tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử có giá trị chứng minh tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính.

- Quy định việc gửi hồ sơ đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại SGDCK thực hiện bằng hình thức điện tử theo Quy chế của SGDCK, quy định cụ thể về mẫu đơn để doanh nghiệp thực hiện;

- Quy định về chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp để nhà đầu tư và doanh nghiệp phát hành trái phiếu được truy cập để tìm hiểu thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

- Quy định trách nhiệm của Sở Tài chính trong việc cập nhật vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong phạm vi địa phương để thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra, phối hợp chia sẻ thông tin theo quy định.

Các quy định này phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc “đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số”, “xây dựng các cơ sở dữ liệu lớn có chủ quyền” như đã nêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Nghị định không có quy định nào có nội dung ảnh hưởng hoặc liên quan trực tiếp đến vấn đề bình đẳng giới.

Các thủ tục hành chính quy định trong dự thảo áp dụng chung cho tổ chức, cá nhân trong việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ mà không phân biệt giới tính.

Do đó, không đặt ra yêu cầu đặc biệt về nội dung bình đẳng giới hoặc các biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới khi thực hiện các thủ tục hành chính theo dự thảo Nghị định.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Nghị định không quy định nội dung liên quan trực tiếp đến việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bào dân tộc thiểu số, cũng như không có nội dung đặc thù nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Các quy định về thủ tục hành chính tại dự thảo áp dụng chung cho tổ chức, cá nhân trong chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, không phân biệt đối tượng, vùng miền, dân tộc.

Vì vậy, dự thảo Nghị định không ảnh hưởng hoặc yêu cầu đánh giá riêng biệt về việc thực hiện chính sách dân tộc.

III. PHỤ LỤC

Biểu mẫu đánh giá tác động thủ tục hành chính, Biểu mẫu tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung trong dự án, dự thảo văn bản

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN**

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)	Khoản 3 Điều 17, Điều 19, Điều 20 dự thảo Nghị định
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: quy định rõ ràng, cụ thể về đối tượng, cơ quan, trình tự, thủ tục thực hiện thủ tục hành chính, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính; yêu cầu, điều kiện, thành phần hồ sơ, kết quả của thủ tục hành chính
2. Trình tự thực hiện	

a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: - Quy định việc nộp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định này được thực hiện thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia - Các bước thực hiện được quy định hợp lý để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện. - Thủ tục hành chính không quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: - Có phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và tổ chức có nhu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính: 1. Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ đăng ký chào bán theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. 2. Doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ đăng ký chào bán tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo cho doanh nghiệp phát hành về việc nhận được đầy đủ hồ sơ; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 3. Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán. 4. Doanh nghiệp phát hành phải cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 19 Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này. Văn bản xác nhận thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này và phải được doanh nghiệp phát hành lưu trữ cùng hồ sơ chào bán trái phiếu. 5. Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo phương án phát hành và phải hoàn thành việc phân

	phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ. Số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. 6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán theo mẫu tại Phụ lục III Nghị định này kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp phát hành, Sở giao dịch chứng khoán về kết quả đợt chào bán. Báo cáo kết quả đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm). 7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cho tổ chức phát hành, đồng thời gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán. Sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, doanh nghiệp phát hành được yêu cầu ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Có
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: Lý do quy định:..... - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:

3. Cách thức thực hiện	
a) Gửi hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: - Quy định việc nộp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định này được thực hiện thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: + Cách thức thực hiện thủ tục hành chính được thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia, cá nhân hoặc tổ chức căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình để lựa chọn cách thức thực hiện nào thuận lợi, tiết kiệm chi phí tối đa khi thực hiện thủ tục hành chính.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Giấy đăng ký chào bán theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo thông tin được đầy đủ và thống nhất thông tin khai cho doanh nghiệp - Yêu cầu về hình thức: Bản chính Lý do quy định: là văn bản đề nghị (Giấy đăng ký) nên cần phải là bản chính có ký tên, đóng dấu trực tiếp của doanh nghiệp đề nghị
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành quy định tại Điều 11 Nghị định này. Những người có quyền lợi liên quan đến	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/Bản sao hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc các giấy tờ pháp lý Lý do quy định:.....

đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.	
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua đối tượng được chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/Bản sao hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc các giấy tờ pháp lý Lý do quy định:.....
d) Tên thành phần hồ sơ 4: Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán. Đối với việc chào bán của tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về đề nghị tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc chào bán của tổ chức kinh doanh bảo hiểm, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/Bản sao hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc các giấy tờ pháp lý Lý do quy định:.....

của Bộ Tài chính về việc tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.	
đ) Tên thành phần hồ sơ 5: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/Bản sao hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc các giấy tờ pháp lý Lý do quy định:.....
e) Tên thành phần hồ sơ 6: Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/Bản sao hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc các giấy tờ pháp lý Lý do quy định:.....
g) Tên thành phần hồ sơ 7: Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/Bản sao hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc các giấy tờ pháp lý Lý do quy định:.....

mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ.	
h) Tên thành phần hồ sơ 8: Đối với trường hợp phát hành trái phiếu có bảo đảm, phải có thêm tài liệu: - Đối với trường hợp bảo đảm theo phương thức bảo lãnh thanh toán: Văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định pháp luật; - Đối với trường hợp bảo đảm bằng tài sản: tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với tài sản được dùng để bảo đảm thanh toán trái phiếu; cam kết của bên thứ ba sở hữu tài sản bảo đảm về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/Bản sao hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc các giấy tờ pháp lý Lý do quy định:.....

(trường hợp bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba); hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm giữa bên sở hữu tài sản bảo đảm, Đại diện người sở hữu trái phiếu, bên nhận tài sản bảo đảm khác (trường hợp Đại diện người sở hữu trái phiếu không được nhận tài sản bảo đảm) và tổ chức phát hành; hợp đồng bảo hiểm tài sản (nếu có) đối với các tài sản này; chứng thư thẩm định giá tài sản bảo đảm còn hiệu lực; văn bản xác nhận đã đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản được dùng để bảo đảm (nếu có).	
i) Tên thành phần hồ sơ 9: Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ kèm chứng quyền trong trường hợp chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/Bản sao hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc các giấy tờ pháp lý Lý do quy định:.....

k) Tên thành phần hồ sơ 10: Tài liệu khác cung cấp thông tin về đợt chào bán cho nhà đầu tư (nếu có).	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/Bản sao hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc các giấy tờ pháp lý Lý do quy định:.....
l) Tên thành phần hồ sơ 11: Tài liệu sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (nếu có).	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/Bản sao hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc các giấy tờ pháp lý Lý do quy định:.....
m) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: - Thành phần hồ sơ của TTHC này được quy định rõ ràng, cụ thể, chứng minh được việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.
n) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):.....
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo cho doanh nghiệp phát hành về việc nhận được đầy đủ hồ sơ; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Lý do quy định: Đảm bảo thời gian giải quyết TTHC của cơ quan quản lý nhà nước.

b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☐ Lý do quy định:.....
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Lý do quy định: - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ:..... Lý do quy định:..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: bảo đảm cho tất cả các doanh nghiệp trong phạm vi cả nước được tham gia dịch vụ này, nếu đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:

Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 5	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính Lý do quy định: phù hợp thẩm quyền quy định tại Luật chứng khoán
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Đã quy định UBCKNN là cơ quan giải quyết thủ tục hành chính phù hợp thẩm quyền được quy định tại Luật chứng khoán
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm gửi phí, lệ phí và	Có ☐ Không ☐ Nội dung quy định: Lý do quy định:

các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Đảm bảo thông tin được đầy đủ và thống nhất thông tin khai cho doanh nghiệp
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Giấy đăng ký chào bán theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: thông tin về tổ chức phát hành - Lý do quy định: để xác định được thông tin cơ bản về chủ thể thực hiện thủ tục hành chính, làm cơ sở để xem xét hồ sơ, xác định có thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính hay không. + Nội dung thông tin 2: Hình thức phát hành Lý do quy định: xác định là chào bán trái phiếu riêng lẻ (chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ) của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, làm cơ sở xem xét thuộc trường hợp quy định phải thực hiện thủ tục hành chính. + Nội dung thông tin 3: Các thông tin về mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, đối tượng được chào bán Lý do quy định: làm cơ sở xác định có phù hợp quy định về mục đích phát hành, việc thông qua phương án, thông qua, lựa chọn đối tượng chào bán theo quy định tại Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp, Nghị định này, pháp luật có liên quan, và phục vụ công tác giám sát, kiểm tra trong quá trình tổ chức phát hành sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. + Nội dung thông tin 4: Thông tin về trái phiếu đăng ký chào bán Lý do quy định: cung cấp các thông tin cụ thể liên quan đến trái phiếu đăng ký chào bán, làm cơ sở để cơ quan thực hiện thủ tục hành chính xem xét, cho ý kiến. + Nội dung thông tin 5: Các tổ chức cung cấp dịch vụ Lý do quy định: Xem xét thông tin về các tổ chức cung cấp dịch vụ để đánh giá các tổ chức cung cấp dịch vụ có thuộc đối tượng được cung cấp dịch vụ liên quan chào bán TPDN riêng lẻ. - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:

d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ:..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):.....
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ Lý do:.....
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí nhà đầu tư; số lượng cổ phiếu, giá chào bán cổ phiếu hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán cổ phiếu;	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nếu rõ):
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này đối với đợt chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nếu rõ):

nghiệp theo quy định tại khoản 1a và khoản 1b Điều 11 của Luật này đối với đợt chào bán trái phiếu kèm chứng quyền;	
c) Yêu cầu, điều kiện 3: Việc giao dịch, chuyển nhượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi chào bán riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền chào bán riêng lẻ bị hạn chế tối thiểu là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại điểm b khoản này hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật;	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
d) Yêu cầu, điều kiện 4:	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán

Việc chào bán cổ phiếu, chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
d) Yêu cầu, điều kiện 5: Các đợt chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ phải cách nhau ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành riêng lẻ gần nhất, bao gồm: chào bán cổ phiếu riêng lẻ; chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ; chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ; chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):

phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng; phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ.	
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☒ Đề nghị nêu rõ: văn bản của UBCKNN thông báo cho doanh nghiệp phát hành về việc nhận được đầy đủ hồ sơ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☐ Không ☐ Lý do:
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☒ Không ☐ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể:..... tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do:.....
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do:
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	

Họ và tên người điền:
Điện thoại cố định: ; Di động: ; E-mail:

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Thủ tục đề nghị việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 dự thảo Nghị định
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: quy định rõ ràng, cụ thể về đối tượng, cơ quan, trình tự, thủ tục thực hiện thủ tục hành chính, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính; yêu cầu, điều kiện, thành phần hồ sơ, kết quả của thủ tục hành chính
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: - Quy định việc nộp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định này được thực hiện thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia - Các bước thực hiện được quy định hợp lý để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện. - Thủ tục hành chính không quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:

dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	- Có phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và tổ chức có nhu cầu khi thực hiện thủ tục hành chính; 1. Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đề nghị việc chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 26 Nghị định này; hồ sơ đề nghị việc chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 28 Nghị định này. 2. Doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ đề nghị việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo nhận được hồ sơ và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được hồ sơ của doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; 3. Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được hồ sơ, doanh nghiệp phát hành thực hiện chào bán trái phiếu theo quy định của thị trường phát hành; 4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành báo cáo kết quả chào bán theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; 5. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 37 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Có
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: Lý do quy định:..... - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:

	
3. Cách thức thực hiện	
a) Gửi hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: - Quy định việc nộp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định này được thực hiện thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: + Cách thức thực hiện thủ tục hành chính được thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, cá nhân hoặc tổ chức căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình để lựa chọn cách thức thực hiện nào thuận lợi, tiết kiệm chi phí tối đa khi thực hiện thủ tục hành chính.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
4.1. Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Giấy đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo thông tin được đầy đủ và thống nhất thông tin khai cho doanh nghiệp - Yêu cầu về hình thức: bản chính, theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này Lý do quy định:.....
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....

sở hữu công ty thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu, trong đó:

- Phương án phát hành phải nêu rõ: loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu chào bán, lãi suất trái phiếu hoặc nguyên tắc tính lãi suất trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu, thời điểm chào bán;

- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm các thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý, tình hình triển khai dự án) và/hoặc mua tài sản (nêu thông tin về tài sản, chi phí mua dự kiến) và/hoặc góp vốn/mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp tại doanh nghiệp khác và/hoặc sử dụng để thanh toán các khoản nợ (nêu thông tin về chủ nợ, giá trị hợp đồng, mục đích vay

nợ) và/hoặc bổ sung vốn lưu động; - Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải nêu rõ kế hoạch trả nợ gốc, lãi trái phiếu (trong đó nêu thời gian, nguồn trả nợ).	
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Văn bản xác nhận tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép theo quy định của pháp luật quản lý ngoại hối.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....
d) Tên thành phần hồ sơ 4: Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận hạn mức phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....
đ) Tên thành phần hồ sơ 5: Văn bản phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của cấp có thẩm quyền đối với doanh	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....

ngành phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	
e) Tên thành phần hồ sơ 6: Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán quốc tế trong trường hợp thị trường phát hành yêu cầu.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....
g) Tên thành phần hồ sơ 7: Tài liệu chứng minh bảo đảm điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....
h) Tên thành phần hồ sơ 8: Hồ sơ đăng ký chào bán với cơ quan có thẩm quyền tại thị trường phát hành hoặc ý kiến pháp lý của công ty tư vấn luật quốc tế về việc doanh nghiệp không phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nước	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....

sở tại khi phát hành trái phiếu.	
i) Tên thành phần hồ sơ 9: Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty thông qua hồ sơ	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....
4.2. Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Giấy đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo thông tin được đầy đủ và thống nhất thông tin khai cho doanh nghiệp - Yêu cầu về hình thức: theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này Lý do quy định:.....
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu, trong đó: - Phương án phát hành nêu rõ: loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu chào bán, lãi suất hoặc nguyên tắc tính lãi suất trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu, thời điểm chào	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....

bán, phương án chuyển đổi trái phiếu (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ hoặc phương pháp tính giá chuyển đổi, việc trả nợ vốn trong trường hợp không chuyển đổi trái phiếu, thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các điều khoản khác), phương án thực hiện quyền của chứng quyền (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ thực hiện quyền; giá hoặc phương pháp tính giá phát hành; việc trả nợ vốn; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài; các điều khoản khác). Trường hợp giá chuyển đổi, giá phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền thấp hơn mệnh giá, việc chuyển đổi, thực

hiện quyền chỉ được thực hiện khi doanh nghiệp phát hành có đủ thặng dư vốn cổ phần để bù đắp phần thặng dư âm phát sinh do phát hành cổ phiếu dưới mệnh giá. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết;

- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm các thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý, tình hình triển khai dự án) và/hoặc mua tài sản (nêu thông tin về tài sản, chi phí mua dự kiến) và/hoặc góp vốn/mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp tại doanh nghiệp khác và/hoặc sử dụng để thanh toán các khoản nợ (nêu thông tin về chủ nợ, giá trị hợp đồng; mục đích vay nợ) và/hoặc bổ sung vốn lưu động;

- Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải

nêu rõ kế hoạch trả nợ gốc, lãi trái phiếu (trong đó nêu thời gian, nguồn trả nợ).	
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền kèm theo chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....
d) Tên thành phần hồ sơ 4: Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....
đ) Tên thành phần hồ sơ 5:	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC

Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.	- Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....
e) Tên thành phần hồ sơ 6: Văn bản xác nhận tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép theo quy định của pháp luật quản lý ngoại hối.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....
g) Tên thành phần hồ sơ 7: Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận hạn mức phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....
h) Tên thành phần hồ sơ 8: Văn bản phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của cấp có thẩm quyền đối với doanh	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....

nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	
i) Tên thành phần hồ sơ 9: Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán quốc tế trong trường hợp thị trường phát hành yêu cầu.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....
k) Tên thành phần hồ sơ 10: Tài liệu chứng minh bảo đảm điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....
h) Tên thành phần hồ sơ 11: Hồ sơ đăng ký chào bán với cơ quan có thẩm quyền tại thị trường phát hành hoặc ý kiến pháp lý của công ty tư vấn luật quốc tế về việc doanh nghiệp không phải đăng ký với cơ	- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo yêu cầu để thực hiện TTHC - Yêu cầu về hình thức: Bản chính/bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính Lý do quy định:.....

quan có thẩm quyền nước sở tại khi phát hành trái phiếu.	
4.3. Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: - Thành phần hồ sơ của TTHC này được quy định rõ ràng, cụ thể, chứng minh được việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.
4.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo nhận được hồ sơ và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được hồ sơ của doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Lý do quy định: Đảm bảo thời gian giải quyết TTHC của cơ quan quản lý nhà nước.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển	Có ☐ Không ☐ Lý do quy định:

giao hồ sơ giữa các cơ quan?	
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Lý do quy định: - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ:..... Lý do quy định:..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: bảo đảm cho tất cả các doanh nghiệp trong phạm vi cả nước được tham gia dịch vụ này, nếu đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 5	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính Lý do quy định: phù hợp thẩm quyền quy định tại Luật chứng khoán

b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Đã quy định UBCKNN là cơ quan giải quyết thủ tục hành chính phù hợp thẩm quyền được quy định tại Luật chứng khoán
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do:..... - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác:..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm gửi phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☐ Nội dung quy định:..... Lý do quy định:.....
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Đảm bảo thông tin được đầy đủ và thống nhất thông tin khai cho doanh nghiệp

b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Giấy đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: thông tin về tổ chức phát hành - Lý do quy định: để xác định được thông tin cơ bản về chủ thể thực hiện thủ tục hành chính, làm cơ sở để xem xét hồ sơ, xác định có thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính hay không. + Nội dung thông tin 2: Các thông tin về mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Lý do quy định: làm cơ sở xác định có phù hợp quy định về mục đích phát hành, việc thông qua phương án theo quy định tại Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp, Nghị định này, pháp luật có liên quan. + Nội dung thông tin 4: Thông tin về trái phiếu đăng ký chào bán Lý do quy định: cung cấp các thông tin cụ thể liên quan đến trái phiếu đăng ký chào bán, làm cơ sở để cơ quan thực hiện thủ tục hành chính xem xét, cho ý kiến. + Nội dung thông tin 5: các bên liên quan (tổ chức bảo lãnh, tư vấn, kiểm toán, tổ chức khác) Lý do quy định: Xem xét thông tin về các tổ chức cung cấp dịch vụ để đánh giá các tổ chức cung cấp dịch vụ có thuộc đối tượng được cung cấp dịch vụ liên quan chào bán TPDN riêng lẻ. - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ Lý do:
10.1. Chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế	
a) Yêu cầu, điều kiện 1:	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:

Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty phê duyệt.	+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
c) Yêu cầu, điều kiện 3: Đáp ứng tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
d) Yêu cầu, điều kiện 4: Đáp ứng quy định về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☒ Không ☐

được Chính phủ bảo lãnh và pháp luật về quản lý ngoại hối.	Nếu Có, đề nghị nêu rõ: Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
đ) Yêu cầu, điều kiện 5: Đáp ứng các điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
10.2. Chào bán trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế	
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền kèm theo chứng	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒

quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.	Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
b) Yêu cầu, điều kiện 3: Các đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phải cách ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền gần nhất.	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
b) Yêu cầu, điều kiện 4: Được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
c) Yêu cầu, điều kiện 5: Đáp ứng tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒

quy định của pháp luật chuyên ngành.	Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
d) Yêu cầu, điều kiện 6: Đáp ứng quy định về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh và pháp luật về quản lý ngoại hối.	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☒ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: <i>Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh</i> + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
d) Yêu cầu, điều kiện 7: Đáp ứng các điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.	- Lý do quy định: Phù hợp Điều 31 Luật chứng khoán - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐

	- Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☒ Đề nghị nêu rõ: văn bản của UBCKNN thông báo cho doanh nghiệp phát hành về việc nhận được đầy đủ hồ sơ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☐ Không ☐ Lý do:
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☒ Không ☐ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể:..... tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do:.....
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do:
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Điện thoại cố định: ; Di động: ; E-mail:	

BỘ TÀI CHÍNH

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục đề nghị việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Chi phí thuê tư vấn, dịch thuật (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (4)*(5)+(6)+(7)	(11) = (10)*(8)*(9)	(12)
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Tìm hiểu thủ tục	Tìm hiểu thông tin về thủ tục	0,5	53.977	N/A	N/A	1	5	26.989	134.943	
1.2	Giấy đăng ký chào bán theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định	Chuẩn bị	1,0	53.977	N/A	N/A	1	5	53.977	269.885	
	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành	Chuẩn bị	12,0	53.977	N/A	N/A	1	5	647.724	3.238.620	
	Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua đối tượng được chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.	Chuẩn bị	12,0	53.977	N/A	N/A	1	5	647.724	3.238.620	

Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán. Đối với việc chào bán của tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về đề nghị tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc chào bán của tổ chức kinh doanh bảo hiểm, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính về việc tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.	Chuẩn bị	12,0	53.977	N/A	N/A	1	5	647.724	3.238.620
Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	Chuẩn bị	3,0	53.977	N/A	N/A	1	5	161.931	809.655
Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền.	Chuẩn bị	1,0	53.977	N/A	N/A	1	5	53.977	269.885
Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ.	Chuẩn bị	2,0	53.977	N/A	N/A	1	5	107.954	539.770

Văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định pháp luật (đối với trường hợp bảo đảm theo phương thức bảo lãnh thanh toán)	Chuẩn bị	N/A	53.977	N/A	N/A	1	5	N/A	N/A	
- Đối với trường hợp bảo đảm bằng tài sản: tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với tài sản được dùng để bảo đảm thanh toán trái phiếu; cam kết của bên thứ ba sở hữu tài sản bảo đảm về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu (trường hợp bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba); hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm giữa bên sở hữu tài sản bảo đảm, Đại diện người sở hữu trái phiếu, bên nhận tài sản bảo đảm khác (trường hợp Đại diện người sở hữu trái phiếu không được nhận tài sản bảo đảm) và tổ chức phát hành; hợp đồng bảo hiểm tài sản (nếu có) đối với các tài sản này; chứng thư thẩm định giá tài sản bảo đảm còn hiệu lực; văn bản xác nhận đã đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản được dùng để bảo đảm (nếu có).										
Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ kèm chứng quyền trong trường hợp chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân.	Chuẩn bị	N/A	53.977	N/A	N/A	1	5	N/A	N/A	
Tài liệu khác cung cấp thông tin về đợt chào bán cho nhà đầu tư (nếu có).	Chuẩn bị	6,0	53.977	N/A	N/A	1	5	N/A	N/A	

1.3	Tài liệu sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (nếu có).	Chuẩn bị	N/A	53.977	N/A	N/A	1	5	N/A	N/A	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1,0	53.977			1	5	53.977	53.977	
		Bưu điện							0	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác								0	0	
3,1	Phí								0	0	
3,2	Lệ phí								0	0	
3,3	Chi phí khác (nếu có)								0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		0,0	53.977			1		0	0	
5	Công việc khác (nếu có)								0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1,0	53.977			1	1	53.977	53.977	
		Bưu điện							0	0	
		TỔNG							2.455.954	11.847.952	

Ghi chú: Mức thu nhập bình quân/01 giờ làm việc được tính đến thời điểm tháng 12/2024 là: 53.977 đồng.

Một số chi phí phát sinh cho doanh nghiệp nhưng không đủ cơ sở để dự tính được do phụ thuộc vào các hợp đồng dân sự giữa tổ chức phát hành với các tổ chức cung cấp dịch vụ như tổ chức kiểm toán, tổ chức tư vấn, tổ chức xếp hạng tín nhiệm, đại diện người sở hữu, tổ chức bảo lãnh thanh toán...